

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 06235 6341

Nỗi Nhớ HAI ĐẦU

TẠP CHÍ NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI XUẤT BẢN
1999



TẠP CHÍ

Người Việt hải Ngoại

THE VIETNAMESE OVERSEA MAGAZINE

Nhóm Chủ Trương

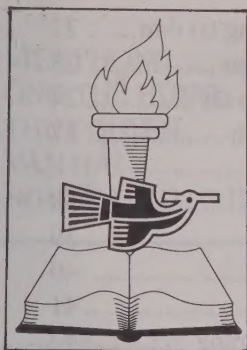
Nguyễn Tiến Lộc (Vân Hải) - Việt Phong
Hà Chính Bình - Ông Thế Hùng
Hà Toàn Phú - Trần Triệu Phú
Cầm Hà - Vũ Đình Kh - Đỗ Quyên
Lê Hồng Sơn - Trọng Đoàn - Trịnh Độ.

*Thư từ bài vở
 tranh, ảnh và ngân phiếu gửi về:*

Người Việt Hải Ngoại Magazine

P.O. Box 88264 Chinatown
Vancouver, B.C., V6A 4A5
Canada

Tel. / Fax: (604) 255-2872 or (604) 255-6705
Email: maiphens@yahoo.com or vudinhkh@sprint.ca



INTERNATIONAL CENTER

OCT 2 2002

số chuyên đề văn học nghệ thuật

MỤC LỤC

Văn

BAN BIÊN TẬP	Lời giới thiệu	4
HOÀNG NGÂN	Hà Nội nhớ	7
VŨ ĐÌNH KH	Về nguồn	25
MINH HOÀNG	Một chuyến đi	44
HƯƠNG THU HUYỀN	Người Mỹ	59
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	Gió đêm	75
TRỌNG ĐOÀN	Tản mạn chuyện đời tôi	90
HƯƠNG THU HUYỀN	Đồng một xu	104

Thơ

LY HƯƠNG	Hoa sữa	16
	• Nhớ hai đầu	
ĐÌNH VĂN MINH	Về miền Thanh	17
HÀ CHÍNH BÌNH	Nửa vãn thơ em	18
VÂN HẢI	Huế	20
LÊ HAI	Viết ở nhà hàng	21

VIỆT PHONG	Cánh buồm trắng cô đơn.....	22
LÊ HỒNG SƠN	Đêm thu trại cấm	23
ÔNG THẾ HÙNG	Sao Bắc cực sắp tắt	24
TRIỆU VŨ	Một khoảng tình	37
	• Tìm	
LÊ HAI	Nói với em	38
ĐỖ QUYÊN	Nắng	39
LÊ HAI	Em một nửa	40
VÂN HẢI	Đò đã khuất	41
LYHƯƠNG	Hai nửa vàng trắng	42
	• Sầu đông	
	• Gửi anh	
HÀ CHÍNH BÌNH	Cái gì em còn lại	43
ÔNG THẾ HÙNG	Lời quý ám	51
VIỆT PHONG	Biệt thự bên đường	52
TRIỆU VŨ	Gió chuyển mùa	54
	• Một con thuyền	
THỦY QUYÊN	Lời cuối	55
ÔNG THẾ HÙNG	Tu hạnh	56
	• Không đề	
THỦY QUYÊN	Dấu thời gian	57
ÔNG THẾ HÙNG	Gọi với	58
VIỆT PHONG	Nghĩ về những	64
	quân bài tổ tôm	
	• Trái rụng	
VÂN HẢI	Hai mái trường	68
HÀ CHÍNH BÌNH	Hôn lá	70
VIỆT PHONG	Gặp lại	72
LYHƯƠNG	Hà Nội - Sài Gòn	74
LÊ HAI	Trước thần vệ nữ	84
VIỆT PHONG	Nợ	85
ĐỖ QUYÊN	Dresden	86
THỦY QUYÊN	Vô phương	87
HÀ CHÍNH BÌNH	Cô hàng cơm rong	88
ÔNG THẾ HÙNG	Tình ca	89
THỦY QUYÊN	Mưa mộng	97
LÊ HỒNG SƠN	Một buổi chiều	98
VÂN HẢI	Hành phương Bắc	100
HÀ CHÍNH BÌNH	Con gió lạc loài	102
ÔNG THẾ HÙNG	Tình yêu để lại	103

VIỆT PHONG	Gió thổi qua cánh rừng	115
ÔNG THẾ HÙNG	Vụn vặt mùa xuân	116
THỦY QUYÊN	Tình nhân	117
VÂN HẢI	Dòng tâm sự	118
NGUYỄN HỮU CHUẨN	Chanh nhớ trắng quê	120

Tác phẩm trong nước

NGUYỄN BẢN	Sông Lấp	121
NGUYỄN QUANG THÂN	Tàu di Hòn Gai	123
NGUYỄN NGOC MỘC	Cây nhang	126

Văn học nước ngoài

CATƠ CHÔ PIN (Mỹ)..... Đứa con của Đêdirê 127

Trao đổi - Lý luận

ĐỖ QUYÊN	Những "Vì sao"	132
NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	Truyện ngắn là gì?	143
THIÊN GIANG	Vài nét về văn học hiện	146
	đại trong thập niên 90	

Tranh vui - Biếm họa

- ❖ HÀ TOÀN PHÚ 149
- ❖ BẢO HÀ 152

- ❖ Bìa trước: TRỊNH ĐỘ
- ❖ Bìa sau: Một góc phố Hà Nội
..... Tranh: HÀ TOÀN PHÚ
- ❖ Minh họa / ảnh TRỊNH ĐỘ. BẢO HÀ
..... HÀ TOÀN PHÚ
- ❖ Trình bày: HƯƠNG SƠN
- ❖ Phát hành: NGUYỄN MẠ NH LONG
- ❖ Biên tập: VIỆT PHONG

LỜI GIỚI THIỆU

Qúi độc giả cùng bằng hữu thân mến.

Trải qua nhiều niên đại, qua từng giai đoạn thăng trầm của nền văn học Việt Nam ở khắp mọi miền trên đất nước. Từ những thời kỳ phôi thai cho tới nay vẫn luôn được nâng cao và phát triển không ngừng.

Nhìn lại những năm gần đây, giòng văn học trong nước gần như công khai đứng ra đối thoại với mọi thế lực. Văn học Việt Nam đang có sự chuyển mình dữ dội để tìm đến Tự do và sự công bằng.

Những người Việt Nam ở khắp nơi trên toàn thế giới, sống xa quê hương đến nay đã được trên ba mươi năm trời. Có rất nhiều người đã thành đạt ở mọi lĩnh vực: Thương mại, khoa học, ngoại giao, tiến sĩ, giáo sư, học giả... Song, dù sống ở đâu, cương vị nào, những người Việt xa Tổ quốc cũng không bao giờ quên được quê hương, xứ sở của mình. Có rất nhiều gia đình sống nơi đất khách, quê người vẫn giữ được nền nếp, văn hóa Việt. Đã giáo dục, dạy dỗ con cháu mình sống có luân thường, đạo lý. Biết bảo vệ, giữ gìn nền văn hóa, văn học Việt Nam trong sáng, vĩnh hằng.

Tạp chí Người Việt Hải Ngoại ra đời nhằm mục đích đó: Duy trì, bảo vệ nền văn hóa, văn học Việt Nam ở Hải ngoại không bị mất đi, mai một. Ngược lại nó sẽ được tồn tại mãi mãi với tất cả chúng ta cùng lớp trẻ, con, cháu hôm nay và mai sau.

Ý thức được đây đủ việc làm tốt đẹp, phẩm hạnh, tình nghĩa và rất nhân bản này, chúng tôi, những người làm sách xin ra mắt bạn đọc cuốn Tạp chí mang tựa đề: "Nỗi nhớ hai đầu" do nhóm Văn hữu Vancouver - Canada cùng bằng hữu trên hoàn cầu sáng tác, biên tập và xuất bản.

Cuốn Tạp chí nhỏ bé này không chuyên chở những chủ thuyết vô hình. Chủ trương của chúng tôi: thuần khiết về mặt văn chương, bình dị, thô ráp về đời thường, đầy ắp những kỷ niệm của một thời mộng mơ, khốn khổ, lênh đênh, trôi dạt... Chúng tôi mong muốn Tạp chí Người Việt Hải Ngoại sẽ là diễn đàn của các bạn. Chúng ta dần trải lòng mình trên trang Tạp chí để giải tỏa những tâm tư u uất sâu kín, sầu héo, hoặc gợi nhớ về niềm vui bất chợt như một thoáng đam mê, để rồi lại trở về với thực tại khốn khó, cay đắng, phũ phàng.

Các bạn cứ viết nữa đi. Viết thật nhiều những kỷ niệm của một thời xa lắc. Viết về những mảnh đời vỡ vụn của người và của mình. Viết để vơi đi nỗi đau. Đó là liều thuốc an thần của nghiệp chương chữ nghĩa.

Là những người Việt Nam sống tha hương ở khắp nơi trên hoàn cầu, chúng ta đã phải trả giá quá đắt cho hai chữ: "Lưu Xứ". Giờ thì chúng ta đã đi chung trên con thuyền vượt biển đi tìm Tự do. Mong rằng mọi người hãy sống thân ái, đoàn kết bên nhau để tồn tại, cùng nhau xây dựng Cộng đồng, xây dựng nền văn hóa, văn học ở xứ người được vững mạnh, ấm áp tình người và trong sáng hơn. Xin đừng chia đôi, 50 người con lên rừng, 50 người con xuống biển làm gì. Tội lắm... Người ơi! Nếu Tổ Tiên ta không mắc phải cái sai lầm này thì đâu có cảnh kẻ Bắc, người Nam để con cháu đời nay nghi kỵ lẫn nhau, xa lánh, coi nhau như kẻ thù. Chúng ta là anh em, đều là nạn nhân của hận thù, sự lừa lọc và dối trá.

Văn học ở Hải Ngoại rất đa dạng. Nhưng nhìn chung thì còn thiếu vắng giọng văn học hiện thực phê phán. Những cây bút ra đi từ miền Bắc hầu như chưa mạnh dạn nhập cuộc, còn e dè, tránh lẹ. Thôi thì vẫn cứ phải chờ. Một tác phẩm gây xôn xao dư luận đâu phải một sớm, một chiều mà có được. "Văn chương tự cổ đa vi lụy". Chữ nghĩa chỉ làm khổ nhau chứ nào ích lợi gì. Nói vui vậy thôi, đã mang lấy "Nghiệp" thì phải đeo đuổi nó suốt đời, như một định mệnh đã an bài.

Tạp chí Người Việt Hải Ngoại hiện đang làm tròn bổn phận của nó: Khai nguồn cho giọng văn học Bắc Hà êm ái, từ tốn chảy, hòa nhập với những nhánh sông trôi ra đại dương. Đó là văn học đích thực, chân chính: Việt Nam Văn Học Hải Ngoại.

Giờ thì các bạn đã có cuốn Tạp chí Người Việt Hải Ngoại trên tay. Nó như món quà nhỏ trang trọng gửi tới các bạn. Cuốn sách như người bạn chân tình, tri kỷ đang giải bày, tâm sự những chuyện đời vui buồn cùng quý độc giả. Chắc chắn cuốn sách nhỏ bé này sẽ không phụ lòng quý bạn.

Bởi lẽ, những người viết vừa là nạn nhân, vừa là chứng nhân của cuộc đời

và thời đại. Họ như những con tằm rút ruột, nhả những sợi tơ óng chuốt cho đời. Đọc sách, các bạn sẽ gặp lại những chân dung của bạn bè và của chính mình: "Hà Nội nhớ" của Hoàng Ngân; "Về nguồn" của Vũ Đình Kh; "Một chuyến đi" của Minh Hoàng; "Người Mỹ" của Hương Thu Huyền; "Gió đêm" của Nguyễn Hoài Phương; "Tản mạn chuyện đời tôi" của Trọng Đoàn; "Đồng một xu" của Hương Thu Huyền; "Những vì sao" của Đỗ Quyên... Cùng nhiều thi phẩm, tranh vui, ảnh nghệ thuật, ký họa của những tác giả quen thuộc: Hà Chính Bình; Ông Thế Hùng; Việt Phong; Trịnh Độ; Văn Hải; Lê Hồng Sơn; Trần Triệu Phú; Ly Hương; Hà Toàn Phú; Nguyễn Hữu Chuẩn; Thủy Quyên; Lê Hai Đình Văn Minh. Mỗi người một vẻ, như những bông hoa lạ, đang âm thầm lan tỏa ngát hương, để rồi cùng đua nở trong vườn hoa văn nghệ Hải Ngoại mỗi ngày một rực rỡ, ngát ngào hương sắc.

Tạp chí Người Việt Hải Ngoại hy vọng sẽ đến được mọi gia đình Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới. Đứa con tinh thần của chúng ta có tồn tại được lâu dài là do công sức của quý độc giả, anh em bằng hữu thật sự quan tâm, cùng nuôi nấng, chăm sóc. Không niềm vui nào bằng tình thân ái đón nhận của quý độc giả đến với Tạp chí Người Việt Hải Ngoại. Sự thẩm định chân thành, quý báu của các bạn sẽ làm cho "Người Việt Hải Ngoại" thêm vững mạnh, ngày một phong phú.

"Nối nhớ hai đầu" là cái gạch nối giữa người viết và người đọc. Giữa anh em làm văn nghệ xích lại gần nhau hơn. Giữa bạn bè, chiến hữu đã có một thời sát cánh bên nhau, giờ thì tan tác, lộn độn ở phương trời nào? Tìm đến Người Việt Hải Ngoại, nghĩa là chúng ta đã tìm thấy nhau, tìm thấy lòng thương yêu, ấm áp tình người. Hạnh phúc nào hơn khi được chia sẻ với quý độc giả, anh em bè bạn bốn phương bằng chính tấm lòng chân thật của mình.

Và giờ đây, xin mời các bạn cùng hướng về phương trời quê mẹ để tìm lại những kỷ niệm của một thời đã mất. Tìm lại những mảnh vỡ cuộc đời ở đâu bên này hay đâu bên kia rồi cùng nhau chấp nối, hàn gắn lại nguyên vẹn. Chúng ta đều mong muốn cho cuộc đời tốt đẹp hơn lên. Cầu xin sự bình an, hạnh phúc cho Tình yêu - Tình bạn - Tình người được vững bền mãi mãi trong niềm tin yêu ở cả "Nối nhớ hai đầu".

Chân thành cảm ơn quý bạn

□

NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI I



HÀ NỘI NHỎ

□ Tùy bút của HOÀNG NGÂN

1. “Thôi đành ru lòng mình vậy,
Vờ như mùa đông đã về...”

“Yêu đến phải ‘vờ như’ thì thật lạ. Nhưng có thể hiểu được khi bạn là người Hà Nội. Từ Sài Gòn... nhớ về Hà Nội, nơi... có thể về hàng năm mà đã đến thế thì còn biết nói gì về lũ tỵ nạn chúng tôi...”

Đọc đến những dòng cuối của *Hà Nội-bài ca* (Cánh Én số 58, 8/1996), tôi cảm nỗi lòng của tác giả Lê Minh (L.M.) và muốn chia sẻ với chị. Không tỵ nạn, nhưng lang bạt xứ người đã hơn một thập kỷ, tôi- một kẻ trước khi ra đi chưa từng có một ý niệm về tình yêu Hà Nội- giờ đây, nhiều khi chỉ sống trên những ảo giác, những hoài niệm về mảnh đất Hà thành ấy. “*Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long*”, nào phải tôi là kẻ duy nhất có tâm tư như thế?

Nhắc đến người và việc Hà Nội, phải chăng, cũng chỉ để làm dịu đi nỗi nhớ triền miên về mảnh đất này?

2. - *Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!*

Nhưng làm sao nói về Hà Nội, mà không mở đầu với Phú Quang, con

người mà sau mỗi ca khúc của anh đều sừng sững, bàng bạc một hình bóng đồ thành. Ít nhất cũng vì chị L.M. đã kết thúc bài viết bằng *Nỗi nhớ mùa đông* của nhạc sỹ tài ba ấy. (Riêng đối với người viết bài này, nhạc Phú Quang còn là kỷ niệm sâu nặng về những chuỗi ngày lưu lạc xứ lạ, nơi tôi có dịp gặp gỡ người vợ yêu dấu sau này).

Cạnh Trình Công Sơn, Phú Quang được bầu là nhạc sỹ ăn khách nhất năm con Hội vừa qua. Cô Thùy Dung, một trong những ca sỹ được ưa chuộng ở Việt Nam hiện nay, còn xô đẩy thêm với câu tuyên bố xanh rờn: “*Khó mà không yêu Phú Quang!*”. Xin được nói rõ: yêu ở đây, chắc là yêu các ca khúc, yêu cái phong cách nghệ sỹ trong Phú Quang, chứ bản thân anh đã đề huề gia thất từ lâu rồi...

Ai đó tỉ mẩn đếm được trong vòng chục năm nay, Phú Quang sáng tác được chừng 600 ca khúc, ra 6 album nhạc, cái nào cũng cỡ bestseller. Anh còn là tác giả nhạc cho hầu hết các phim Việt Nam (phải chú thêm: đa số là loại phim “*chợ*”, “*mì ăn liền*”, không ít trường hợp ca khúc Phú Quang là điểm son duy nhất trong hơn một tiếng rưỡi đồng hồ!). Là một trong vài nhạc sỹ đương đại đầu tiên tự tổ chức được đêm nhạc cho mình (cách đây dăm năm), mà không cần đến kinh phí tài trợ của *Hội Nhạc sỹ*, có thể nói rằng Phú Quang là người thành đạt và sáng giá nhất trong làng âm nhạc Việt Nam thập kỷ 90 này.

Người con đất Bắc ấy lang bạt kiếm sống ở Sài Gòn đã chục năm nay. Sài Gòn cởi mở và nồng nhiệt là nơi anh cất cánh, nơi anh thực hiện những ước vọng của mình; trong chuyện này, Hà thành nhỏ bé và chật hẹp quá. Nhưng mảnh đất đã nuôi dưỡng anh quãng đầu đời vẫn luôn là nguồn cảm hứng vô tận cho Phú Quang trên con đường nghệ thuật.

Cứ ngỡ sau *Em ơi, Hà Nội phố*, Phú Quang khó tìm được gì mới về Hà thành. Nhưng không, nỗi nhớ Hà Nội “*quay quắt*” (chữ của chính anh) đã khiến Phú Quang năm nào cũng trả ơn được cho thành phố than yêu của mình những ca khúc đáng nhớ.

Cuối 1994, Phú Quang có một chuyến lưu diễn qua Nga, Ba Lan và Pháp gần nửa năm trời. Nhưng với anh, những giây phút hạnh phúc nhất vẫn là khi ra lại Hà Nội vào mùa đông, với “*nỗi rung rung bàng hoàng của đứa con đi xa ngày trở lại quê nhà*”. Bấy đêm nhạc *Thoáng heo may* của anh được giới hâm mộ nhạc Hà Nội nồng nhiệt đón chào, không kém gì những đêm *Ký ức Hà Nội phố* thừa nào. Ta hãy cùng Phú Quang trở về đất Thăng Long với *Hà Nội, ngày trở về*,

Hà Nội ơi! Mỗi khi lòng xác xơ/ Tôi vội vã trở về/ Lấy cho mình dù chỉ là chút bóng đêm/ trên đường phố quen/ dù chỉ là một chiều xưa giảng lối cũ/ Tôi bồi hồi khi chạm bóng của ô/ như ngày xưa mỗi lần chạm vai gầy áo mẹ/ Ôi nỗi nhớ muôn đời vẫn thế/ như dòng sông Hồng cuộn đỏ mãi trong tôi/

Vội vã trở về, vội vã ra đi/ Chẳng thể nào qua hết từng con phố/ Nhưng còn đó mùa thu, mùa thu đầy gió/ và rêu xanh bên những gốc cây già/ Vội vã trở về cùng tháng năm xưa/ sau những con đường dầu dãi nắng mưa/ Bên quán nhỏ em buồn nghe lá trút/ và mưa xa giăng kín phố dài/ Hà Nội ơi! Mỗi khi lòng xác xơ/ Tôi vội vã trở về/ để nghe tim mình rung rung nước hồ thu...

Cái chất nghệ sỹ “*dật dờ, dật dẹo, vật vờ, đi chỉ để đi, không tìm kiếm, không mục đích*” (L.M.) trong Phú Quang không hề suy suyển. Người nghệ sỹ cô đơn, hay lang thang trên phố vắng, dường như chỉ để tìm lại chính hình bóng mình thừa nào?

Chị L.M. băn khoăn “*khó có thể lý giải được nỗi cô đơn của anh [Phú Quang] trong các ca khúc, nhất là những ca khúc viết về Hà Nội*”. Cô đơn mà cũng phải, cũng có thể lý giải ư? Đời ta *ly* nhiều hơn *hợp*, *hợp* thì vui mà *ly* thì buồn, *ly* lắm thì buồn nhiều, buồn thì *cô quạnh*, *ly* sự kiêu *tam* (tứ, ngũ...) *đoạn luận* thế được không chị? Huống chi, nghệ sỹ vốn là kẻ “*tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*”, bảo họ lý giải nỗi cô đơn, e vô ích?

Nhưng trong trường hợp Phú Quang, nỗi cô đơn ấy được chính anh giải đáp. Đó là nỗi cô quạnh của một kẻ luôn bị “*ám ảnh về một đời sống đầy bức xúc về thân phận, về tình yêu*”. Kẻ ấy từng có “*một thời đẹp nhất của cuộc đời*” vào những năm tháng khi B 52 gầm rú trên bầu trời Hà Nội; với y, đó là một thời “*hồn nhiên, ít âu lo, tình quá mà dễ thương, trong sáng mà cũng lắm buồn vui...nghèo khó, gian truân, vất vả... nhưng không vì thế mà kém phần lãng mạn*”. Hẳn cũng có một tình yêu vào thời khói lửa ấy, tình yêu ngọt ngào nhưng để lại cho hân “*linh cảm đắng cay của sự chia ly, linh cảm về những điều đẹp để trong tình yêu mà tôi sẽ để mất đi trong cuộc đời*”. Nghe lời tự bạch, ta có thể nhận ra dấu ấn của nỗi khắc khoải ấy, khi ẩn, khi hiện, nhưng luôn chi phối từng nét nhạc Phú Quang.

Tôi dám cho rằng Phú Quang có duyên nợ đậm đà lắm với mùa đông Hà Nội, cái mùa mà nghĩ lại còn rùng mình thuở “*áo chăn chưa ấm thân mình*”. Phải chăng đó là kỷ niệm về “*hai linh hồn chung chiêng cố níu vào nhau giữa vòng đời lửa cháy...*” mà chính anh đã kể lại trong *Điều không thể nói*, một trong những ca khúc đầu đời? Tôi thêm có ngay được hỏi trực tiếp Phú Quang về điều đó. Không có kỷ niệm riêng tư gì, làm sao có thể tạo nên nét nhạc đau đáu như thế? Như mọi lần, Phú Quang lại đã phổ nhạc rất tài tình, rất có hồn một bài thơ (của Thảo Phương), làm bao kẻ chạnh lòng:

Dường như ai đi ngang cửa/ Gió mùa đông bắc se lòng/ Chút lá thu vàng đã rụng/ Chiều này cũng bỏ ta đi.

Năm nghe xôn xao tiếng đời/ Mà ngỡ ai đó nói cười? Bỗng nhớ cánh buồm xưa ấy/ Giờ đây cũng bỏ ta đi.

Làm sao về được mùa đông/ Dòng sông đôi bờ cát trắng/ Làm sao về được mùa đông/ Để nghe chuông chiều xa vắng (Mùa thu cây cầu đã gãy)

Thôi đành ru lòng mình vậy/ Vờ như mùa đông đã về

Đến đây, dù muốn hay không, tôi lại chợt nhớ đến một chàng trai xứ Bắc khác, từng “vang bóng một thời”: Ngọc Tân. Sau vụ “*một chiều mùa hè, Ngọc Tân ra bến cảng*” (1981), qua bao cay đắng, vợ chết, con cô, tù tội, anh phải phiêu bạt vào Nam “hát chui” dưới tên khác, để rồi vào năm 1991, được trở lại chính thức trên sân khấu. Người ta kể rằng để nhớ cái rét đất Bắc, Ngọc Tân từng làm những “*mùa đông nhân tạo*” bằng máy lạnh và chăn bông tự may giữa đất Sài Gòn! Nhớ đậm đà như thế, tôi không lạ khi nghe chương trình *Hà Nội ơi! Ta nhớ không quên* của anh vào năm ngoái, đã được



khán giả vỗ tay không muốn ngớt.

Hai chàng trai Hà thành Phú Quang và Ngọc Tân, một nhạc sỹ, một ca sỹ, có tuổi tác xấp xỉ và lắm điểm tương đồng, nhưng cái chung lớn nhất vẫn là tấm lòng không phai mờ với nơi chôn rau cắt rốn của mình, sau bao năm tháng lưu lạc, xa cách. Ngọc Tân đã khóc khi được hát lại cùng dàn nhạc *Đài phát thanh*. Phú Quang cũng thế, trong đêm nhạc cho Hà Nội. Phải chăng đó là nỗi niềm của những nghệ sỹ, nói như lời Phú Quang, “*vào khoảng khắc đầu tiên khi bài ca đến được với mọi người, cũng là lúc tôi hiểu thêm một điều: kẻ đã trót dấn thân vào trò chơi sáng tạo sẽ là kẻ tự hành xác mình đến cùng trong cuộc kiếm tìm chẳng chút bình yên*”?

Nếu như thế, trái với lệ thường, tôi không chúc hai anh thượng lộ bình

an trên con đường nghệ thuật đây gian truân...

3. Chẳng biết các bạn có để ý không, chứ theo tôi thì trong vòng dăm năm trở về đây, cái hào khí Hà thành tưởng đã bị chôn vùi từ thừa nào, lại bốc lên ngùn ngụt.

Thời xưa, đại diện cho thứ hào khí này là những người, ta hay gọi là “*sỹ phu Bắc Hà*”, tức là các danh sỹ xuất chúng trên một phương diện nào đó như chính trị, văn hóa... Hồi ấy, sỹ phu Bắc Hà với khẩu khí can trường từng đi vào huyền thoại, là những kẻ xuất sắc nhất đất nước, nên có lẽ không lạ nếu họ có vai trò lớn trong những việc làm cho Hà thành.

Ngày nay, hình như được chút thoải mái, chẳng phải chỉ những bậc thức giả cỡ Hà Sỹ Phu mới dám cất lời. Hay theo dõi báo chí trong nước, tôi vô cùng khoái trá khi thấy trong những vấn đề chương tai gai mắt, không những các học giả, văn nghệ sỹ, mà lắm bác “*phó thường dân*” cũng phản kháng ra trò. Cái *ý-thức-được-làm-người-Hà-Nội* trở lại dạy mạnh mẽ. Nạo vét, cho nước ngoài xây khách sạn lấp kín hồ Gươm, rải sỏi tháp Rùa, cho bơi thuyền du hí phạm thượng đến Rùa vàng ư: *phải kêu!* Lấy đình chùa, miếu mạo làm nhà trẻ, làm hồ xí ư: *phải kêu!* Phá cổng thành cổ, cạo râu, xây lại bằng bê-tông trông như mới, nhưng lỗ bịch ư: *phải kêu!* Chẳng biết có kết quả gì không, nhưng cứ kêu được như thế đã là khoái khẩu lắm, còn đâu cái thời một bộ phim hiền hậu và kín đáo như *Hà Nội trong mắt ai* cũng bị “đánh” toi bời và làm tác giả của nó, đạo diễn Trần Văn Thủy, phải lao đao bao bận.

Theo xu hướng ấy, có lẽ các nhạc sỹ cũng không ngoại lệ. Đồi ba năm nay, tôi được nghe khá nhiều bài hát hay về Hà Nội. Xem danh mục các ca khúc được giải năm 1995, sơ sơ đã thấy có 3 bài về chủ đề Hà Nội: *Hà Nội tình yêu của tôi* (Văn Dung), *Xa Hà Nội* (Phan Nhân) và *Hà Nội, thầm hát trong tôi* (Phạm Minh Tuấn). Dĩ nhiên, đây chỉ nói về *lượng*, nếu xét đến *chất* và *bất* chúng phải *khác*, phải *mới* hơn mấy chuẩn mực như *Người Hà Nội* hoặc *Em ơi, Hà Nội phố*, thì khó và có lẽ còn lâu mới đạt được. Nhưng trên cái nền nhạc hay bị lãnh đạo, chỉ huy và uốn nắn ở ta, thì chuyện chỉ nhớ nhung, hồi tưởng về hình bóng một Hà Nội nên thơ, mà không chen vào đó những cảm xúc “bay bổng” về Đảng, Bác..., những tự hào lộ liễu, lên gân về đất nước, truyền thống và tương lai dân tộc..., cũng đáng khích lệ lắm rồi.

Mà, vui hơn nữa, không chỉ những nhạc sỹ bậc “cha chú”, mà cả nhiều tác giả ta chưa hề được nghe tên, cũng mạnh dạn viết về, viết cho Hà Nội. Đáng kể, là họ viết rất chân thực và dường như thoát được một số lối mòn của thế hệ đàn anh.

Xin được đơn cử 2 bài dưới đây, để minh họa.

(Đến đây, phải mở ngoặc để thanh minh đôi chút. Từ đầu đến giờ, chắc bạn đọc nhận ra, tôi trích dẫn nhiều, có khi nguyên văn, từ những lời bài hát.

Hắn bạn sẽ hỏi: nhiều thế để làm gì, tốn giấy, phí mực và thời gian. Ai đã biết bài hát, đọc nhiều thấy nhàm và chán. Ai chưa biết, chỉ đọc suông, chắc gì đã thấy hay.

Cái chết là ở chỗ đó. Viết (hay đọc) về nhạc, mà không có cái dài, cuộn băng kê kê bên cạnh, thật vô duyên và cái thú giảm đi phân nửa. Làm sao được, khi ứng dụng multimedia (*đa môi giới?*, như có vị thức thời nào đó ở hải ngoại “phiên” ra tiếng Giao Chỉ) của tin học có lẽ chưa nằm trong tầm tay với của đa số dân ta, trong đó có tôi. Xin các bạn cứ tạm đọc “chay” lời những bài hát, nhiều khi bản thân chúng đã là những vần thơ không tồi. Còn phần nhạc, nếu chưa biết, xin bạn ... tìm nghe. Hoặc không, cứ tự tưởng tượng ra vậy!

Từ rày trở về sau, xin được trích dẫn dài dài cho liên mạch thơ và cảm hứng, không nỡ cắt bỏ. Hết và đóng ngoặc.)

Bạn đã nghe cái tên Trọng Đài bao giờ chưa? Tôi chắc là chưa, vì tôi cũng vậy, trước khi biết *Hà Nội đêm trở gió*, Ngọc Tân hát trong một cassette gồm toàn những bài về Hà Nội. Ca khúc hay, đẹp và cảm động:

Hà Nội ơi, tươi xanh màu áo học trò/ Những con đường thân quen còn đó/
Tiếng reo vang đầu đây nghe động trời đêm/ Hồng Hà ơi, buồn ai khe khẽ
thuyền về/ Cảnh me thì thăm gục đầu vào dĩ vãng/ Tiếng ve kêu râm ran suốt
đêm hè/ Giọng dân ca sao gọi nhắc hồ Gươm.

Hà Nội ơi, xanh xanh liễu rủ mặt hồ Gươm/ Cô đơn sáu rụng ngoài ngõ
vắng/ Con sóng nào vẫn vỗ về vào đam mê/ Hà Nội ơi, Hà Nội ơi.

Ta nhớ không quên, những tháng năm qua/ Một nét riêng tư gọi nhắc cho
ai/ Là nhắc đến những kỷ niệm đã qua.

Hà Nội ơi, nhớ về mùa thu tháng mười/ Áo học trò xanh những hàng me/
Hà Nội ơi, ta nhớ không quên/ Hà Nội ơi, trong trái tim ta.

*Chiều mùa thu, gió về rợp trên phố phường/ Nắng vàng hồng tươi những
nụ cười/ Hà Nội ơi, ta nhớ không quên/ Hà Nội ơi, trong trái tim ta*

Bài hát chưa thoát khỏi “cái bóng của ‘Người Hà Nội’”. Nhưng có những câu hay: “*Cô đơn sáu rụng ngoài ngõ vắng/ Con sóng nào vẫn vỗ về vào đam mê*”. Có câu đạt mức xuất thần: “*Cảnh me thì thăm gục đầu vào dĩ vãng*”. Đoạn kết “*Hà Nội ơi, ta nhớ không quên/ Hà Nội ơi, trong trái tim ta*”, nghe thấy thường nhật, không lạ, mà mỗi lần đến đó, khi người ca sỹ nghẹn ngào, tôi vẫn thấy tràn trề cảm xúc như vừa trót đánh mất một thứ gì quý giá...

Ca khúc sau đây, theo báo chí ở nhà, là một trong số ít bài hát trong nước được thanh niên, sinh viên hát trong những dịp hội diễn, sinh nhật..., hoặc những khi chợt... nổi hứng (ngoài ra, họ chỉ khoái bài Tây, nhạc “*vàng*” hay “*hải ngoại*” thôi). Với cái tên gọi nhớ, *Hà Nội mùa vắng những cơn mưa* (Trương Quý Hải) dường như đoạt giải nhất trong cuộc thi ca khúc về Hà Nội

năm 1995. Thông tin này tôi được nghe qua một ca sỹ chuyên nghiệp (?) khá trẻ ở nhà, nay sang đây kiếm sống; anh là đồng tác giả của bài hát. Chẳng biết hư thực, nhưng nghe anh hát say sưa đây xúc cảm, tôi nghĩ: “*Có thể như thế quá chứ?*”

Hà Nội mùa này vắng những cơn mưa/ Cái rét đầu đông heo may hiu hiu
gió lạnh/ Hoa sữa thôi rơi, em bên tôi một chiều tan lớp/ Đường Cổ Ngư xưa
chậm chậm bước ta về.

Hà Nội mùa này chiều không buông nắng/ Phố vắng nghiêng nghiêng
cành cây khô/ Quán cóc liêu xiêu một câu thơ/ Hồ Tây, hồ Tây tím mờ.

*Hà Nội mùa này lòng bao nỗi nhớ/ Ta nhớ đêm nao lạnh đôi vai/ Hơi ấm
trao em tuổi thơ ngây/ Tưởng như, tưởng như còn đây*

Lại một ca khúc nữa về Hà Nội dịu hiu, Hà Nội lạnh lẽo; bật không thấy dấu ấn tự hào “*Hà Nội tìm ta đó, rộng dài trong gian khổ*”, “*Cho ngày nay, cho ngày mai, cho muôn đời sau*”. Hà Nội ở đây cũng không là cái nền, cái bung xung để hô hào, cổ động cho những chủ trương, chính sách cấp thiết, như đi kinh tế mới (“*Bên nhau, bên nhau xây đời/ Thấm thiết, thấm thiết tiếng cười/ ta đi muôn nơi xa vời/ Nhớ mãi, nhớ mãi không quên/ Hà Nội đẹp mãi trong tim ta...*”), đi tòng quân, ra biên giới, hải đảo (“*Rằng Hà Nội nhớ, Hà Nội thương/ Những người con vững bước chân lên đường/... Yên tâm anh nhé, mà đi/ Quan san xa cách nhau hề chi/ Hồ Gươm vẫn nhớ, và em vẫn đợi chờ*”)... Như một bức tranh chấm phá, bài hát gọi cho ta hình ảnh một cặp tình nhân dắt tay nhau, lặng lẽ giữa dòng đời cô quạnh; họ chỉ biết có nhau, với họ, dường như không gian, thời gian và cả Hà Nội cũng chỉ là một khái niệm tương đối, một cái có cho mối tình ấy. Phảng phất một nỗi buồn man mác, vẩn vơ, vô cớ, *Hà Nội mùa vắng những cơn mưa* cứ nhẹ nhẹ ru ta về một thời xa xôi, chỉ còn trong tâm tưởng, khiến bất giác, ta chợt muốn đổi cả phần đời còn lại, để được xuôi dòng quá khứ, dù chỉ một giây, một phút...

4. Tôi có một chị bạn, tôi biết chị là người Hà Nội trước khi nghe chị nói. “*Ở viễn xứ gặp như thế khó lắm*”, tác giả L.M. bảo thế, không rõ thực hư. Một điều chắc chắn, bên này, rất nhiều người nhận là Hà Nội, nhưng không phải ai cũng xứng danh với người Tràng An.

Đến chơi nhà chị, thấy lắm băng nhạc trong nước, nhất là những băng về Hà Nội, tôi liền sấn đến gạ gã nghe. Chị kêu lên “*lâu lắm mới có người hợp ý*”, tôi cũng thế. Đó là lần đầu tiên, tôi được nghe Lê Vinh với *Hà Nội và tôi*, một bài hát về đất Thăng Long được ưa thích nhất trong vòng 1, 2 năm nay, theo lời chị (chị mới qua, nên sành những thông tin ở Hà Nội).

Lê Vinh, tôi coi mấy tấm ảnh trên báo, thấy trẻ lắm, có lẽ ngoại tam tuần không xa. Mới nghe dăm bài của anh, trên tổng số hai chục bài được công bố, nói về nhạc Lê Vinh không khỏi hàm hồ. Nên chỉ dám “*khoanh*

vùng” với *Hà Nội và tôi*, cùng vài chi tiết về con người nhà nhạc sỹ trẻ này, theo những thông tin được biết.

“*Ngõ nhỏ, phố nhỏ, nhà tôi ở đó*”, mở đầu bài hát nổi tiếng của mình như vậy, nhưng Lê Vinh làm gì có nhà. Anh ở nhờ một người quen, trong một xóm lam lũ, “*bụi đời*” ở Hà Nội. “*Tôi chẳng lo lắng gì cho mình cả, hình như người Hà Nội nào cũng sẵn sàng mời tôi ăn, cho tôi ngủ nhờ một đêm...*”, tâm sự như thế, nhưng cũng có lúc, anh bảo: “*Tôi chỉ mơ ước có một mái nhà...*”

Người nghệ sỹ trẻ ấy đã liều lĩnh hết sức, khi phó mặc đời mình cho âm nhạc. Từng đi lính, rồi dạy học (anh tốt nghiệp khoa Toán ĐHSP Hà Nội), với niềm say mê sáng tác, Lê Vinh bỏ tất cả để “*tìm sự chắc chắn trong âm nhạc*”, dù toàn bộ kiến thức cơ bản của anh chỉ là một khóa học 3 tháng (tự trả tiền) do *Hội Nhạc sỹ* mở vào năm 1990. Rồi cứ thế, anh bèn bỏ, lặn lẽ sáng tác, những ca khúc *Biển đêm* (thơ Nguyễn Thị Hồng Ngát), *Mùa thu muộn* (thơ Nguyễn Hoàng Sơn), *Cây bàng thời gian* (thơ Bảo Chấn), *Mùa hoa cải...* của Lê Vinh đã gây được ấn tượng và được khán giả ưa thích. Nhưng cái tên Lê Vinh chỉ được đại chúng học thuộc, khi anh sáng tác *Hà Nội và tôi*, một ca khúc được yêu cầu hát lại nhiều nhất trong các đêm nhạc ở Thủ đô.

Hà Nội của Lê Vinh, có gì khác với Hà Nội của bao người đã đi trước như Nguyễn Đình Thi, Phú Quang, Hoàng Hiệp...? Khác chăng, ở chỗ quá mộc mạc, quá thân tình, mà cũng quá đối thân quen, da diết đến độ phải hét lên, phải khóc lên:

Nơi tôi sinh, Hà Nội/ Ngày tôi sinh, một ngày bỗng cháy/ Ngõ nhỏ, phố nhỏ, nhà tôi ở đó/ Đêm lặng nghe trong gió, tiếng sông Hồng thở than...

Những ngày tôi lang thang/ Tôi mới hiểu tâm hồn người Hà Nội/ Mộc mạc thôi mà sao tôi bồi hồi/ Mộc mạc thôi mà băng khuâng nhớ mãi/ Tuổi thơ đã đi qua không trở lại/ Cháy hết mình cánh phượng nhẹ nhàng rơi.

Hà Nội ơi, Hà Nội ơi!/ Cái ngày tôi chia xa Hà Nội/ Giờ ra đi mới thấy lòng tiếc nuối/ Những kỷ niệm một thời nồng nức/ Cứ thôi thúc hoài khắc khoải nơi trái tim.

Hà Nội ơi, Hà Nội ơi!/ Khát vọng trong tôi, tình yêu trong tôi/ Thời gian có bao giờ phai/ Như nước hồ Gươm xanh vơi vợi/ Như bông hoa sữa nồng nàn đắm đuối/ Bước chân tôi qua bao nẻo đường/ Vẫn mong một ngày trở về Hà Nội ơi!

Ngõ nhỏ, phố nhỏ, nhà tôi ở đó/ Trong giấc mơ, tôi vẫn thăm mơ...

Bài hát mang nặng tính tự sự. Hà Nội của Lê Vinh, phải chăng là Hà Nội của những tâm hồn khốn khó, của những kẻ lang thang, vất vưởng, với nhiều gian lao, mất mát? Nào đã xa Hà Nội mà tác giả như chua xót vì đã đánh mất mảnh đất đô thành. Lê Vinh thú nhận anh “*cứ đi tìm, tìm mãi mà chẳng thấy cái muốn tìm*”. Tìm sao được cái đã mất; cái mà anh hi vọng, có

Về Nguồn

□ Truyền ngắn của VŨ ĐÌNH KH.

Gửi H.

Thuấn rời Vancouver vào một buổi sáng trời ảm đạm màu chì, mưa xiên xiên phủ ngập thành phố.

Thuấn cầm lái, hộp từng ngụm cà phê từ tay vợ đưa sang, mắt thông thả nuốt từng đoạn đường trên xa lộ dài hun hút, trước mặt, như một con trăn lớn vô hình, bất tận.

Thuấn đang trên đường trở về Edmonton, sau bốn năm xa thành phố này. Lũ trẻ ca hát vang rân trong lòng xe rộng. Thuấn vui vui gõ nhịp hát theo chúng lòng nao nao...

Mười sáu năm trước, một buổi sáng tuyết rơi ngập đường với cái lạnh 30 âm độ C, bước chân phiêu lưu đầu tiên của Thuấn dừng lại là Edmonton, sau một năm nằm ở đảo chờ ngày đi định cư.

Năm ấy, Thuấn 18 tuổi.

Tuổi trẻ vốn dễ dàng hội nhập đời sống xã hội mới. Ngày đầu tiên bước xuống phi trường, một nơi chốn xa lạ, nhìn tuyết phủ ngập khắp các cánh đồng, cây cỏ, phố thị; Thuấn thấy thích thú vô cùng. Vì thế, dạo ấy mỗi khi trời lập đông, tuyết vừa đổ xuống trải một lớp trắng mỏng mềm mại, tự dưng lòng Thuấn chợt vui vui, rộn rã vô hình.

Thuấn yêu tuyết vô cùng.

Thuấn yêu tuyết, cũng như yêu người anh đang yêu lúc bấy giờ, khi họ rủ nhau đi trượt tuyết vào những ngày nghỉ học. Họ sánh vai ngồi trên một con tàu bằng hộp nhỏ dây cáp kéo đưa lên đỉnh núi cao phủ đầy tuyết trắng bát ngát, gió bạt ngàn lạnh cắt da; và từ trên ngọn núi cao ấy, đôi tình nhân trẻ vun gậy lao vun vút xuống cánh đồng bên dưới, hòa lẫn tiếng cười hả hê, âm vang vọng lại khắp núi rừng của những kẻ đang trong thời yêu nhau. Hoặc những cuối tuần, họ đi câu trên một mặt hồ rộng lớn đã đóng băng sâu hơn

thước nước. Ở đây, họ đậu xe, căn lều, đục thùng lớp băng dày, to như miệng bát bằng một loại khoan quay tay, sau đó những sợi cước ngắn ngắn được thả xuống để câu những chú cá đoi mỗi suốt mấy tháng mùa đông. Trên mặt hồ đóng băng rộng mênh mông, họ ăn uống, tâm sự, vui đùa và làm tình trong túp lều nhỏ rung phàn phật, mỗi khi gió thổi những cơn lạnh buốt người. Và cũng trên mặt hồ mênh mông này, với những ngọn gió nóng khô khốc từ tít bị chặn lại bởi ngọn Rocky Mountain trải dài sang phần đất nước Mỹ, họ dong thuyền, câu cá những tháng vào hè.

Tuổi trẻ là thế. Thuần vô tư, tràn đầy sức sống. Anh không vướng mắc những quá khứ đã thổi qua đời người. Có chăng, chỉ còn là những hệ lụy rời rớt đọng lại, lao xao trên những sinh hoạt quanh anh.

Rồi những đứa con xinh xắn, bụ bẫm ra đời. Chúng tích của những tháng ngày hai vợ chồng Thuần yêu nhau cuồng nhiệt trong túp lều nhỏ giữa mặt hồ đóng băng vào những tháng mùa đông; hoặc, trên chiếc thuyền nhỏ buông neo, trôi dạt dờ trên mặt hồ phẳng lặng những tháng hè.

Và, theo thời gian khắc nghiệt - của sự lập lại và tiếp diễn - đời sống cũng phải được tái lập trật tự trong khuôn khổ gia đình với hai mặt con. Thuần buông neo, cột con thuyền gia đình vào đời sống cộng đồng ở những cuối tuần, như anh đã buông neo con thuyền sau những cuộc giao hoan mỗi một.

Cả hai bắt đầu hết thích tuyệt. Họ ghét tuyệt, khi những đòi hỏi vật chất, áo quần từ những đứa trẻ bắt đầu lớn nhanh như thổi. Và dĩ nhiên, ngoài căn nhà đã mua, cần phải có chiếc xe mới hơn đủ sưởi ấm, mỗi sáng sớm chở lũ trẻ tới trường. Thời giờ dành cho yêu nhau của họ bắt đầu ngừng lại thấy rõ khi đứa con thứ ba ra đời. Cả hai lao vào công việc thường nhật dài giờ hơn trước kia, để trả nợ những vật chất, những hoan lạc tầm thường con người.

Đời sống cứ thế trôi chậm chậm. Thông thả. Buồn nản. Nhưng một thời gian sau đó, Thuần chợt cảm nhận từ đâu đó trong tâm thức đang dần dần thay đổi. Hoặc, chính anh đã khám phá một sự mới lạ đang từ từ đâm chồi và nẩy mầm trong cái thăng lập dị là anh, thích suy nghĩ vu vơ, huyền mộng. Rằng, không khí quanh đây, ở thành phố này, dường như có một cái gì thiếu thiếu, nhợt nhạt đối với anh, ngoài vật chất luôn dư thừa.

Mãi 12 năm sau, Thuần mới khám phá ra mình thiếu cái gì?

Thật vậy. Anh thấy thiếu "cái" không khí quê hương. Và trong cái thiếu vắng không khí quê hương ấy, Thuần khám phá nhiều cái thiếu nhỏ nhặt, chi li khác. Chẳng hạn: như thiếu cái thổ khí của đất sau một cơn mưa dội về thành phố, thiếu cái mùi gió mặn của biển Nha-trang dạo nào xa xưa; và nhất là thiếu tiếng nỉ non, sầu thảm côn trùng.

Thuần đang "về nguồn" ở tuổi ba mươi. Có quá muộn màng chăng?

Thuần rời Edmonton không tiếc nuối khi biết kinh tế ở thành phố này đang trên đà đi xuống dốc không lối thoát. Anh dự định rời Edmonton không

báo trước bạn bè.

Hôm Thuấn cầm bảng bán nhà, thằng bạn thân thuở từ Việt-nam, vượt biên cùng một chiếc tàu bé tí, cùng ở một thành phố trong ngày đầu định cư; cùng mua nhà ở một xóm nhỏ xa thị phố ngột ngạt về đủ mọi điều, ở cách nhau bốn căn, thấy vậy kéo vợ con chạy sang. Hoan hỏi với khuôn mặt mắt bình tĩnh.

"Mày bán nhà?"

"Ừ, bán nhà." Thuấn đáp, ngạc nhiên nhìn bạn.

"Bán. Rồi mày đi đâu?"

Đi đâu ư? tôi đang tìm về nguồn chứ đi đâu. Tôi đi tìm những "cái" huyền mộng, tôi đã thiếu trong đời sống 12 năm qua. Tôi dọn về Vancouver, một thành phố quanh năm không có tuyết, khí hậu tương đối ôn hòa, với cái nắng không khô khốc như ở Edmonton, nhờ gió từ ven bờ Thái Bình Dương thổi vào. Ở đó có bốn mùa rõ rệt, cây lá trở hoa đơm bông kết trái. Có những cơn mưa lướt thướt, triền miên kéo về thành phố khi khí trời vừa lập đông, đất dậy mùi ngai ngái. Có những nhánh sông nhỏ cùng chảy ra biển, không như ở Edmonton chỉ những ao hồ bao la, tù đọng. Và có cả những tiếng côn trùng bò sát, gõ nhịp hài hòa cùng đất trời như quê hương tôi: Diên-khánh, Nha-trang.

"Dọn về Vancouver." Thuấn nhìn bạn dò phản ứng. "Ở đó, khí hậu không khác nghiệt như ở đây." Anh tiếp.

"Còn việc làm? Mày đang có việc làm kia mà. Sao lại bỏ?"

"Bỏ. Bỏ hết. Tao quyết định bỏ Edmonton, vì nó không còn nguồn quyền rũ tao nữa. Thế thôi!"

"Mày lúc nào cũng lạ đời hơn người! Đang có công ăn việc làm, nhà cửa đang hoàng, con cái đầy đủ, lại bỏ đi không tiếc nuối. Nghĩa là sao? Mày bỏ đi, rồi còn tao?" Hoan nổi cộc bất ngờ.

"Mày mới là thằng lạ đời hơn người! Mày cũng có vợ con, có những lo toan, những thao thức dằn vặt riêng của đời sống, có những cái của mày không liên quan đến tao, thì cái việc tao đi, ăn nhậu gì đến mày chứ?"

"Thuấn, mày chưa hiểu ý tao." Hoan than vãn.

Thuấn im lặng không đính chính, cải lại như thói quen với thằng bạn thân nhất này. Anh hiểu chứ. Bạn bè mấy chục năm, chơi nhau từ bé làm sao Thuấn không hiểu câu thở than thấm thiết tình bạn của Hoan. Nhưng chẳng lẽ, Thuấn bảo nó: tôi đang tìm về nguồn?

"Ô-kê! Tùy mày. Nếu đã bỏ Edmonton, thì đừng bao giờ trở lại thành phố này nữa. Mày là một thứ da vàng tha hóa, học theo đời sống Âu-Tây của những thằng da trắng bội ơn. Chỗ nào có cánh đồng cỏ xanh mướt, ở đó có bọn mày. Bọn mày mặc nhiên bỏ nơi đã sinh ra, đã dung dưỡng chúng mày bấy lâu nay, để đi tìm cánh đồng cỏ tươi mát khác, mặc nó đang vàng cháy..."

Hoan giận dỗi bỏ về.

Thuấn nhìn vợ, nhìn bạn giận dỗi bỏ đi.

Tôi không phải là loại người chỉ vì những cánh đồng cỏ xanh màu mỡ tìm đến. Mà dù có đi chẳng nữa, cũng thật là tự nhiên! Tôi chỉ là một kẻ tha phương, ăn nhờ ở đậu xứ người. Nhưng tôi cũng không muốn giải thích những trần trối của một thằng tha hương lập dị như tôi, mong bạn hiểu. Thuấn nghĩ thế.

Thuấn rời Edmonton ngoài dự đoán của chính anh.

Sau hai tuần nghỉ hè ở Vancouver cùng vợ con, Thuấn trở về Edmonton mượn xe, mượn người dọn về thành phố mới cách Edmonton những ngàn hai cây số. Anh giao hẳn nhà cho luật sư lo.

Hôm Thuấn tuyên bố với thằng bạn thân: "Tao sẽ dọn về Vancouver vào cuối tuần." Hoan chỉ buồn không một tiếng hỏi môi, lẳng lặng về nhà. Tuy nhiên, vợ chồng Hoan cũng tiễn vợ chồng Thuấn một buổi tiệc nhỏ trong không khí buồn tẻ, thiếu cả tiếng trẻ con. Tụi nhỏ ở tầng dưới căn nhà đang chia nhau những đồ chơi, những hình nhân bằng nhựa, có tên do chúng đặt ra. Và, hai thằng người lớn chia nhau những giọt rượu bất tận, hai "bà chằn" (họ thường thân mật gọi nhau như thế!) thủ thủ suốt đêm.

*

Thuấn trở về Edmonton vào buổi sáng hôm sau khi mặt trời vừa mở mắt, nhìn mọi vật bên dưới bằng tia nắng vàng nhạt yếu ớt, bệnh hoạn, giăng kín sương mù. Một thứ bệnh hoạn của đất trời khi giao mùa. Sương mù bao khắp, báo hiệu một mùa đông khác sắp kéo về thành phố. Nhìn hàng cây Maple Leafs, đang từ từ trần trụi, rụng dần những cánh lá vàng đã chuyển sang màu đỏ sẫm, đứng bệ vệ khoe lớp vỏ đen, cứng, sần sùi, nức nẻ bọc quanh thân cây, trông khắp con đường xuyên ngang thành phố. Tự dưng sự háo hức, nôn nao Thuấn muốn dành cho Edmonton tan biến nhanh chóng. Bao nhiêu kỷ niệm buồn vui tưởng đã chết, nay bất chợt ùn ùn kéo về tràn đầy ký ức vốn nhay bén của anh.

Và Thuấn chợt biết, thành phố này đã chết trong anh từ lâu, ít nhất bốn năm về trước khi quyết định rời bỏ nó.

Thuấn chỉ vui, rất vui khi những đứa trẻ còn nhận ra nhau. Chúng la toáng lên, gọi tên nhau, bá cổ nhau líu lo.

"Hey. Tí. Tao thức và đợi mày suốt đêm. Coi nè! Thằng này tên..." Thằng bé kể một loạt tên những hình nhân Ninja.

"Chị Tí. Con Hélien vừa mua con chó nhỏ đẹp lắm. Nó tên Nicky."

Đại khái là thế. Chúng quên bèn ngay mọi sự sắp xếp trong đầu để khoe những thứ đồ chơi thừa mứa ở xứ này, mà suốt đêm chúng trần trối không ngủ. Lũ trẻ kéo nhau đi xem con chó nhà bà hàng xóm, như dạo nào tụi nó chạy rong khắp xóm. Chúng tự nhiên, mạnh dạn vì được sinh ra và lớn lên

nơi này. Ở đây mới là quê hương thật sự của chúng. Không như cha mẹ chúng đã nhận nơi đây làm quê hương thứ hai. Vài cái đầu thò ra bên kia các cửa kính, mặt họ thoáng khó chịu khi nghe những tiếng khà òn ào vào buổi sáng sớm cuối tuần. Nhưng liền đó, ở ánh mắt họ tỏ một niềm vui khi thấy Thuấn bất chợt trở về sau bốn năm, xa xóm nhỏ quen thuộc này.

"Hi, Thuấn! Cậu khỏe không? Mới về à? Chúc một nghỉ hè vui vẻ nhé!" Và họ kéo khung kính nhỏ, thản nhiên, hiền hòa như cuộc sống mà Thuấn đã sống, đã hội nhập 12 năm ở đây.

Hai gã đàn ông bá vai kéo nhau vào nhà. Thuấn vỗ vỗ cái bụng to, phệ của bạn nhạo báng. Hoan mỉm cười, quên bèn những lời trách móc hằn học bạn, bốn năm trước khi Thuấn quyết định rời Edmonton. Anh thú nhận.

"Tội mình bắt đầu già rồi, ông ạ!"

"Già!? Ba mươi bảy tuổi, sao gọi là già?" Thuấn cười cười khuyến khích bạn. Anh biết rằng thằng bạn thân, đang... bắt đầu đủ lớn, đủ trưởng thành trong lứa tuổi thanh niên, để thay đổi nhân quan: cách nhìn đời, nhìn người không còn là tấm lòng đầy nhiệt huyết của tuổi trẻ như trước kia, mà bằng ánh mắt dè dặt, thận trọng hơn; thay đổi cách xưng hô khi cả hai con cái đùm đê, và chúng bắt đầu lớn để bước vào ngưỡng cửa trung học sau mùa hè năm nay.

*

Trời sắp vào thu, thời tiết gây gây lạnh, dù trời còn sót những vạt nắng dịu dàng. Những cơn gió khô khốc mùa hè vẫn thổi, nhưng đã chuyển sang cái lạnh mang hơi hóm từ ngọn Rocky Mountain cao ngút trốn trong mây xám, tuyết không bao giờ tan suốt mấy tháng hè, đang kéo về hơi sớm năm nay.

Hoan nằm ngửa trên ghế xếp uống bia, cạnh anh la liệt những vỏ chai nằm lẫn lóc. Cuộc sống tĩnh lặng và khí hậu miền cao đã tạo anh thói quen yên lặng, thích nhậu nhẹt cuối tuần, hơn là những xông xáo vào những sinh hoạt sau những ngày cực nhọc ở hăng.

Không chỉ riêng Hoan, bên hông nhà hàng xóm, hai vợ chồng thằng Bill đang nằm phơi nắng, uống bia. Hoan biết, vợ chồng Bill vẫn còn luyến tiếc cái nắng hiếm hoi còn sót đọng lại khi thời tiết đang trở mình vào thu. Thịnh thoảng, gã da trắng trẻ bên kia rào hỏi vọng sang mấy câu giao thiệp vô thưởng vô phạt, thường nhật. Hoan lơ đãng trả lời, anh nâng chai bia mời gã hàng xóm. Hoan mãi suy nghĩ và theo dõi Thuấn tự nãy giờ đang chăm chỉ lật, trở những khúc sườn nướng trên vỉ lò.

Sau bốn năm xa cách, Hoan thấy thằng bạn thân thay đổi nhiều. Trước kia, Thuấn hoạt bát, vui vẻ bao nhiêu, nay trầm tĩnh và ít nói bấy nhiêu. Về đây đã một tuần, Thuấn chỉ nằm nhà và chẳng muốn đi đâu, ngay cả đi thăm bạn bè cũ. Đôi lúc, Hoan nhắc nhở Thuấn liên lạc một số bạn bè sau bốn năm



không gặp. Thuấn ừ hử, nhắc phone, rồi lại bỏ xuống, đoạn nói.

"Gặp cũng vậy, không gặp cũng vậy. Càng ở xứ này lâu, kinh nghiệm dạy rằng càng nên ít bạn bè!"

Hoan nghe vậy, đành chịu. Không thôi thúc bạn nữa. Anh biết bạn đang có nhiều giao động, từ khi trở về.

Vật nặng chiều mệt mỗi lùi dần về ngủ trong đám mây xám, rót lại những tia nắng nhạt màu vàng cam khuất sau hàng cây trắc bá, cắt nửa sân cement sau nhà thành hai vạch nối liền nhau, cong xiên xẹo. Hoan nhìn Thuấn, thấy mặt bạn loang lổ thêm ra, do ánh lửa từ dưới lò bập bùng hắt lên.

Ngọn gió đầu thu lạnh se sắt, khi ánh nắng nhạt dần, tàn lụn cuối chân trời.

Hoan cảm thấy không khí nặng nề, khó chịu. Anh hỏi bạn.

"Sao ông lại về đây?"

"Nhớ Edmonton thì về, chứ sao!" Thuấn vẫn chăm chỉ lật những miếng sườn đang cháy xém không nhìn bạn.

"Tôi không tin ông nhớ Edmonton mà về đây. Phải có cái gì thôi thúc, ông mới về chứ? Vancouver sát biên giới Mỹ, tôi nghĩ nếu có đi nghỉ hè ông chọn California hơn là ở đây. Đồng ý?"

"Chỗ nào cũng vậy thôi, ông ơi! Mỹ, Canada chỗ nào cũng như nhau. Cũng bao nhiêu kiến trúc đó, cũng bao nhiêu khuôn mặt lạ hoắc đó, cũng bao nhiêu sinh hoạt lặp lại nhằm chán đó, thì đến nơi nào cũng vẫn vậy."

"Biết vậy! Nhưng ở Cali người Việt đông, phố xá đầy rẫy, hơi hớm Việt-nam nhiều hơn chứ. Qua bên ấy chơi, cũng như về thăm Sài-gòn trong tâm mắt!" Hoan nheo mắt nhìn bạn. Anh tu nữa chai bia còn lại hết tận đáy, vắt vỏ, lấy chai khác trong thùng đưa bạn.

"Chỗ nào người Việt đông, chỗ ấy tạp nập, lao xao và nhất là nhiều chuyện phiền nhiễu vô cùng. Tôi không thích Cali là thế!" Thuấn nhận chai bia trả lời.

"Còn Vancouver?"

"Vancouver?"

...

"Vancouver cũng vậy. Người Việt khá đông. Và cũng khá nhiều chuyện bực bội chẳng khác gì Cali, tuy nhiên mức độ ít lao xao hơn."

Cả hai lặng lẽ uống rượu. Chợt Hoan khơi mào.

"Ông nghĩ sao mà chọn viết lách?"

"Ông biết?" Thuấn ngạc nhiên.

"Có đọc truyện ông đăng rải lại trên các báo." Hoan tự nhiên.

"Buồn. Vui. Viết lăng nhăng." Thuấn lơ đãng trả lời, tắt gaz, đẩy lò nướng, nhìn cánh đồng quen thuộc, cỏ vàng cháy, bên kia con lộ nhỏ bằng đất sau nhà.

"Ông cũng biết cái nghề này bạc bẽo lắm mà. Theo chi vậy?"

"Bạc bẽo, nhưng vui! Còn có cơ hội theo nó hay không cũng còn tùy..."
Thuấn ngần ngừ không muốn giải thích. Anh bỏ đĩa thịt nướng xuống cạnh Hoan, mời bạn.

"Còn tùy! tùy gì?"

Thuấn im lặng uống hết ly bia, rót tiếp, tránh né.

Giữa tôi và Hoan là tình bạn hơn ba mươi năm. Vì thế, tôi không lấy làm khó chịu khi hấn đạp chân vào đời tư tôi. Tuy nhiên, trong cuộc sống có những dần vật khó tâm sự cùng bạn bè. Khi dọn về Vancouver, tôi nghĩ mình đang đi tìm về nguồn, tìm một không khí quê hương đã mất mát. Và rõ ràng tôi đã tìm về nguồn; tôi đã có những "cái" tôi muốn tìm. Và khi có những cái tôi đã tìm được, những thao thức khác lại kéo đến dần vật. Những tháng đầu về Vancouver, nhìn mưa lướt thướt đi ngang thành phố, tôi chợt nhớ da diết Diên-khánh, Nha-trang của tôi vô cùng. Cũng cơn mưa lê thê, dai dẳng nhiều ngày ẩm ướt trong suốt mấy tháng mùa đông như quê tôi. Và sau cơn mưa tạnh, tôi thấy mình khó ngủ, vì tiếng côn trùng rên rĩ sau 12 năm được nghe lại. Có nhiều đêm, dù ban ngày đi làm mệt mỏi, nhưng đêm về tôi cứ thao thức, chóng mặt, vánh tai nghe tiếng côn trùng ra rả. Những đêm như thế, tôi bung mền, len lén đi đến mở cửa sổ nghe tiếng côn trùng đàn hát. Ôi, chúng hát sao mà hay thế! Chúng hát không khác chi lũ côn trùng ở quê tôi! Cũng chín chít, cũng rín rít cùng nhau hòa tấu một bản nhạc thiên nhiên đồng điệu giữa đất trời. Tôi nghe chúng hát, chúng gõ và mừng tượng ấy là tiếng thở của thổ ngời trên chính quê hương mình. Tôi hít khí trời về đêm cho căng buồng phổi, cho nó chứa đầy mùi ngai ngái của đất. Và biển nữa. Tôi sống gần biển. Đêm nghe tiếng vỗ của sóng, tôi mừng tượng mình đang bơi giữa vũng biển Nha-trang thân thuộc, dọc đại lộ Duy Tân, hoặc dưới cánh rừng thông ngút ngàn của bãi biển Đại-lãnh. Và tôi thấy, dường như mình còn thiếu một cái gì nữa! Quanh quẩn đâu đây? Trong tâm hồn tôi? Nó làm tôi ray rứt mỗi khi nghĩ tới. Nhưng tôi tìm mãi không ra. Và tôi bắt đầu mất ngủ nhiều đêm. Những đêm mất ngủ tôi bắt đầu tìm đến thú vui đọc sách nhiều hơn, siêng năng hơn. Và, sau đó tôi bắt chợt biết mình cầm viết. Một cảm xúc dâng trào, tìm đến như thôi thúc tôi hơn. Tôi cứ viết. Cầm cúi viết. Tôi viết mãi mê, những gì đã thành hình trong trí, từ khi tôi rời bỏ quê hương. Mà nơi ấy đã dung dưỡng tôi nửa chặng đường của số tuổi đang đi. Đến một hôm tôi khám phá ra rằng; tôi đã tìm ra cái mà tôi thấy thiếu từ bấy lâu nay khi về Vancouver. Ấy là tôi viết văn. Tôi viết văn, kể chuyện để tự mình tìm về cội nguồn đã bị đánh mất một thời gian có thể nói khá dài. Và tôi viết văn, có nghĩa, tôi tìm về cộng đồng, như một loài thú lạc bầy, đi hoang khi nghe tiếng gọi của ngàn, cứ ngỡ rằng đang trở về nguồn để giải tỏa những nhớ nhung.

Tôi cũng vậy.

Tôi viết để giải tỏa những nhớ thương dần vật tâm hồn tha hương cho chính tôi. Tôi chưa nghĩ rằng mình sẽ san sẻ những dần vật này đến mọi người. Vì, chính tôi, cũng chưa giải tỏa nỗi sự nhớ thương dần vật tâm hồn tôi, làm sao tôi có đủ thừa kinh nghiệm để giải tỏa đến người khác? Và tôi nghĩ, tôi chưa hẳn là một nhà văn đích thực của chữ nghĩa, dù rằng đã có tác phẩm được in. Vì tôi nghĩ mình chưa đồng nhất số vốn liếng chữ nghĩa quá hàm súc của một dân tộc, khi nửa cuộc đời đang đi đã gửi lại quê hương bằng một trí nhớ mông lung, mơ hồ; và tôi nghĩ mình chưa đủ kinh nghiệm sống, đời sống đích thực của một nhà văn. Với tôi hai chữ "Nhà Văn" nó quá lớn lao! Tôi chưa sống nổi với cây bút của mình. Tôi nghĩ, người nghệ sĩ đích thực là người phải sống nổi với ngòi viết và cây cọ của chính bản thân họ. Tôi thì chưa! Tôi đang ở dưới con dốc còn lấm chông gai, ngập ngừng, lẩn e dè. Và những khi ngừng bước để thở, ngừng đầu nhìn lên ngọn đồi cao, tôi thấy đầy đầy những nghệ sĩ đích thực đã lên tới đỉnh đồi và có người đã qua bên kia con dốc khuất mình trong yên lặng nhưng vinh quang.

Và với tôi chữ nghĩa còn quá nhiều bóng bẩy và trừu tượng, giống như bản chất ham hố con người, khi nhìn thấy mọi việc xung quanh đổi thay. Tôi chưa khắc kỷ chính bản thân để nhìn đời sống, sự việc, cách hành xử miễn cảm và lòng bác ái đối với tha nhân, làm sao tôi có thể điều khiển chữ nghĩa khi nó còn quá trừu tượng về triết lý, về đời sống, về nhân sinh quan lãnh hội để viết??? Chỉ hy vọng rằng, những gì tôi đã viết đối với độc giả, họ cũng có những nỗi niềm tương tự như tôi.

Tuy nhiên, tôi cũng nhìn ra quanh tôi, tràn đầy những cây viết tự gọi nhau, tâng bốc nhau, vén áo vái nhau, là... "nhà văn, nhà thơ". Họ thân thiện đó trên các báo trước kia, cả trong đời sống gặp nhau hàng ngày; và không lâu lắm họ chụp mũ nhau, bôi lọ nhau nhan nhản cũng trên các mặt báo này.

Tôi trở về Edmonton, tìm một không khí lạnh lẽ, thoáng mát hơn. Nhưng những kỷ niệm, những quá khứ của một đời sống tha hương làm tôi ngỡ ngàng.

"Ông gặp nhiều điều bất mãn trong sinh hoạt văn nghệ?" Đường như Hoan đã đọc được đầu óc Thuấn.

"Không hẳn thế!" Thuấn thối thác trả lời.

"Vì thế ông về đây?" Hoan ranh mãnh cười.

Thuấn im lặng, lấy vài cục nước đá bỏ vào ly rót bia. Chập lát anh nói.

"Về thăm gia đình ông, được chưa?"

Hoan bật cười ha hả sau hộp bia sòng sánh đầy bọt kéo lại câu chuyện.

"Chỉ có những thằng mới tập viết lách lăng nhăng như mày, mới học đòi giang hồ vật lè la đây đó. Tao khuyên mày đừng tập thói quen đó! Thời đại nguyên tử sắp có phi thuyền đi lên cung Quảng Hằng hàng ngày rồi mày ạ.

Hãy chuyển hướng lối suy nghĩ để viết. Cộng đồng này có quá nhiều cái để viết, rất dễ viết. Mà chẳng phải cần đi đâu xa, cho mệt xác; suy nghĩ chi nhiều cho mệt óc. Nó đầy rẫy khắp nơi! Tuy nhiên, tao chỉ mong mày, có viết, viết cho chính xác, tôn trọng và khắc kỷ chính ngòi bút mình, đừng bố láo và cường điệu sự việc quá."

"Mày lại đi xa vấn đề! Tao về thăm gia đình mày mà." Thuấn cố xoay câu chuyện.

"Tao chẳng đi xa vấn đề chút nào cả. Vì tao biết, nó chính là động lực để hôm nay mày trở lại Edmonton, để thở không khí dễ chịu hơn, sau mấy năm mày viết lách, sinh hoạt."

Hoan ngừng nói nhìn bạn thật lâu, anh tiếp.

"Còn vấn đề, mày bảo về thăm gia đình tao, thì tao hơi thắc mắc đa! Gần hai ngàn năm trăm cây số, hai bạn đi về, mày chỉ lên đây ngồi uống bia với tao một vài tuần, rồi lại trở về?"

Tuy Hoan nói thế, nhưng Thuấn thấy trong ánh mắt bạn long lanh, cảm kích. Thuấn gật đầu quả quyết.

"Ừ, chỉ có thế!"

"Thằng lạ đời! Džo... cái đi mày!"

Thuấn hớp ngụm bia, chợt nhớ thằng bạn vẫn mới quen hơn hai năm. Hắn cũng bắt chợt đi thăm bạn, như Thuấn bắt chợt trở về đây thăm Hoan.

Tôi quen Vũ trong một dịp rất tình cờ. Hôm ấy, đọc báo thấy một nhóm trẻ ở California đang báo xin những bài vở, truyện ngắn, thơ của những cây viết trẻ khắp nơi trên thế giới kể cả ở Việt-nam, với chủ đề viết về con người Việt-nam... Tôi liền gửi một truyện ngắn vừa viết xong sang hắn. Bốn hôm sau, tôi nhận một cánh thư chỉ vụn vụn mấy dòng cảm ơn. Tôi bất bình về "con người Việt-nam..." này, liền viết thư đã kích về sự thờ ơ của hắn đối với bạn văn. Liền đó, bốn hôm sau hắn cũng đã kích sự nóng tánh của tôi. Từ đó, chúng tôi liên lạc bằng những cánh thư Hoa-Kỳ, Gia-nã-đại. Tuy nhiên, vấn đề vẫn chưa giải quyết ổn thỏa đôi bên; vì, tôi vốn là thằng nóng tánh và cứng đầu hơn ai hết, và có lẽ hắn cũng vậy! (Sau này tôi mới biết Vũ rất có lòng, nhưng vì hắn quá bận liên lạc nhiều nơi). Thường, những lá thư đôi co như thế sẽ bị đi vào lãng quên, hoặc có thể truyện sẽ không đăng vì một lý do dễ hiểu nào đó. Từ đó, tôi biết ở tuổi trẻ chúng tôi hoặc ở những tâm hồn trẻ cũng thế; họ có cách hành xử trẻ hơn, mới mẻ hơn và đầy tính miễn cảm hơn trong giòng sinh hoạt văn nghệ vốn trầm trọng trong vòng tường ghetto ở hải ngoại. Và tôi học được một điều rằng những người trẻ, có đầu óc trẻ luôn luôn chịu học hỏi lẫn nhau, mỗi sẽ vấn đề đến tận cùng trong không khí sinh hoạt cởi mở, dù tuổi tác cách biệt nhau xa. Chúng tôi học hỏi lẫn nhau, để tìm ra những yếu điểm và sự vấp phải trong nghề nghiệp vốn nhiều bực bẻ này. Ấu cũng là niềm vui được bù đắp!

Sáu tháng sau ngày quen nhau, Vũ qua thăm tôi. Hấn mua vé máy bay, ngay ngày vừa mãn khóa bốn năm dài trong quân đội Hải Quân Hoa-kỳ, cùng hai chai rượu mạnh mua trong P.X, dù hấn không uống rượu mấy.

Đêm hôm đó -một đêm đáng nhớ nhất trong cuộc đời viết lách của tôi- chúng tôi cửa ngang chai rượu đến bốn giờ sáng...

"Daddy! Cây táo nhà mình đã ra trái. Táo nhiều lắm!" Đứa con gái chín tuổi, nú áo Thuấn khoe.

"Cây táo nào?" Thuấn thoát giạt mình nhìn con.

"Cây táo tôi tặng khi ông mua căn nhà mới. Ông còn nhớ?" Hoan đỡ lời.

"À, tôi nhớ rồi. Cây táo đó... khi ấy nó cao ngang đầu con gái tôi bây giờ. Mới đây đã mười năm. Thời gian đôi lúc đi thật nhanh không như mình tưởng. Ông nhỉ!?"

"Ồ... ờ..." Hoan lơ đãng. Chợt anh nói.

"Tôi quên nói ông nghe việc này. Cái nhà ông nó có "huông" Thuấn ạ! Từ khi ông đi, đã qua tay ba chủ. Cứ dọn vào rồi lại dọn ra, đôi lúc cả mấy tháng không ai ở. Mùa hè tụi nhỏ cứ qua bên ấy trèo, hái táo về ăn. Táo sai trái lắm. Ông bước qua bên thăm căn nhà cũ xem sao."

Thuấn chỉ ừ ừ, không mấy luyện tiếc và chẳng muốn qua thăm căn nhà cũ, gia đình anh đã một thời cư trú, sống sáu năm dài. Và những đứa con anh đã sinh và lớn nơi đây. Nhưng đứa con gái cứ kéo tay Thuấn mãi, anh đành chiều ý con, gượng gập đi theo. Hoan cũng đứng dậy, anh cầm theo mấy chai bia, vừa đi ngất ngưỡng, vừa tu bất tận.

*

Thuấn đi vòng ngoài quanh căn nhà, trên con đường trải sỏi trắng, hai bên những nụ tu-líp cuối mùa đã tàn rữa. Cây Anh đào trước sân trơ lá, khẳng khiu. Thuấn yêu cây Anh đào này lắm. Nó rất hiếm, khó trồng. Khí hậu nơi này quá khắc nghiệt. Thuấn nhìn qua khung cửa kính lớn, thấy bên trong vẫn không thay đổi. Phòng khách trống trơn, nhà ăn cũng trống trơn không bàn ghế. Bốn năm trước, Thuấn rời căn nhà này khi mọi thứ trống trơn. Vì thế khung cảnh bên trong, chẳng gọi nơi anh một kỷ niệm gì ngoài bộ óc trống trơn. Chỉ có bên ngoài, sau nhà là còn nguyên vẹn những gì anh để lại. Một căn nhà nhỏ, Thuấn dựng lên cho các con chơi, vắt ngang trên cao chẳng ba cây thông, có thang leo bằng những bánh võ xe cao su nhỏ đóng đưa mỗi khi trèo. Một căn nhà nhỏ hơn, nay cánh cửa đã gãy bản lề, nằm xiên xẹo, ngay bên dưới gốc thông, dành cho con chó "phốc" Nhật-bản, vợ chồng Thuấn mua tặng các con trong một mùa Noel buồn tẻ. Cây táo giờ cao to, tàn xum xuê phủ rợp cả một góc sân râm mát. Những trái táo thối lẩn xanh còn sót lại cuối mùa rụng đầy gốc.

Thuấn băng khuâng đứng nhìn cảnh cũ, cảm khái vô vàn. Anh nhìn quanh, đoạn đưa tay trở sang bên kia đường, chỉ cái sân cement rộng lớn nằm giữa

ngôi trường tiểu học đóng cửa im ỉm, bảo Hoan.

"Ông còn nhớ cái sân cement kia chứ?"

Hoan gật đầu, im lặng.

Ngôi trường tiểu học này, các con Hoan và Thuấn từng học qua nhiều năm. Và nơi đây cả hai gia đình, cũng có nhiều kỷ niệm vui buồn. Hoan còn nhớ, cứ mỗi mùa đông đến, sau ngày làm việc, gia đình anh và Thuấn chia làm hai phe đua nhau thi trượt tuyết, đánh Hockey la hét, cười đùa vang rân một góc trường. Và khi những ánh đèn điện trong sân trượt tắt, ai về nhà nấy. Từ khi gia đình Thuấn rời về Vancouver, Hoan ít khi lại vắng đến sân trường này. Nó có quá nhiều kỷ niệm đối với anh. Và lại, xóm nhỏ này chỉ còn lại gia đình Hoan.

"Hay ông dọn trở về đây đi. Ở đây bây giờ nhiều việc, nhà cửa, mọi thứ đều rẽ hơn Vancouver." Hoan nhìn bạn, mắt long lanh hy vọng.

"Tôi nghĩ, tôi không thể nào sống, khi ở đây, không khí không có hơi hóm quen thuộc như quê hương mình trước kia."

"Nhưng ở Vancouver, có quá nhiều phiền toái..." Hoan vẫn cố gắng, nhưng Thuấn cắt ngang.

"Tôi biết. Tôi biết chứ! Cộng đồng nào mà không có những phiền toái kia chứ! Tôi tự nguyện đi tìm về nguồn, là chấp nhận đi tìm thú đau thương trong cuộc sống nhầy nhụa này." Thuấn ngừng nói, anh nhìn ngôi trường tiểu học đang mờ nhạt dần dưới bóng hoàng hôn trải khắp.

"Nhưng..."

Hoan định nói tiếp điều gì, Thuấn cắt lời bạn.

"Tôi đã quyết định rồi. Ông đừng có khuyên can, vô ích. Chiều mai tôi trở về."

Hoan buồn buồn. Anh tu chai bia một hơi cạn đáy. Chợt nhiên, Hoan tức tối ném chai bia vào vũng tối trước mặt. Anh khật khưởng bước đi và bật cười như điên dại.

Vài cánh chim ngơ ngác đập cánh bay lao xao.

Thuấn cảm thấy lạnh lạnh. Anh dắt con rời căn nhà không một luyến tiếc mấy may.

Thuấn mơ hồ nghe tiếng gọi về nguồn đang mãnh liệt trong anh. Và anh cứ bước. Bước đều.

Chợt nhiên Thuấn tưởng tượng, đang đi trên một cánh đồng bát ngát đầy hoa; và trong muôn sắc của đủ loài hoa ấy, anh chợt nhận ra một loài hoa cứt lợn xấu xí nằm lẫn lộn vài nơi trên cánh đồng bao la.

Thuấn hằng hái bước. Bước đều và mau cùng con



con nói, luôn luôn nghĩ về đất cát, mộ phần tổ tiên, ông bà, cha mẹ, họ hàng, làng xóm, anh em. Ý thức được việc làm ý nghĩa, thiêng liêng ấy nên chúng tôi đã về quê hương xây đắp lại mồ mả tổ tiên, ông bà, cha mẹ và cũng để cầu nguyện trước vong linh tổ tiên, ông bà, cha mẹ xin hãy chở che, phù hộ, độ trì cho những người con khốn khổ này ra đi được bình an vô sự. Làm được đầy đủ những công việc ý nghĩa và thiêng liêng ấy, chúng tôi như trút bỏ được tội lỗi. Nhưng trở trêu thay, liền lúc đó, chúng tôi lại mắc phải tội lỗi trầm trọng là tự rời bỏ quê hương, đất nước ra đi. Mẹ ơi, xin mẹ đừng trách chúng con là bất nhân, bất hiếu. Chúng con đã khôn lớn, có đầy đủ kiến thức, đầy đủ vốn sống cuộc đời, cả sự suy nghĩ xã hội và tầm nhìn. Chúng con chỉ ân hận xót xa một nỗi tại sao mình cứ nghèo mãi, khổ mãi, sống an phận cần cù, chất chiu một nắng hai sương sao vẫn cứ thiếu thốn và đói rách. Bởi lẽ đó nên chúng con phải tự tìm cho mình một con đường sống, một cuộc đời mới ở một phương trời khác. Có thể chúng con sẽ ngã gục trên đường đi, hoặc chôn vùi dưới đáy biển, nhưng đã mang giòng máu của mẹ thì chúng con phải đi đến đích tận cùng. Mẹ hãy tin ở chúng con, chắc chắn chúng con sẽ trở về những năm gần đây sum họp với quê hương mình. Mẹ hãy đặt niềm tin vào chúng con, như chúng con đã đặt niềm tin vào cuộc đời của mẹ. Hãy tha thứ cho chúng con, mẹ nhé. Đứng trước cuộc đời của mỗi người, chúng tôi đã độc thoại nội tâm cho chính lòng mình nghe thấy. Và chúng tôi lại lặng lẽ, âm thầm ra đi, không một chút xót xa ân hận.

Bây giờ chúng tôi đã đứng trước biển. Bắt đầu từ giờ phút này biển là người bạn đồng hành của chúng tôi. Biển rộng lớn và mệnh mông quá, biển là đề tài muôn thuở của thi ca và hội họa. Tôi nhớ lại câu thơ "Thuyền và biển" của nhà thơ quá cố Xuân Quỳnh:

"Nếu như thuyền xa biển

Thuyền sẽ nhiều sóng gió

Nếu phải cách xa anh

Em sẽ nhiều bão tố".

Câu thơ khá hay. Nhà thơ đã nhân cách hóa được cuộc đời của biển. Biển có hồn và có tình lắm, biển làm cho con người say đắm. Trời, đôi mắt xanh thăm thẳm của biển sao quyến rũ lòng người đến thế. Biển hiền lành như một cô gái xinh đẹp, nhân từ và rất bao dung. Trong chuyến đi này xin đừng phụ bạc chúng tôi, biển nhé. Ta hãy cùng nhau chung thủy đi đến một bến bờ mới. Chúng tôi âm thầm đối thoại với biển như vậy. Biển im lặng nhìn chúng tôi bằng cặp mắt đa tình đầy quyến rũ. Và thế rồi biển nhanh chóng đi với

chúng tôi trên chặng đường dài.

Chúng tôi đã đi được một đoạn đường rất xa đất liền, ngoái nhìn lại lần cuối cùng về phương trời quê mẹ, lòng buồn ngùi, xót đau. Tất cả đã mất rồi, chìm vào quên lãng, chỉ còn lại trời và biển mênh mông một màu xanh thăm thẳm. Con thuyền của chúng tôi bé nhỏ tội nghiệp quá. Lượng được sức mình nên nó bám ven biển từ tốn chạy, lướt trên những ngọn sóng xanh biếc, mềm



mại như sa tanh. Sóng biển nhấp nhô rất khỏe nâng bổng con thuyền lên cao rồi lại từ từ hạ xuống trông như một nghệ sỹ biểu diễn tiết mục xiếc rất nghệ thuật, đẹp mắt và ngoạn mục lạ thường. Cứ thế con thuyền chạy đua với thời gian và không gian mênh mông. Ra hết hải phận quê hương, con thuyền của chúng tôi chạy được một chặng rất dài thì lạ thay, lần đầu tiên trong đời chúng tôi được nhìn thấy biển màu tím xẫm. Lạ lùng đến sững sốt, giá như không có cuộc hải trình này thì chúng tôi không tin vào bức tranh của người họa sỹ tài hoa đã thể hiện biển màu tím, màu thủy chung, bền vững của tình yêu vĩnh hằng. Biển đổi màu cho chúng tôi xem rồi nhanh chóng trở lại màu xanh nguyên thủy hoà quyện vào màu trời xanh nhạt. Những đám mây trắng xộp bông bênh trôi, nắng bùng lên rực rỡ làm cho mặt biển sáng láng. Từng đôi chim hải âu trắng xóa, cánh mềm như dải lụa đang chao xuống biển ăn bọt nước rồi lại bay lên rất cần mẫn hết ngày này sang ngày khác, chúng là

linh hồn của biển, gắn bó thủy chung với biển suốt đời. Ngồi trên thuyền ngắm bức tranh thiên nhiên, mỗi chúng tôi chạy theo dòng suy tư khác nhau. Giờ đây số phận chúng tôi hoàn toàn phó thác cho biển. Đột nhiên những dòng suy nghĩ của chúng tôi bị cắt ngang, bất ngờ những con sóng biển rất to lừng lững tiến vào nhấn bồng con thuyền lên cao, rồi tàn nhẫn ném xuống làm cho con thuyền chao đảo, nghiêng ngả, vật vã khốn khổ, gần như kiệt sức với những con sóng hung bạo dữ dằn. Biển động. Mất biển lúc này chuyển sang màu đỏ đục phù sa, màu nước của những giòng sông chảy xuống. Biển vật lộn với con thuyền nhỏ bé của chúng tôi khá lâu. Hầu hết chúng tôi đã thấm mệt. Nhiều người say sóng nằm gục xuống sập thuyền bất động. Tất cả đều sợ hãi, lo lắng. Chỉ có con thuyền là bình tĩnh, bền bỉ chống đỡ với sóng biển hung dữ đến cùng. Biển thay lòng đổi dạ nhanh chóng quá, biển hiền lành thơ mộng dường bao, đến bây giờ biển gào thét và hung dữ lạ thường. Cũng như trong cuộc đời này ta chớ vội tin yêu. Sự hiền lành ngây thơ, chung thủy đâu phải là niềm tin, nếu không qua nhiều thử thách, vật lộn với sóng gió thì khó mà nhận biết được người bạn đời chung thủy của mình. Biển bình yên trở lại. Một ngày mới lại đến. Sống trên biển chúng tôi phải tính từng giờ từng phút. Tất cả những sinh linh khốn khổ này đều phải trông vào con thuyền bé nhỏ tội nghiệp kia. Trời và biển mệnh mông không bờ bến! Càng đi chúng tôi càng thấy lo sợ. Qua nhiều cuộc thử thách trên đường đi, lênh đênh giữa biển cả, giờ đây chúng tôi đã quen dần và thêm dạn dạc với biển. Chạy được hai phần ba đường đi, chúng tôi cho thuyền dạt vào một bến cá thuộc địa phận Trung Quốc để nghỉ ngơi, ngày mai lại lên đường. Ở vùng này nhân dân tốt quá, họ biết chúng tôi đang gặp khó khăn nên gọi cho chúng tôi hàng rổ cá và muối. Chúng tôi vô cùng biết ơn và hết sức cảm động trước lòng tốt của những người bạn rất gần gũi này. Ngôn ngữ bất đồng, chúng tôi chỉ ra hiệu bằng cử chỉ, duy có đôi mắt của chúng tôi là nói hết được tất cả để bạn phần nào hiểu được. Trong số những người dân Trung Quốc đã giúp chúng tôi trong hoàn cảnh lâm lạn, đặc biệt có một anh thanh niên khá đẹp trai, dáng người khỏe mạnh, nhanh nhẹn, hoạt bát, nụ cười tươi, đôi mắt sáng, hiền và đượm buồn. Anh ít nói, thể hiện bằng hành động nhiều hơn. Gia đình anh làm nghề đánh cá trên biển. Anh rất hiểu và thông cảm cảnh ngộ của chúng tôi nên giúp đỡ chúng tôi rất nhiều, từng can nước uống, từng quả bí, con cá, bao thuốc. Hơn thế nữa anh còn chở che giúp chúng tôi chỗ ăn, nằm, ẩn náu trên thuyền anh khi gặp cơn giông bão. Hầu như những người tốt thật sự thì ít nói và hành động nhiều hơn. Chúng tôi rất cảm ơn anh và xúc động vô cùng. Anh chỉ cười, nụ cười rất sáng, rạng rỡ trên khuôn mặt

thông minh, từng trải, dạn dày với sóng gió, biển cả. Sống ở giữa nơi mênh mông trời nước này, vật lộn giữa cái sống và cái chết, hầu như vô vọng trước mọi tình thế, lâm vào hoàn cảnh hiểm nguy mà có được những người bạn tốt như thế, chúng tôi làm sao quên được. Những người bạn ấy mãi mãi ở trong lòng chúng tôi, ghi sâu trong ký ức trái tim mình.

Thuyền chúng tôi đi từ mờ sáng, quá trưa mới đến Hương Cảng thì thuyền chúng tôi bị tàu cảnh sát Hồng Kông bắt giữ. Sau khi đã làm xong mọi thủ tục một cách nhanh chóng, chúng tôi lên tàu cảnh sát rồi được đưa về trại đón tiếp đầu tiên ở Thanh Châu. Trên khuôn mặt ngơ ngác, hoảng sợ, lo lắng, thảng thốt, buồn phiền, héo hắt, tủi nhục, chúng tôi càng thêm sợ hãi khi đã tiếp cận cuộc đời mới này, không mấy ai tránh khỏi giây phút bàng hoàng. Những con người làm việc ở đây trông rất lịch sự, chững chạc. Họ làm nhanh nhẹn thuần thục, chạy theo dây chuyền như một cái máy. Họ nói to, khô, cục cằn, thậm chí còn lỗ mãng nữa, gần như để ra oai trước những sinh linh khốn khổ đang tìm nơi ẩn náu. Trong tất cả những việc làm nhân đạo của họ, chúng tôi chấp nhận được phần nào. Họ làm vệ sinh cho chúng tôi, tẩy uế toàn bộ từ đầu tới chân, xin cảm ơn. Thật ra chúng tôi cũng đã tẩy uế nhiều rồi trước khi sang đây, xin các ông đừng sợ. Chúng tôi không phải là những con bệnh dịch hạch lây lan truyền nhiễm sang các ông đâu, mong các ông yên tâm. Nếu quả thật những con "vi trùng" này làm các ông sinh bệnh thì mong rằng các ông nên trang bị những đôi bao tay trông sạch sẽ, có thể bằng cao su, hoặc ni lông, cắt may nghiêm chỉnh, đàng hoàng. Đàng này các ông lại lấy hai cái túi ni lông như hai túi kẹo trẻ con vứt ngoài thùng rác, thọc tay vào chiếu lệ trông rất cầu thả. Thế rồi hai bàn tay túi ni lông ấy bắt đầu kiểm soát đồ đạc, cầm vào tay chúng tôi sợ lây bệnh. Những việc làm nhân đạo của các ông, riêng chi tiết này làm chúng tôi bất bình như một sự xúc phạm về nhân phẩm. Trước tình thế này, các ông như người chiến thắng. Có một câu nói khá hay của một danh nhân nào đấy: "Chiến thắng không thuộc về kẻ đánh ngã đối phương, chiến thắng thuộc về người sau khi ngã biết đứng dậy". Và lại chúng tôi còn gì nữa đâu, đổ vỡ và mất tất cả rồi, tài sản và cả cuộc đời nữa! Na Pô Lê Ông có câu thật bất hủ: "Mất tài sản là không mất gì cả, mất danh dự là mất một nửa, mất lòng can đảm là mất hết". Trong cuộc chiến đấu để tồn tại vừa qua, chúng tôi đã phải đối mặt với mọi tình huống phức tạp, vượt qua mọi thử thách gian khổ nhất để tìm đến Tự do và sự công bằng. Vậy mà lòng ngay thẳng vẫn chưa đủ chứng minh, còn bị nghi vấn, thăm dò, xét hỏi đến bao giờ? Xong tất cả những thủ tục, chúng tôi nằm tạm thời ở trại Thanh Châu để chờ ngày chuyển trại. Ngay hôm ấy chúng tôi được

xếp vào ở chung với số người cũ, mới đến trước ít ngày. Vừa bước chân vào cửa, hàng trăm người cùng nháo nhác với những âm thanh hỗn tạp đến ù tai, nhức óc. Mọi người nằm trên giường tầng thò cổ về phía chúng tôi với mắt nhìn lạ lẫm ngơ ngác. Trông buồn cười và tội nghiệp, y như bầy gà công nghiệp nhốt trong chuồng, nháo nhác, huyền não khi nhận ra đồng loại của chúng! Sống ở Thanh Châu ít ngày, chúng tôi được lệnh chuyển trại đến một trại chính quy chờ ngày thanh lọc. Mọi người được đưa xuống tàu cảnh sát, phơi nắng suốt sáu giờ liền, tưởng như phát điên lên. Tàu đã đến bến. Một đoàn xe cảnh sát màu đen đã chờ chúng tôi ở đây từ bao giờ. Họ gọi tên và đôn chúng tôi lên xe, rất nhanh chóng đóng cửa xe lại, lao vút đi như giải một đoàn tù khổ sai đi biệt sứ! Xe qua các phố thuộc Hồng Kông, tôi lướt nhìn rất nhanh qua tấm lưới mắt cáo, thấy các phố trang trí nhiều màu sắc như một cô gái đẹp, diêm dúa. Những dãy nhà cao tầng như những chiếc hộp vuông được xếp chồng lên rất cao, nghệ thuật kiến trúc hiện đại, vững chắc. Ngoài đường phố nhân dân đi lại sinh hoạt mua bán rất thưa thớt. Có lẽ họ đã quá quen cảnh những đoàn xe bọc kín này nên họ không mất thì giờ nhìn chúng tôi, họ lặng lẽ bước đi như những người rất xa lạ, lạnh lùng! Đoàn xe dừng lại ở một vùng rất xa thành phố. Nơi đây nhiều đồi núi bao quanh như kiểu vùng trung du ở đất nước tôi. Chưa kịp định thần, đoàn xe đã tiến thẳng vào một khu trại rất rộng, xây dựng kiên cố, chắc chắn. Xung quanh trại khép kín bằng những hàng rào thép gai nhiều tầng. Trong sân trại là những dãy nhà tôn chạy dài. Đây là địa chỉ chính thức của chúng tôi trong thời gian chờ ngày phán xét. Đi từ sáng, tối mịt mới đến. Chúng tôi không được ăn, uống gì. Phần vì đói, khát, phần vì mệt mỏi, say nắng. Có người vừa lên đến sân trại đã phải đưa đi cấp cứu. Được cái bà con của chúng tôi ở đây rất đông nên chúng tôi không bị bỏ rơi, dùm bọc, đoàn kết bên nhau mà sống, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong điều kiện cho phép, còn có gì nữa đâu ngoài cơm trại áo tù. Chúng ta san sẻ cho nhau từng bát cơm, manh áo cũng là quý lắm rồi. Duy có một cái mà ở đây người ta không phát và không bao giờ có để mà phát, đó là lòng nhân ái, tình yêu thương đồng loại, bắt nguồn từ gốc rễ của một dân tộc đã từng chịu nhiều mất mát, khổ đau, cay đắng để tìm lấy hạnh phúc, nhưng nào có hạnh phúc để mà tìm. Trên mảnh đất xa lạ này, chúng tôi tự tìm hạnh phúc cho nhau, dùm bọc nhau để tồn tại. Nét đặc trưng ấy khác rất xa mọi dân tộc sống trên hành tinh này. Sống nhờ, vay mượn trên mảnh đất tạm dung, bây giờ chúng tôi đã có nhiều khả năng, kinh nghiệm, cả từng trải nữa để tiếp cận với cuộc đời mới. Trước hết xin cảm ơn lòng nhân đạo cao cả và bao dung của nhiều nước trong cộng đồng nhân đạo trên hành tinh này đã cứu vớt chúng

tôi những nạn nhân lương thiện, tội nghiệp! Các vị đã quan tâm đến chúng tôi rất chu đáo, trồn vẹn về đời sống và sinh hoạt. Đối với người già và trẻ em, các vị chú trọng nhiều hơn. Sống trên một khoảng sân khá rộng, bước đi và tầm nhìn của chúng tôi bị hạn chế, khúc xạ bởi bức tường sắt chắn ngang trước mặt. Nhưng dù sao chúng tôi với các ông cũng rất gần gũi, dễ cảm thông, đồng cảm với nỗi vui buồn, bất hạnh của những người bị nạn. Nhìn đáng vẻ khoan thai, lịch lãm và bước đi dứt khoát, tự tin, chúng tôi thêm yên tâm, đặt niềm tin vào các ông phần nào, cho dù niềm tin ấy quá mong manh, vô vọng. Ở đây có nhiều lời hay, ý đẹp, duy có từ "cánh gà" làm tôi chú ý hơn cả. Xin tạm có lời bình về "cánh gà" như sau: Cánh gà là hai cánh phụ ở bên trong sân khấu. Cũng có thể toàn bộ chúng tôi được các ông coi là diễn viên đang thể nghiệm một vở kịch bi hài về cuộc đời mình. Trước những con mắt khó tính, khắt khe của Ban giám khảo các ông, chúng tôi tránh sao khỏi lo sợ, hồi hộp và thế là chúng tôi không đạt được kết quả cao của vở diễn, đành lúi thủ đi vào trong "cánh gà" dành cho diễn viên khác thực hiện. Còn một loại "cánh gà" nữa. Đúng là cánh con gà thật, các ông vẫn cho chúng tôi thưởng thức trong bữa ăn cách nhật. "Cánh gà" này nửa béo, nửa xương, như thể nửa khổ, nửa sướng, ví như niềm vui và nỗi buồn, hy vọng và thất vọng. Thôi thì vẫn cứ phải nhai, cho dù nó xương xẩu. Cũng có thể các ông nghĩ thâm thúy hơn (vì các ông là người Tầu): "Các bạn ăn cánh gà có thể bay khỏi hàng rào (Tự do), nhưng xin đừng tủi buồn đứng trong sân khấu hai bên cánh gà. Tất nhiên chúng tôi vẫn phải cố gắng duy trì cuộc sống để tồn tại trong hoàn cảnh bất khả kháng. Ở bên này người ta quan tâm nhiều đến trẻ thơ, những người tàn phế được chú trọng, chăm sóc hơn cả. Được sống trong cảnh dư thừa vật chất, nhưng khá mệt mỏi, căng thẳng, ê chề về tâm hồn, chúng tôi thừa biết chúng tôi là ai và đây là đâu. Những sinh linh khốn khổ này đang vật vờ, vất vưởng trong trận tuyến mà hai đầu khép kín. Một ngày nữa sắp qua, rồi ngày khác lại đến, sâu chuỗi những đoạn đời kéo dài cùng năm, tháng vô vọng, mệt mỏi, ê chề. Trời hôm nay trong xanh, mát dịu. Chúng tôi ngửa mặt lên nhìn trời thầm cảm ơn Thượng đế đã ban phát cho chúng tôi một ngày êm ái, mát mẻ, xin Người đừng trừng phạt chúng tôi bằng những cơn nắng thiêu đốt, gay gắt. Dù được nhìn thấy một khoảng trời, như vậy cũng là hạnh phúc rồi. Ngoài kia vẫn đầy núi quen thuộc chắn tầm con mắt, từng đàn chim sải cánh bay đi, bay mãi đến những phương trời xa. Phút chạnh lòng, chúng tôi lại nghĩ đến thân phận mình, những số phận bất hạnh, côi cút giữa cảnh đời cay đắng!

□

M.H

NGƯỜI MỸ

□ Truyện ngắn của HƯƠNG THU HUYỀN

-Cái gì? Mà muốn cái gì vậy?

Hắn trừng đôi mắt trắng dã lườm lườm nhìn vào mặt thằng Mike hỏi một cách cộc lốc, không một chút thiện cảm.

-À...không, không có gì quan trọng. Tôi...tôi muốn xin anh một chỗ ngủ qua đêm nay ở đây, nếu anh không thấy phiền.

-Tất nhiên là rất phiền rồi. Một chỗ ngủ? Hừm... Đ. mẹ, không đơn giản và dễ dàng như mày nghĩ đâu. Tất cả đều có giá của nó. Mày vào Hotel thì phải trả tiền thuê phòng. Đứng không nào? Đây cũng là một loại Hotel đấy.

Hắn nhe hàm răng trắng nhớn ra cười, rồi lại nhìn chăm chăm từ đầu đến chân thằng Mike. Nhìn chán, hắn quay ngoắt đi nhặt mấy thanh gỗ và vài miếng giẻ ngấm dầu vắt vào cái thùng phuy, làm ngọn lửa bùng lên mãnh liệt trở lại. Khói bốc lên xám xịt, hôi nồng nặc.

Trong cái ngõ tối tăm, bẩn thỉu này, không chỉ có một cái thùng phuy, mà có đến vài cái cũng ám khói đen xì như vậy. Nhưng chỉ có cái của hắn và hai cái nữa là đang được dùng như những cái lò sưởi lộ thiên. Xung quanh cái kia, thấp thoáng vài người đang giờ tay ra hơ lửa. Cái này hắn độc chiếm.

Lần đầu tiên thằng Mike đặt chân lên đất Mỹ, không một xu dính túi. Thực ra nó không có ý đến đây. Mười mấy ngày trước, đang lang thang ở biên giới Canada và Mỹ, nó bước vào đất Mỹ lúc nào không hay, ngay ở

khoảng trống đầy cỏ mọc cao đến bụng nó. Chẳng một ai phát hiện ra nó. Khi nhận ra không còn đứng trên đất Canada, nó mới nảy ra ý định chu du một chuyến cho biết Mỹ. Nó mò ra đường cái, xin đi nhờ xe tải. Có nhiều người khước từ, nhưng cũng mấy người cho nó quá giang từng chặng. Thấy nó đói khát, nhiều ông tài thương hại, cho nó ăn uống. Đến Seattle tiểu bang Washington, nó lại đi nhờ một chiếc xe tải to và dài khác. Tài xế là một ông già vui tính, nói cho nó biết xe này chạy đường dài, đến tận New York. Nó mừng quýnh.

Thế là nó đến được đây, thành phố New York đồ sộ, nhưng đầy bụi ô nhiễm. Nó thất thểu đói và khát. Bữa ăn cuối cùng của nó vào giữa trưa. Trước khi chia tay, ông tài già thết nó một xuất McDonald. Đêm nay, rất lạnh. Nó không dám nghĩ đến ăn uống. Nó chỉ dám mong có một chỗ ngủ không mất tiền. Nó cũng không dám ngủ ngoài hè phố. Đất lạ, có thể có nhiều chuyện khủng khiếp không lường được xảy ra. Hoặc có thể cảnh sát sẽ tóm nó, gây phiền hà cho nó. Khặt khưỡng mãi cho tới khi nó lạc vào ngõ hẻm này. Và nó gặp hấn.

Cuộc đời bụi bặm của nó từ cái năm nó lên mười đến giờ, ngay sau cái chết của bố mẹ nó vì một tai nạn ô tô, nó thường xuyên quanh quẩn ở Vancouver Canada. Có mỗi một lần, nó theo một thằng bạn lớn hơn nó bốn tuổi rong ruổi ba tháng trời ở Toronto miền đông Canada. Sau đó nó trở lại Vancouver. Vì nó thấy mảnh đất miền đông đó quá lạnh, vả lại cũng chẳng hấp dẫn gì.

Hiện giờ thì khác. Nó đã đến Mỹ. Nó liếc mắt nhìn quanh. Trừ một khoảng sáng loang lổ, lập lờ do mấy thùng phuy đỏ lửa hắt ra, tất cả chìm vào bóng tối ẩm ướt, hôi thối. Ngõ nhỏ này len giữa hai dãy nhà cao tầng đã quá cũ kĩ. Nó chưa thấy cái ngõ nào tồi tàn, bẩn thỉu, khai khẩn đến vậy. Thôi... cũng đành dừng chân ở đây. Nó chẳng có sự lựa chọn nào hơn thế.

-Mày ở đâu đến? Hấn đột nhiên hỏi nó.

-Canada.

-Nhà quê. Hấn cười ré lên như ma nhập vào hấn.

-Mỹ là nhất. Tao có một thằng bạn gốc Hoa ở phố Tàu. Nó nói "Mỹ" theo ngôn ngữ Trung Hoa có nghĩa là đẹp, là duyên dáng, là đáng yêu, là văn hoa, là lịch thiệp. Thằng nhà quê kia, mày hiểu rồi chứ.

Hấn lại ré lên.

Một thoáng ngỡ ngàng, thằng Mike im lặng nhìn ngắm hấn. Hấn khoảng



mười tám, mười chín tuổi gì đó. Cùng lắm hơn có một hay hai tuổi. Da hắn cũng chẳng sáng sủa hơn gì màu da của nó. Thứ tiếng Anh của hắn còn pha giọng Jamaica. Thành Mike cũng được sinh ra và sống ở đó. Bố mẹ nó thường hay kể về vùng đất ấy một cách tự hào. Họ nói với nó rằng Jamaica là quê hương thật đẹp, mà cũng thật nghèo. Giọng Anh ngữ của họ mang nặng âm sắc quê hương. Cho đến giờ nó vẫn nhớ và cảm nhận dễ dàng.

-Anh đã đến Canada rồi sao? Nó hỏi

-Ồ không. Tao chẳng cần biết Canada là cái quái gì cả.

-Có phải anh là di dân đến từ Jamaica không?

Hắn giật mình, nhìn xoáy vào mắt thằng Mike trong vài giây, rồi lảng ra, cúi nhặt mấy mẩu bìa cat tông, mấy mảnh vụn vỡ, một ít rác rưởi, giẻ bẩn ném vào thùng phuy.

-Không. Tao được sinh ra ở Mỹ. Jamaica hả. Tao chưa hề nghe tên.

-Thế thì lạ thật đấy. Giọng anh còn nặng thanh âm Jamaica lắm mà. Chẳng giống giọng Mỹ chút nào cả. Tôi sinh ra ở Jamaica nên tôi nhận biết được.

Thằng Mike thật thà bày tỏ.

-E hèm... Vậy ra mày là dân Canada gốc Jamaica.

Ngập ngừng thêm một ít lâu, hắn chột tâm sự.

-Mày tỉnh thật. Vừa rồi tao nói vui vậy thôi. Thực ra gia đình tao từ Jamaica qua Mỹ mới được sáu năm. Bố mẹ tao nghèo quá, kiếm ăn vất vả mà chẳng đủ sống. Mẹ tao lại ốm đau luôn mà chẳng dám khám bệnh, mua thuốc. Vì tiền thuốc quá tốn. Bố tao vừa làm công ở bến cảng ban ngày, vừa kiêm luôn kẻ cướp ban đêm. Cho đến ngày ông bị bắt và bị xử tù 11 năm vì chót giết chết một người đi đường để móc cái ví tiền của ông ta. Mẹ tao chết vì bệnh ung thư dạ con một năm sau đó. Đời tao từ đây bị ném ra đường.

-Tôi nghiệp mẹ anh quá. Nếu ở Canada có thể mẹ anh không chết. Vì ở Canada, người nghèo được vào bất cứ bệnh viện nào mà họ muốn. Bảo hiểm y tế của chính phủ bao hết, người bệnh không mất một xu. Họ được đối xử tử tế và lịch sự.

-Thôi đi. Cầm ngay cái mồm khoác lác của mày lại. Mỹ giàu nhất, văn minh, lịch sự nhất thế giới mà còn chưa có thể, huống hồ đất nhà quê. Tao nói cho mày nghe, thằng John, thằng bạn thân của tao đây này. Nó là thằng da trắng nhé, lại được sinh ra ở Mỹ nữa. Bố mẹ nó cũng là dân cướp đấy, bị ở tù lúc nó đang học dở lớp mười hai. Nó có học hẳn hoi chứ chẳng chơi. Chúng



GIÓ ĐÊM

□ Truyện ngắn của NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

Gần nửa đêm, Nguyên chợt giật mình thức giấc. Nằm trần trọc hàng lúc lâu, thấy có ngủ lại được cũng khó Nguyên mới tung chân lồm cồm ngồi dậy rồi đi ra phía cửa sổ đứng mà nhìn ra ngoài... Đêm rằm nhưng bầu trời thật ảm đạm. Một mảnh trăng vàng ệch, méo mó, khó nhọc ngoi ngóp trong những đồng mây lớn nhồn bần thiêu, cố mãi rồi cũng leo lên được đến lưng chừng giời. Gió thổi mạnh làm những cành phong già đen xì, bù xù, nghiêng ngả một cách nặng nề. Những ngôi nhà hai tầng, ba tầng cổ lỗ, tường gạch, mái ngói nhọn hoắt với những chiếc ống khói lỏm chỏm như những chiếc răng khắp khảnh vô duyên nhe ra mà cười vào khoảng không. Trên con đường lát đá học mấp mô, ban ngày khá ồn ào nhưng vào giờ này thì tẻ ngắt, thỉnh thoảng lắm mới thấy một chiếc ô tô của ai đó đi làm muộn trở về uể oải dọ dẫm như đo từng mét đường một. Tùy theo độ lồi lõm của mặt đường mà ánh đèn pha đỏ quạch lúc chúc hẳn xuống đất, khi lại vọt thẳng lên trời, chiếu cả vào những ô cửa sổ tối tăm vẫn kéo rèm kín mít đóng im ỉm. Chếch về phía tay trái, những ngọn đèn vàng lù lù hấp ha hấp háy hết những ánh ma trời như muốn dọa dẫm ai nơi mấy cái cột đèn xanh đèn đỏ chỗ ngã ba. Còn về phía tay phải, nơi bến xe buýt dưới chân dốc, chỗ con đường chui xuống gầm cầu giành cho tàu hỏa, một ngọn đèn lẻ loi dung đưa lúng lẳng trên không chốc chốc lại sáng lóe lên soi rõ cái bảng giờ xe bằng

tôn bị bàn tay của một kẻ nghịch ngợm nào đó vắn vênh vào đi từ khi nào. Chốc chốc mấy tờ giấy bóng kính còn đeo nguyên mấy cái nẹp bằng nhôm bị gió thổi đập vào mặt tấm tôn những tiếng lạch bà lạch bạch như phồng lại tiếng bước chân khập khiễng của một con vịt què.

Nhìn cái đèn vàng đang chấp chới, lúc tắt, lúc sáng ở đầu đường tự nhiên Nguyên chợt thấy nhớ nhớ đến những đóm lửa ma trời ở quê nhà, chúng cũng lập lờ, lập lờ y như vậy. Nhất là vào những đêm mùa xuân, mưa phùn lác rắc rơi và nhiều gió như thế này, trên cánh đồng ven làng Nguyên, hàng đàn đóm chấp chới bay như mưa sao, còn ma trời thì hiện lên như trong ngày hội hoa đăng. Dân làng Nguyên có khối người bị ma trời đuổi đến tận ngõ. Nhất là các bà các cô, đôi khi là một vài chú mới lớn. Còn bọn trẻ con xin loại ra, vì đi đâu, nhất là vào buổi tối, chúng cũng đi thành bầy. Câu thành ngữ chạy như bị ma đuổi thật là đúng. Các vị vất chân lên cổ mà chạy, vào đến nhà rồi mà vẫn còn tim đập, chân run. Nhưng dẫu thế nào thì thế, mười người bị ma đuổi ở làng Nguyên thì có đến chín vẫn cứ thích vừa cười vừa kể lại trong hơi thở hỗn hển rằng: - ối giờ ơi! Sợ ời là sợ... Tao càng chạy nhanh bao nhiêu thì nó lại càng đuổi nhanh bấy nhiêu, cứ vù vù, vù vù ở đằng sau lưng mình vậy, ấy thế mà về đến cửa rồi quay lại nhìn thì chẳng thấy đâu nữa. Trong số bạn bè Nguyên, nhiều thằng đã nhìn thấy ma trời to như chiếc đèn lồng treo lơ lửng hàng giờ liền trên bụi tre, bụi chuối. Cũng có thằng kể lại là đã thấy những chuỗi ma trời xâu vào nhau như những chiếc bóng đèn hoa kỳ lăn đi lăn lại trên đỉnh màn hoặc lăn từ trên mái nhà, mái bếp lăn xuống...

Nguyên cực thích những đêm tối trời, không sao, không trăng lại có mưa nho nho nhỏ để ma trời có điều kiện hiện lên nhiều. Những đêm ấy, Nguyên và bọn bạn bè nhà quê của mình hay đứng dưới hiên nhà, chân kiễng lên, hai tay đánh đu ở những chiếc đòn tay, mắt nhắm lên nhìn ra cánh đồng làng, mỗi miệng mà đếm từng đóm lửa ma trời, hồi hộp đến lặng người khi có một dây lửa nào đó cứ leo lét tắt dần tắt dần rồi vụt biến mất hẳn, cũng như reo vang lên mừng rỡ khi thấy một đám lửa mới xuất hiện sáng xanh lên ở một chỗ nào đó. Hình như Nguyên còn nhớ được vài câu đồng dao mà chàng và đám con trai con gái làng mình vẫn hát để trêu đám ma trời ấy:

Ma trời ma trời,
Tối lặn mặt trời
Vào chơi với trẻ
Ma trời ma trời...

Đây là với bầy ma trời, còn với lũ đóm đóm. Nguyên thấy mình vẫn còn nhớ được một câu thần chú để bắt đóm đóm. Chẳng hiểu tại sao, hay là có một ma lực gì mà lũ đóm đóm đang bay vun vút lại ngoan ngoãn sa xuống đậu vào tóc vào áo bọn trẻ làng khi nghe chúng đồng thanh nhắc đi nhắc lại:

một câu mít mật cơm khô rất vô nghĩa, rồi đành để bị bắt nhốt vào những lọ thủy tinh nhỏ đựng thuốc tiêm hay những vỏ trứng gà trứng vịt...

Trong làng có một ông đồ, tuổi đã già lắm nhưng tính tình vẫn hóm hỉnh; thấy bọn Nguyên trêu chọc, nghịch ngợm lũ đom đóm như vậy thì vừa cười vừa bảo rằng:

- Ngày xưa có cụ Mạc Đĩnh Chi cũng bỏ đom đóm vào vỏ trứng mà học hành thành tài, được phong đến lương quốc trạng nguyên. Còn bọn mày chắc chẳng đứa nào làm nên tích sự gì.

Lúc ấy thì bọn Nguyên cười trừ, lại còn nhao nhao lên đòi kể chuyện cụ trạng, để sau sau này lớn lên mới thấy ông đồ nói câu ấy cứ như một định mệnh.

Mãi nghĩ mãi về ma trơi với đom đóm, lúc Nguyên đưa mắt nhìn sang bến xe buýt thì phát hiện ra ngay một đôi trai gái đang ôm nhau ngồi trên cái ghế băng bị gãy quá một nửa chỉ còn lại một đoạn ngắn ngun ngún trong nhà chờ. Gió đêm lạnh lùng càng lúc thổi càng mạnh làm bọn chúng càng như bị dính chặt vào nhau và làm ngọn đèn đường ở phía đó chao đảo, lúc lúc lại sáng lóe lên một tí xong rồi lại tắt phụt đi ngay. Những cành lá phong nhỏ bị gió bẻ gãy lệt xệt tha đi những quãng dài rồi đành chịu nằm yên dưới đường. Trên trời những đám mây nhem nhuốc, lợt lợt, nửa đen, nửa trắng, đủ các hình thù kỳ dị nối đuôi nhau bay đi như trong một cái đèn kéo quân khổng lồ. Đôi lúc, một mặt trăng mệp nhọc, nhợt nhạt cũng hiện ra ngượng ngùng, bối rối. Tuy nhiên, dưới ánh trăng nhàn nhạt, trăng trắng giống hệt nước gạo vo lần thứ hai, thứ ba như vậy cũng đã đủ cho Nguyên nhận rõ gã con trai ngồi dưới kia là con cái nhà ai. Chẳng xa lạ gì, gã chính là một trong những đứa con trai hàng xóm láng giềng nhà ở ngay sát vách với phòng của bọn Nguyên. Ngày bọn Nguyên mới dọn đến khu nhà này, mấy thằng còn khá là nhỏ và nghịch phá như quỷ. Chúng không bao giờ thềm đi cả thang máy lần thang bộ mà cứ huỳnh huých trượt trên những tay vịn, để rồi có lúc bị dồn cục lại ngã chồng chất lên nhau, kêu oai oái. Hàng ngày, lúc tan học về là mấy thằng cời giày dép, áo khoác, mũ mao, cặp sách vút ngổn ngang ở hàng lang, nhiều khi còn bẽ bọn tràn sang cả phần cửa của nhà Nguyên, rồi kéo nhau xuống ngồi dưới mấy bệ tam cấp, những cặp mắt hau háu nhướng ra đường chờ bố mẹ về để mở khóa cửa cho vào nhà... Ấy thế mà chỉ mới sau ba bốn năm, bọn chúng đã lớn vọt hẳn lên, thằng thấp nhất cũng cao hơn Nguyên cả nửa cái đầu, chân tay thằng nào thằng ấy dài nghêu ngoào, dáng đi dáng đứng như hổ như gấu, còn nét mặt thì già dặn, chững chạc. Bây giờ thì bọn chúng đã được bố mẹ đánh riêng cho một cái chìa khóa để tự tiện muốn đi lúc nào thì đi, về lúc nào thì về. Và một thằng lớn nhất trong bọn đã tự khẳng định được bản lĩnh của mình bằng cách kiếm hẳn được một đứa bạn gái. Nhà con bé cũng ở ngay trong khu nhà này. Hàng ngày Nguyên vẫn thấy

chúng dất dứu nhau, kèm theo lúc thì một, khi thì hai con chó đi lang thang ngoài đường, chốc chốc lại ôm hôn nhau say đắm, bất kể dân chúng đủ các sắc tộc lại qua, qua lại, và nhất là tỉnh bơ, mặc kệ bọn đầu đen cứ đứng đực ngây như tượng, xong trở mặt ếch lên mà nhìn.

Nguyên lơ đãng nhìn thằng con trai hàng xóm và đứa bạn gái của nó cuốn quýt dính vào nhau như nhựa cho đến khi thấy đứa này thọc tay vào quần của đứa kia thì lại lơ đãng quay đi. Trời lúc này đã chuyển gió mạnh hơn. Những cây phong già vừa gù hẳn xuống vừa lắc lư một cách mệt nhọc. Những đám mây đen xì đầm hơi nước, to bụi, nặng nề, xà xuống thấp hơn, lừ đừ bay... Đúng lúc đứa con gái vít cổ kéo thằng con trai nằm xuống ghế thì từ trong gầm cầu bỗng chui ra ba gã say. Cả ba trần như nhộng, dất tay nhau, chân nam đá chân chiêu chuệnh choạng đi, chốc chốc lại truyền nhau cái chai rồi ngửa cổ lên mà tu. Nhìn thấy thằng con trai nhà hàng xóm của Nguyên lúc này đã nằm phủ phục lên đứa con gái trên ghế trong nhà chờ, tự nhiên ba thằng cất tiếng cười sằng sặc rồi cùng tru lên như ba con sói đói. Chắc chắn là tiếng tru của chúng khá to, ít nhất cũng đủ để đánh thức được một vài người tỉnh ngủ. Nguyên thấy ở phía mấy căn nhà đối diện ba bốn cái cửa sổ đã lựt phụt sáng bùng lên ánh đèn tức tối. Chắc nhân dịp này các vị đi toi lét. Vài cái đầu bù xù còn thò hẳn ra ngoài, nhón nhác ngó trước ngó sau một lúc rồi lại quay vào... Thằng bạn cùng phòng với Nguyên cũng giẫy dụa một lúc rồi làu bàu văng tục:

- Mẹ. Tiên sư cụ đứa nào đấy không biết. Đang đêm động cốn hay sao mà gào lên như chó vậy.

Nguyên vẫn đứng bên cửa sổ quay vào cười mà bảo hấn:

- Ông này chửi đồng thể mà đúng. Cứ như là ông biết ở dưới kia có mấy đứa đang động cốn thật ấy.

Lúc này, thằng bạn bạn Nguyên đã ngồi hẳn dậy. Vừa hấp háy hai con mắt, vừa lấy tay che mồm, hấn vừa ngáp vừa nói với Nguyên:

- Ông không ngủ à?

Nguyên trả lời rồi hỏi lại:

- Tôi không ngủ được. Còn ông! Sao không ngủ tiếp đi?

Hấn đáp:

- Tôi mà đã dậy rồi thì cũng chẳng ngủ được.

Nguyên rủ rê:

- Không ngủ được thì ra đây mà xem. Trời có vẻ như là sắp giông ấy.

Thằng bạn đi ra đứng bên cạnh Nguyên nhìn ngửa nhìn ngang một lúc rồi lại quay vào ngồi xếp chân bằng tròn trên giường mà đề nghị:

- Hay là mình làm ấm chè uống đi.

Nguyên đồng tình, đi đến bên cái tủ đựng quần áo, sờ túi trên túi dưới một hồi xong, nói:

- Ô kê! Thì làm ấm nước uống cho tỉnh táo. Nhưng mà tôi hết thuốc lá rồi.

Thằng bạn cũng củ soát lại túi áo, túi quần của hắn một lượt rồi nói:

- Tôi cũng hết thuốc rồi.

Và vốn tính lười biếng, hắn quẳng chùm chìa khóa ô tô và mấy đồng năm Mark lên bàn, xong vừa đẩy về phía Nguyên vừa nói:

- Hay là ông chịu khó đi mua mấy bao thuốc. Chịu khó ra ga mà mua, chứ mấy cái máy bán thuốc tự động ở đây bị bọn nó đập hỏng hết từ lâu rồi. Còn tôi thì ở nhà đun nước, pha chè, đợi ông về là vừa.

Nguyên mặc áo quần, xỏ giày, đút mấy đồng càn cạch của thằng bạn vào túi, cầm lấy chiếc chìa khóa rồi đi xuống sân. Lác đác đã có những hạt mưa nho nhỏ, còn gió thì vẫn cứ mạnh như lúc trước. Vầng trăng thỉnh thoảng lại trốn đi gần như mất dạng. Trời lạnh và sáng nhờ nhờ, một thứ ánh sáng bị vấy bẩn, nhơn nhớt như nước ở trong chậu cá khi phải xuyên qua ba bốn tầng mây.

Nếu như lúc còn ở trên nhà thằng bạn không nói là xe của hắn để ngay dưới gốc cây cạnh cái thùng rác thì có lẽ Nguyên phải mất khối thời gian để đi tìm danh một loạt xe đậu một cách hết sức nhí nhố dưới sân nhà. Lúc Nguyên ra đến cổng thì ba gã say cũng loạng choạng vừa tới nơi. Ba gã ở cả dưới lòng đường, dặng chân ra vừa đi vừa dái tồ tồ. Trông thấy xe của Nguyên nhưng cả ba vẫn không thèm tránh, đã thế còn đập đập tay vào cửa sổ, giờ giờ chai rượu cạn gần hết lên, rồi cất giọng khê nong, khàn như giọng vịt đục mồi mọc:

- Êy! Uống đi... mày... uống... đi...

- Êy! Dừng lại... Làm một hớp đã mậy...

- Êy!...

Nguyên để ba gã đi qua rồi mới nhấn ga để chiếc xe vọt lên. Qua bên xe buýt, dưới ánh đèn pha chàng nhìn rõ mồn một khuôn mặt dờ dẩn nhợt nhạt nhưng đầy vẻ mãn nguyện của gã con trai nhà hàng xóm và con bồ của nó. Bị lóa mắt, cả hai đứa quay mặt đi sau khi đã phì phì phun qua kẽ răng hai tia nước bọt giống hệt như cảnh mấy con rắn hổ mang phun nọc độc mà Nguyên thỉnh thoảng xem được trong chương trình tìm hiểu thiên nhiên trên ti vi.

Nhà ga chỉ cách chỗ ở không đầy năm cây số nên chỉ dăm phút sau xe của Nguyên đã phóng đến nơi. Nguyên tìm chỗ đậu xe, tìm quầy bán thuốc lá tự động, cầm được mấy bao thuốc xong thì một đoàn tàu vừa đến. Đoàn tàu vẫn ngấn ngùn kể cả đầu máy mới được năm toa này chỉ dừng lại không đầy một phút, nhả xuống mấy người khách rồi lại hối hả đi ngay.

Chẳng để ý gì đến sự tàu đến tàu đi, về đến xe vừa nổ máy xong thì Nguyên chợt thấy một thiếu phụ Việt Nam còn khá trẻ, một tay xách mấy cái

túi to bụi, tay kia dắt theo một đứa con gái chừng bốn năm tuổi đang vội vàng chạy về phía xe của mình... Nguyên nấn ná chờ, chẳng biết tại sao mà mới chỉ nhìn thoáng qua, chàng đã thấy thích thích, cảm tình với thiếu phụ ở một cái gì đấy mơ hồ rất khó nói.

Mặc dù đã thấy Nguyên mở cửa xe, ra đứng hẳn bên ngoài để đợi rồi nhưng người thiếu phụ ấy vẫn vội vã, hốt hải. Đi đến bên cạnh Nguyên, chưa kịp chào hỏi gì nhau nàng đã vội vã vừa thở hổn hển vừa ấp úng hỏi:

- Đây có phải là ga W... không anh?

- Ý chị định hỏi là ga W...? - Nguyên nhắc lại.

Thiếu phụ mở to hai con mắt nhìn Nguyên hồi hộp:

- Vâng.

Đến lúc nghe Nguyên nói đây mới chỉ là ga Nord(1) W..., còn cách W khoảng hai chục cây số nữa thì nàng thất vọng ra mặt:

- Ồi! Thế thì em nhầm rồi... Ở trên tàu cứ nghe loáng thoáng W... W... là hai mẹ con hối hả thu xếp để đi xuống... Ai ngờ đâu...

Nguyên chưa kịp nói gì. Trong khi đó thiếu phụ vẫn tiếp tục dằn vặt:

- Khổ ời là khổ... Bây giờ biết làm sao cơ chứ...

Một trận gió lạnh ào tới, con bé nép mình sát vào chân mẹ để tránh rét. Nguyên hết nhìn con bé đang run rẩy lấy bẫy lại nhìn một đồng hồ mấy cái túi xách vứt dưới đất, ái ngại vẫn chưa biết làm gì thì đã nghe thiếu phụ hỏi:

- Không biết mấy giờ nữa mới lại có tàu đi về W... anh nhỉ?

Điều này thì Nguyên biết:

- Chuyến vừa xong là cuối cùng trong ngày rồi. Phải hơn tám giờ sáng mai mới có chuyến sớm nhất.

Thiếu phụ thắc mắc:

- Sao tàu đi W... lại ít thế hả anh?

Nguyên trả lời:

- Không ít đâu. Nhưng vì đây là ga xếp nên thỉnh thoảng mới có một chuyến đổ lại.

Nhìn thiếu phụ thở dài thất vọng và con bé ngáp dài ngáp ngắn, Nguyên hỏi tiếp:

- Thế chị định thế nào bây giờ?

Thiếu phụ cần mỗi một cái trông như mếu, xong lấy lại được vẻ mặt ngay để trả lời Nguyên bằng một giọng như rất bất cần đời:

- Thôi thì đành ở lại đây, đợi sáng mai đi tiếp chứ biết làm sao được nữa anh...

Nhìn con bé đang giơ tay dụi hai con mắt đã đỏ ngầu, Nguyên đề nghị:

- Nhà tôi ở gần đây thôi... Để tôi đưa chị về cho cháu nó ngủ. Rồi sáng mai tôi lại đưa chị ra ga sớm...

Nhưng thiếu phụ lắc đầu:

- Cảm ơn anh... Nhưng thôi, để em tìm chỗ nào cho cháu ngủ tạm mấy tiếng ở đây cũng được.

Nguyên suy nghĩ, tính toán một lúc rồi nói:

- Hay là để tôi đưa chị thẳng về W... vậy. Hai chục cây số cũng chẳng là mấy.

Mặt mày đã hơi tươi tỉnh lên, xong thiếu phụ vẫn e ngại nói:

- Nhưng đến W... rồi lại còn phải đi tiếp nữa cơ anh ạ.

Đã có ý giúp hai mẹ con nàng nên Nguyên không tỏ ra vẻ gì là ngại ngùng, chàng cười:

- Miễn là có địa chỉ, chứ đi tiếp đến đâu cũng được...

Thấy Nguyên có vẻ vui tính, thiếu phụ cũng cười, xong mở một trong số những cái túi, tìm lấy ra một tờ giấy nhàu nát đưa vừa đưa cho chàng vừa nói:

- Phiền anh quá! Địa chỉ thì có đây. Nhờ anh xem hộ trong này rồi tìm giúp mẹ con em với.

Nguyên liếc qua tờ giấy thấy ghi đây là địa chỉ của một bệnh viện đa khoa ở ngoại ô thành phố W... Chỗ này thì Nguyên biết, vì ngày trước thằng bạn cùng phòng với chàng uống rượu nhiều bị bực dạ dày phải đưa về đó để cấp cứu.

Sau khi giúp hai mẹ con thiếu phụ lên xe và bỏ hết số túi xách lĩnh kính vào cốp, Nguyên từ từ đánh xe ra đường. Chạy được một lúc thì trời bắt đầu mưa nặng hạt. Gió thổi mạnh làm cây cối hai bên đường như rạp hẳn xuống. Những hạt nước mưa to tướng lao vun vút vào cửa kính làm mấy cái gạt nước quay qua quay lại như điên nhưng vẫn chẳng giải quyết được vấn đề gì. Chẳng mấy chốc mặt đường đã ướt sũng. Nhiều quãng nước chảy thành dòng từ vách núi tràn qua mặt đường trước khi chảy xuống thung lũng. Tiếng bánh xe quay trong nước rào rào cộng với tiếng mưa dội ầm ầm trên mui xe, tiếng gió thổi vù vù qua những khe hở, ồn ào, nên muốn nói chuyện gì với nhau cũng cứ phải gào lên.

- Ấy sang đây lâu chưa? - Nguyên chuyển gam, không gọi thiếu phụ là chị nữa.

- Bọn em từ Việt Nam sang đây từ cuối năm 19... - Thiếu phụ trả lời rồi nói tiếp:

- Cũng tốn kém lắm anh ạ, mỗi người lớn mất hơn năm ngàn đô, con bé này dạo ấy mới hơn hai tuổi vậy mà cũng mất hai nghìn.

Nguyên cười:

- Tôi mà có bằng ấy tiền thì ở nhà quách, chẳng phải sang đây làm gì.

- Đào đâu ra mà có, anh. - Thiếu phụ cũng cười. - Số tiền ấy phải nhờ bố mẹ hai bên bảo lãnh vay cho ở nhà... Cứ tưởng sang đây một vài năm rồi cũng thanh toán xong, chứ ai ngờ đâu đến bây giờ vẫn chưa trả hết nợ.

- Làm gì mà không giả hết?

- Số nhà em đen lắm... Vất vả mãi mới đi được thì sang đến đây lại bị đây ngay vào cái chỗ khi ho cò gáy, trông trước trông sau, đầu đầu cũng chỉ thấy có bò với bò. Đã không tìm được việc gì mà làm lại phải ăn paket, mỗi tháng cả nhà được hơn trăm đồng tiền mặt, chẳng bỏ làm lên cơm lên cháo gì.

Nguyên đồng tình:

- ừ! Nếu phải ăn paket và không có việc gì làm thì cũng bí thật đấy.

Giọng thiếu phụ nghe thật buồn:

- Vâng! Bí lắm. Mấy tháng trước bố mẹ chồng em viết thư sang nói rằng: Mấy ông chủ nợ ở nhà đòi ráo riết quá. Thịnh thoảng còn cho cả bọn đâm thuê chém mướn tới dọa, bảo hẹn cuối cùng là hết năm nay, nếu không trả xong thì liệu liệu đấy, chúng sẽ cho người đến để phá nhà...

- Sao bọn ấy lại khốn nạn thế nhỉ. - Nguyên tỏ vẻ thông cảm.

- Vâng. Anh ấy nhà em lo lắng quá đến gầy rạc cả người, chẳng ăn chẳng ngủ gì, xông xáo khắp nơi tìm việc làm. Rồi một hôm, nghe mấy người cùng trại nói là ở W... có mấy ông chủ cần người làm ngoài đồng, chỗ ngủ nghe không tính tiền, trừ cơm ăn hàng ngày còn trả tám mark một giờ. Mặc dù đang bị ốm nhưng nghe họ rủ rê, anh ấy cũng cứ gượng dậy đến xin cho bằng được...

Nguyên hỏi:

- Chỗ làm có gần nhà không?

- Xa lắm anh ạ. Từ hôm gia hạn duldung đến nay đã hơn hai tháng rồi nhưng vẫn chưa lần nào ghé về nhà. Chỉ thỉnh thoảng lắm mới viết cho em vài dòng thư bảo đạo này nhiều việc quá, tuy mệt nhưng cũng không dám bỏ. Tối hôm kia em đang ngồi nhà thì nhận được một cái telegram của mấy ông hàng xóm đánh đi từ bệnh viện W... thấy viết là bị tai nạn rồi.

...

Đưa hai mẹ con người đồng hương tới bệnh viện xong, Nguyên về đến nhà thì trời đã sáng được khá lâu. Thăng bạn cùng phòng không đợi được thuốc hút gục xuống ngủ trên đồng chăn gối ngổn ngang, để lại trên bàn mấy cái chén chỏng chơ và một ngăn cặp lồng đầy ấp nước chè đen xì đã nguội ngắt. Nguyên cởi quần áo vất lên ghế, để chùm chìa khóa và mấy bao thuốc lá lên bàn cho hấn rồi đi về giường mình. Xem đồng hồ, chỉ còn mấy tiếng nữa là đến giờ phải đi làm, Nguyên thấy người hơi mệt mỏi nên muốn ngủ bù chút xíu để lấy lại hơi sức.

Mặc dù Nguyên đã cố gắng đi hết sức nhẹ nhàng nhưng cái sàn gỗ cũ kỹ vẫn cứ rên lên những tiếng lắc rắc, cọt kẹt. Âm thanh ấy làm thăng bạn của Nguyên đang ngủ trong một tư thế hết sức khó khăn phải tỉnh dậy. Vẫn còn mắt nhắm mắt mở hấn đã lên tiếng hỏi Nguyên:

- Ông lạc vào đâu mà về muộn vậy?

Nguyên kể lại hành trình của mình, bảo phải đưa mấy người nhờ đường vào bệnh viện W... Nhưng hấn ngăn người ra, lẩm nhẩm tính thời gian đi, thời gian về một hồi rồi nguây nguẩy lắc đầu không tin, làm gì có chuyện chỉ một việc đến bệnh viện rồi về mà lại lâu như thế được. Nguyên phải tiết lộ thêm một chi tiết:

- Ấy, suýt quên, lúc ra khỏi ga W... một đoạn chẳng hiểu sao cái xe của ông lại bị chết máy cái khực. Tôi loay hoay mãi, làm thế nào cũng không cho nổ lại được. Con bé thì ngủ mê mệt, trời thì mưa gió, chả lẽ lại bảo mẹ nó xuống mà đẩy... Cuối cùng, đành phải chờ đến gần sáng mới có một ông tốt bụng dừng xe lại mà kéo đi cho.

Nguyên đã nói đến thế mà thằng bạn vẫn còn muốn truy đến cùng:

- Ông bảo chỉ có ngồi chờ người đến kéo đi thôi à?

- Chứ ông bảo còn biết làm cái gì hơn nữa? - Nguyên hỏi lại.

- Tôi không tin. - Hấn khăng khăng.

- Kể cả không tin cái xe của ông tự nhiên giờ chúng chết máy giữa đường?

- Không tin.

- Thôi thì tùy ông.

Nguyên đáp xong câu ấy rồi nằm xuống giường kéo chăn lên tận cằm, nhắm mắt lại... Thằng bạn tưởng Nguyên đã ngủ nên không nói gì thêm nữa. Hấn ngồi đốt thuốc hút một mình, lơ đãng thả những vòng tròn vô nghĩa to tướng lên trần nhà, chứ có hề biết đâu rằng là Nguyên cũng vẫn không ngủ được. Chàng hết mơ thấy những nụ hôn ngọt ngào của người thiếu phụ lúc còn trên xe, lại mơ đến cơ thể rắn chắc, nóng bỏng cùng những cái ôm ghì cuồng nhiệt của nàng...

Trước lúc đi làm Nguyên vẫn hay có mấy phút đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Sau một đêm mưa gió, bầu trời trở lại hết sức yên ả. Nắng trải rất vàng trên những tán lá phong và những mái ngói. Những đám mây trắng xốp nhẹ như bông nhón nhơ bay. Con đường đá bụi bặm hàng ngày đã được nước mưa rửa đến sạch bóng, để lộ ra ánh đá xanh biếc với những đường vân trắng. Không còn một chiếc lá phong rụng nào trên mặt đường. Chắc là chúng đã bị nước cuốn đi đâu đó. Gã láng giềng của nhà Nguyên lại dung dăng dung dẻ với con bé người yêu và con chó nhỏ chọt hiện ra ở chỗ bến xe buýt. Hai đứa nhìn cái ghế cười rồi đưa con gái kiễng chân lên mà hôn thằng con trai... Con giống tổ đem qua như chẳng thấy còn lưu dấu ấn lại ở bất cứ chỗ nào □

● LÊ HAI ●



Trước Thần Vệ Nữ

Chẳng thể nào nói khác được đâu
Em đứng đó biết là không có thật
Nhưng nếu tự võ mình ra được
Dấu một lần để tan cả vào em

Khoảng cách gần sao em quá xa xăm
Thần vệ nữ hỡi! Chỉ một tầm tay với
Nhưng tôi biết chẳng thể nào lay gọi
Dấu trăm năm em chẳng trở về

Tôi hiểu vì sao thi sĩ Hai-nơ
Khi đang sống hơn một lần ông khóc
Trước vệ nữ - không là có thật
Tôi nhập hồn mình với cái đẹp trong tranh.

L.H

□ ÔNG THẾ HÙNG

tình ca

Suốt cả mùa đông rét mướt
Cây gầy guộc trơ những cành khẳng khiu
Đàn chim bay qua chiều
Mỗi cánh không thấy nơi dừng cánh
Cùng với đám mây sấm
Cùng với gió vô tình
Mùa đông trôi dần về đất vắng

Để lại tôi
Một khoảnh đất hẹp trong trại cấm
Một chút xanh sóng biển ngút ngàn xa
Cây trần trụi như chưa hề hoa lá
Mái nhà tôn sùm sụp trên đầu
Tin yêu không biết gửi về đâu
Lời thề thốt bỏ lâu chẳng nhớ

Bỗng dung như hẹn chờ
Cây đã trở những mầm đỏ lửa
Lắng yên nghe mùa xuân gọi cửa
Miên man nghe điệp khúc cũ băng khuâng
Tôi muốn chạy riu ran nhịp chân
Lại muốn hát vang lời thân ái
Chà, mùa xuân thấm mềm mại
trên tóc trên vai em thấy không?...

Ô.T.H

Tản mạn Chuyện Đời tôi

□ Truyện ngắn của TRỌNG ĐOÀN

Tôi xa quê hương tính đến nay đã tròn mười năm rồi. Mỗi lần nghĩ lại, không khỏi bùi ngùi, nuối tiếc và có chút xót xa ân hận. Tôi sinh ra và lớn lên ở một làng quê cằn cỗi, nghèo khó. Gia đình làm nông nghiệp. Còn bố tôi thì làm việc trên Tỉnh. Nghe tiếng "Tỉnh" có vẻ oách đấy, nhưng thực ra cũng chỉ là người làm công cho người ta thôi, chứ có công chức, công chức gì đâu. Cái thời bố tôi, những ai mà vượt thoát khỏi mảnh ruộng, bờ ao cũng đã là ghê gớm lắm rồi. Có quyền nhìn đời bằng nửa con mắt. Nhưng ông bố tôi thì không dám cho mình cái quyền ấy. Thậm chí ông nhắm cả hai mắt lại luôn. Đó là những năm, tháng ông đã chán bốn ba. Ông lặng lẽ trở về làng cũ sống với gia đình. Hạnh phúc nghèo như bát cháo loãng, nhìn thấy cả mặt anh Cuội, chị Hằng đủ dờn trên cung trăng còn gì sung sướng hơn. Bố tôi sống an phận, đạm bạc. Ông rất khinh ghét cái thói đời nhiều nhuơng, chèn ép nhau như thể con cá riếc sống với đàn cá rô. Ý tưởng của ông rất đẹp, cao thượng, trong sáng. Nhưng chỉ là thứ ánh sáng le lói như ngọn đèn hoa kỳ tỏa sáng một vùng rất nhỏ trong gian nhà lá tôi tàn giữa đêm đông giá lạnh. Ông thường trách đời bạc phận nên không thể thoát khỏi mảnh ruộng cằn cỗi quê tôi. "Chẳng đâu sâu bằng lỗ". Ông tự an ủi và vui lòng chấp nhận câu nói của các cụ từ ngàn xưa để lại. Xét cho cùng thì bố tôi không khổ, còn sướng nữa là khác. Bởi lẽ, người "thuyền trưởng" trong gia đình tôi lại là mẹ tôi chứ không phải bố tôi, thế mới ngược đời. Mẹ tôi làm việc đâu tấy, mặt tối, lặn lội thân cò từ mờ sáng đến tối mịt mới về. Mẹ tôi buôn hàng chuyển. Buôn bán cò con trong thôn. Cốt sao nuôi sống bảy nhân mạng cũng là phúc lắm rồi.

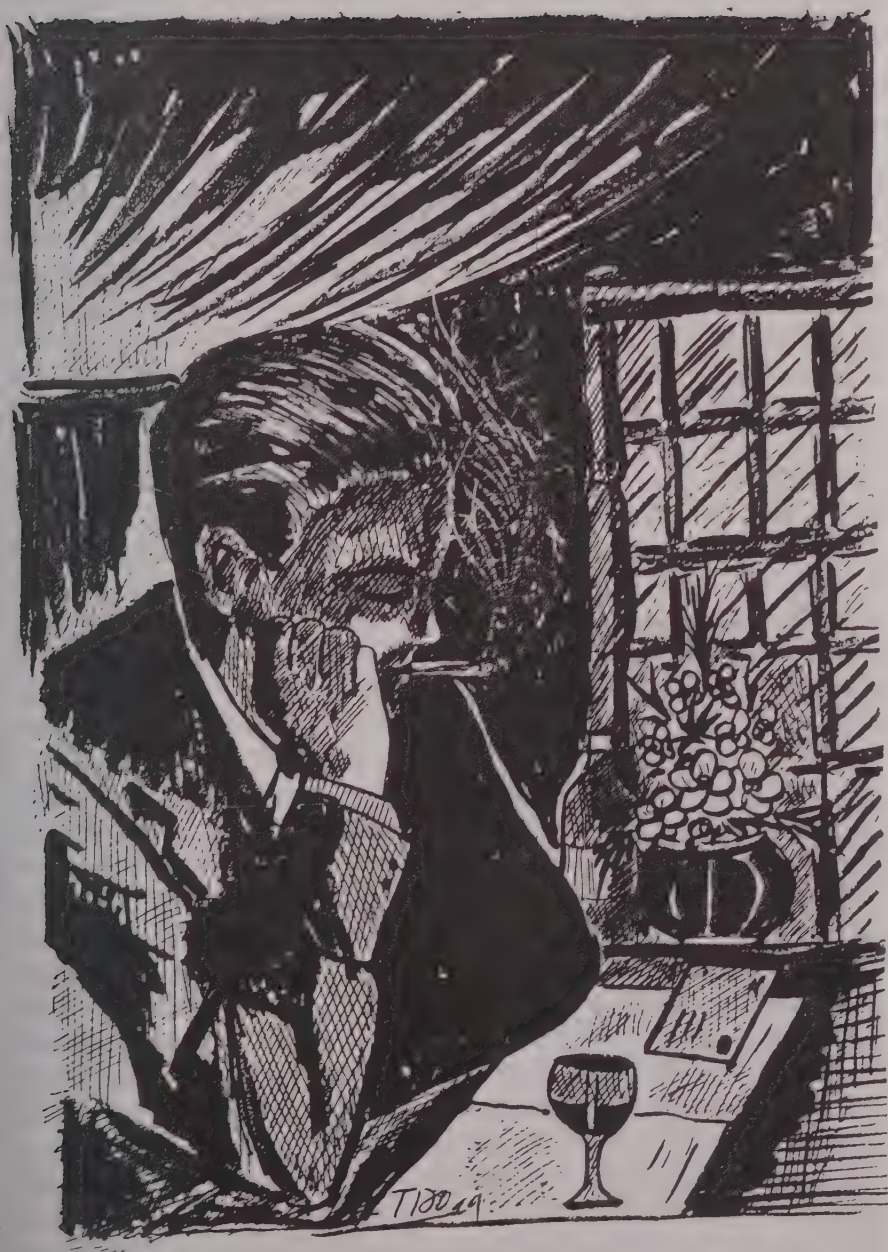
Trong gia đình tôi, có ông trưởng là có trí học hành hơn cả. Anh nghiêm khắc và rất nóng tính. Cái lũ choai choai bọn tôi chỉ chóc lẫn nhau thì liệu

hòn, biết đường chuồn cho sớm, lở ngổ đứng ở đó ăn no đòn. Anh nổi nóng, ông trời cũng không can được. Vậy mà bọn tôi không cảm ghét gì anh, rất kính trọng. Thằng nào thằng nấy bảo nhau đi vào khuôn phép. Xin thủ nhận, tôi là thằng ngang bướng và ngỗ ngược nhất trong nhà. Ấy cũng chỉ vì tôi nhanh nhẹn, lêu lắt, có nhiều mưu mẹo nên bố tôi bắt đứng hầu trà các cụ. Chính vì vậy mà tôi biết được nhiều chuyện từ đầu làng, cuối xã đều do "hãng thông tấn truyền mồm" các cụ mà ra cả. Bạn bè tôi, con, cháu họ làm chức vụ khá to ở trên Tỉnh, mềnh nhất cũng là phó chủ tịch xã. Thế mà họ cũng kính nể bố tôi ra phết. Vì bố tôi hiền lành, không hay bắt bẻ, lý sự nên các cụ cứ việc phát hết công suất, chẳng cần phải ý tứ gì. Tuy vậy bố tôi cũng có một câu rất hay (với tôi là bất hủ): "Làm bất cứ việc gì cũng phải"lường" trước". Sau này trưởng thành, vào đời gặp những va vấp, tôi lại mang câu nói của bố tôi ra để áp dụng. Câu nói quả nhiên có phép màu nhiệm đã giúp tôi tránh được những chuyện không may xảy ra, vì tôi đã lường trước được sự việc. Hồi ấy, tôi còn là đứa trẻ chân đất, mắt toét. Tôi chưa hiểu hết sâu xa về chữ "lường" nên đã để xảy ra chuyện đáng tiếc. Chung quy cũng chỉ tại bố tôi ngày nào cũng rên rỉ, ca cẩm mãi cái điệp khúc: "Con ơi! đừng động vào các anh ấy làm gì" ("các anh ấy", ám chỉ cán bộ chính quyền) Mỗi lần nghe câu nói này tôi rất bất bình. Thế là tôi quyết đi tìm cho bằng được con em "các anh ấy" tôi phết. Phết cho lên bờ, xuống ruộng mới hả giận. Không may cho tôi lại chọc phải đúng tổ "ong bò vẽ". Nghĩa là tôi đã nên phải con bà đội trưởng sản xuất Hợp tác xã. Cái chức vụ không to, nhưng cái mồm của cụ thì rất to, như thể cái loa công cộng của xã. Không những mồm loa, mép dài, cụ còn chanh chua, đánh đá nhất xóm. Không ai dám động vào cái nhà ấy, vì họ không muốn dây với hủi. "Đâu, đâu, nó đâu? Thằng nào, con nào dám động vào con bà, bà thì xé xác nó ra ngay". Cụ Sành hăm hăm tức giận. Cái mặt dày bịch chấy mỡ của cụ xệ xuống, làm những nốt rỗ hoa thâm sì lặn sâu vào trong, như thể cái bánh đúc rắc lạc. Cụ sấn vẩy quay cuồng phăm phăm đi về hướng vườn chùa, nơi vừa xảy ra trận giao chiến quyết liệt. Một bên là thằng con bà đội trưởng sản xuất Hợp tác xã. Một bên là "chánh tổng" (tức là tôi). Cái tên do bọn trẻ trong làng đặt cho tôi. Không hiểu nguồn gốc từ đâu mà có cái tên này. Bọn trẻ vất mũi chưa sạch làm sao mà biết được ông chánh, ông lý ở cái thời phong kiến ngày xưa. Mỗi lần nghe bọn trẻ gọi tôi là "chánh tổng" tôi đã lộn tiết lên rồi. Sau một hồi vật lộn, đánh đá túi bụi khá lâu. Cuối cùng tôi đã vật ngã được thằng Cường, đè xấn ra, ngồi lên bụng nó. Tôi chưa kịp hỏi tội con em "các anh ấy" thì tự nhiên máu mũi thằng Cường ộc ra, trông rất ghê, chảy xuống mồm, loang cả vào áo. Tôi hoảng quá, vội bỏ thằng Cường nằm đấy, co cẳng chạy một mạch về nhà.

Mụ Sành đi từ xa đã chỗ cái "loa phóng thanh" về phía vườn chùa chửi

đồng. Mẹ dẫn đám trẻ con đi vào. Thằng Cường nhìn thấy mẹ, nó được thể khóc toáng lên. Mẹ không khóc. Mẹ chửi và vu khống. Đó là cái nghề của mẹ. Thằng Cường méo máo mách mẹ nó: "Thằng Toàn ở xóm Một, nó đâm vỡ mũi con, mẹ ơi. Nó còn dận lên cổ con nữa". Mẹ Sành ôm lấy con gằm lên như thể trời long, đất lở: Ối làng nước ơi! ra mà xem chúng nó giết con tôi này". Một thằng trong bọn trẻ xen vào: "Không phải thằng Toàn đâm vào mũi. Tự nhiên máu mũi nó chảy ra đấy. Hôm qua ngồi trong lớp học, máu mũi nó cũng chảy ra như thế này". Thằng Cường cố cãi: "Hôm qua tao chảy máu cam chứ". Bọn trẻ phá lên cười. Thằng Cường ngượng quá, cúi gằm mặt xuống. Để chữa then, mẹ Sành xía xói vào mặt đứa trẻ vừa nói: "Chúng mày đừng có chõ mõm vào, ranh con. Bà vận cổ bây giờ". Mẹ quay sang cậu con quý tử: Thôi, đi về. Tao dẫn mày đến nhà bố nó xem chúng nó có dạy được nhau không". Mẹ nói rõ to câu này cho mọi người nghe thấy, như thể ra oai với thiên hạ. Thực tình, mẹ rất coi trọng gia đình tôi. Nói đúng hơn là mẹ nề anh tôi. Vì mẹ đang nhờ cậy anh tôi xin cho thằng con lớn của mẹ vào Công ty đường biển để được đi Tây, đi Tàu mà lại có nhiều tiền. Anh tôi công tác bên Ngoại thương nên giao dịch với các cơ quan trong Tỉnh có phần thuận lợi hơn. Sau cái vụ thằng Cường "cam" (vì nó có bệnh chảy máu cam nên bọn trẻ đặt cho nó cái tên ấy). Tôi cũng xóa sổ luôn cái tên "chánh tổng". Từ ấy trở đi, tôi đâm ra trầm tính, ít chơi bời, giao du với bọn trẻ trong làng. Mỗi khi đi học về, tôi phụ giúp mẹ tôi mua, bán hàng rồi gánh ra chợ bán. Lúc này tôi càng thấy thương mẹ tôi hơn. Một mình mẹ tôi lo toan, chịu đựng mọi cực khổ, gánh vác cả gia đình thoát khỏi những năm tháng khốn cùng nhất. Đáng lẽ ra ông Trưởng nhà tôi phải có trách nhiệm gánh đỡ cái gánh nặng này để mẹ tôi đỡ khổ. Đằng này thì không.

Anh tôi như người trên cung trăng bay xuống. Từ dáng đi, cử chỉ, cách nói năng cũng khác trước nhiều lắm. Rất nghiêm nghị. Nói tỉnh những câu trong sách, màu mè nhưng xa vời quá. Anh tôi nói chuyện, cứ như là đọc báo Nhân Dân cho cả nhà nghe. Đây là cái thời anh tôi làm Giám đốc Ngoại thương. Anh tôi giúp cũng khá nhiều người. Tiếng tăm lừng lẫy trong Tỉnh. Bên ngoài nhìn vào, người ta cứ tưởng anh tôi "ăn lúa", "ăn mạ" của dân nhiều lắm. Nhưng có phải thế đâu. Đây là tin đồn bậy bạ. Có một hôm, mẹ tôi nói với anh tôi rằng: "Thằng Toàn nó đã lớn rồi. Anh xem lo liệu cho nó vào làm chỗ nào để mát mặt một tí". Anh tôi nói: "Nó muốn tự lập thì cứ để nó làm". Đúng như thế thật. Ngay từ nhỏ, tôi đã có tính tự lập, không nhờ vả, ỷ nại vào ai. Đến nước cùng, tôi nộp đơn xin vào trường Trung cấp xây dựng. Cái nghề "xây cho nhà cao, cao mãi", nghe các ca sĩ hát cũng mê thật. Nhưng đến khi vào nghề mới thấy ngán, ngán đến tận cổ. Thôi thì cũng cố gắng học cho xong, chẳng lẽ lại bỏ dở. Ra trường, không xin được việc làm, tôi đi theo mấy thằng bạn ra tỉnh Quảng Ninh kiếm sống. Xoay xở các nghề nhưng vẫn



chỉ đủ ăn, chứ không dư dật được bao nhiêu. Rồi một hôm, lại vẫn mấy thằng bạn cũ đến rủ tôi đi làm ở một nơi xa hơn. Tôi nhận lời đi làm với chúng. Nào ngờ, đến điểm hẹn tôi mới biết là bị lừa. Muốn đánh tháo quay về cũng muộn rồi. Thôi thì cũng đành "nhắm mắt đưa chân". Sự việc xảy ra rất nhanh gọn. Tôi chỉ kịp lột cái mũ cối Tàu mới tinh gửi bà hàng nước đầu bến người cùng làng, bà còn có họ hàng xa với mẹ tôi nữa. Tôi nhờ bà mang cái mũ này về quê đưa cho thằng em tôi để nó đội đi làm đồng, chần dăng, đơm đó, giữ cho cái "gáo" được an toàn hơn. Cái mũ cối Tàu nó là ngôn ngữ câm, xem như lời tự thú lỗi lầm của tôi trước khi ly biệt gia đình, quê hương để ra đi. Tôi vào Nam, ra Bắc cũng nhiều, nhưng chưa bao giờ ruột gan tôi rối bời, nôn nao nhớ gia đình, quê hương da diết như đêm nay. Lần đầu tiên tôi khóc trên giòng sông đời đen kịt!

Con thuyền nhỏ bé mang theo hơn ba chục nhân mạng, hầu hết là phụ nữ. Chạy ị ạch gần một tháng trời vẫn chưa nhìn thấy bờ bến đâu. Trên thuyền đã hết lương thực, nước uống. Đói và khát đang dày vò, hành hạ những con người khốn khổ này đến kinh khủng. Có nhiều chị em đã lả đi vì đói. Chủ thuyền phải cho thuyền dạt vào một bến cá thuộc đất Trung Quốc để xin ăn. Nhân dân Trung Quốc rất tốt. Họ đã cư mang, cho chúng tôi ăn, ở mấy ngày. Những ngày sau, con thuyền lại đơn độc tiếp tục cuộc hành trình trên đại dương mù mịt sương khói. Không nhìn thấy một tia hy vọng nào lóe lên ở phía trước. Chạy được một đoạn khá xa, con thuyền tự nhiên chạy chậm lại và xui dân. Thợ máy kiểm tra, báo hết dầu. Cũng may gần bờ nên thuyền dạt vào được an toàn. Tên chủ thuyền lừa tất cả chị em phụ nữ xuống bãi, như lừa đàn vịt. Nó bắt chị em đứng sang một bên. Tên này nói dần từng tiếng: "Tất cả đàn bà cho vào làng kiếm tiền". Nó vừa nói vừa chỉ tay về phía có những dãy nhà thấp xung quanh đồi núi, cây cối mọc um tùm, như kiểu nông trại. Tên này nói vừa hết câu, một cô đã xen vào ngay: "Nhưng anh ơi, chúng em gầy yếu thế này, quần áo lại hôi hám nữa, ai người ta mượn". Thằng này cười hô hố, mặt tỉnh bơ. Nó "sủa" tiếp những câu rất mất dạy, vô học: "Chúng mày cứ cười trường ra là đẹp tất, giống nhau hết. Bà hoàng cũng như con ăn mày". Không hiểu thằng chó này nó nhặt ở đâu cái thuyết lý khốn nạn ấy. Chị em nghe xong, mặt tái đi. Đứng thu vào một góc, sợ hãi, lo cho số phận mình sắp sửa bị bán thân. Tôi nghe xong câu nói thằng chủ thuyền, người tôi nổi gai, lạnh buốt cả xương xống. Tôi không còn đủ kiên nhẫn nghe nó nói tiếp. Thế là cái máu "quân tử Tàu" của tôi nổi lên, khiến tôi không kìm được: "Tiên sư thằng chó này. Mày không còn tính người. Nếu mày muốn bắt chị em đi làm "bóp" nuôi mày thì mày phải bước qua cái xác của tao đã". Tôi nhìn thẳng vào mặt thằng kia bằng cặp mắt hung dữ như con thú vồ mồi. Tiến lên phía trước, tôi cời phăng cái áo bay Tiệp vút xuống bãi cát, để lộ tạng ngực trần xăm hình cái đầu rồng đang giơ cao móng vuốt, như muốn nuốt sống, ăn tươi

đối thủ. Nhìn thấy hình đầu rồng trên ngực tôi, thằng chủ thuyền chột dạ. Đôi mắt trắng dã của nó sụp xuống, rồi lặng lẽ lúi vào trong khoang thuyền, nằm xếp như con dáo. Tôi không ngờ cái hình đầu rồng mà hồi nào tôi đã trót đại bôi bẩn nó lên ngực lại có hiệu lực đến thế. Tôi nào có biết võ vẽ gì đâu. "To mồm thắng năm mươi phần trăm". Đây là cái miếng võ của ông anh họ truyền cho tôi. Hôm nay tôi thắng tên chủ thuyền cũng nhờ cái miếng võ này. Đang ở thế thắng, tôi không để mất cơ hội, càng hăng hái thêm: "Tất cả chị em phụ nữ ở lại trông thuyền. Anh em nam giới đi theo tôi". Hơn ba chục con người nhao nhao lên hưởng ứng, như thể tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của vị thủ lĩnh mới. Tôi dẫn đầu toán thanh niên khỏe mạnh đi vào làng làm thuê cho dân bản xứ với giá rẻ mạt nhất để có tiền mua dầu và thực phẩm. Lại một lần nữa thoát nạn. Đi mãi rồi cũng tới đích. Thế là tôi đã đến được Hồng Kông. Tất cả những người trên thuyền đưa về trại Thanh Châu để làm thủ tục. Độc thân đứng riêng, có gia đình đứng riêng. Những viên chức nhà trại làm việc thuần thực, nhanh nhẹn. Họ đọc danh sách từng người một, lần lượt đi theo hộ gia đình. Còn độc thân thì ở lại, chờ sát nhập với thuyền khác. Sắp đến lượt Liên vào làm thủ tục (Liên là tên cô gái đi cùng thuyền với tôi). Tự nhiên tôi thấy lo lắng cho Liên. Liên còn rất trẻ, xinh xắn. Tóc dài óng mượt. Đôi mắt to đen, trông rất hiền và chân thật. Liên ít nói, không thích đùa cợt, bông lơn vô thức. Với cốt cách ấy, tôi nhận biết ngay rằng: Liên là con nhà gia giáo, có nề nếp. Trái tim tôi đã mắc phải cái gai của bông hồng này, từ ngày tôi "chiến thắng" gã chủ thuyền khốn kiếp kia. Những ngày sống trên thuyền, tôi luôn theo sát, bí mật bảo vệ, chăm sóc "bông hồng" của tôi. Cho đến bây giờ, chẳng lẽ Liên lại bỏ tôi, đi theo toán độc thân hỗn tạp kia ư. "Nguyễn Thị Liên". Nghe gọi đúng tên mình, Liên bàng hoàng, mặt biến sắc, kéo lê đôi dép nhựa màu tím đã đứt một bên quai, đi về bàn thẩm vấn của nhân viên Trùng giáo. Gần đến bàn thẩm vấn, Liên đảo mắt rất nhanh về phía tôi như thể cầu cứu "chàng hiệp sĩ" quê mùa. Tim tôi như đứng lại, chờ đợi cái giây phút chia lìa, đau đớn này. Nhân viên sở Trùng giáo hỏi: "Cô đi với ai? Có gia đình không?" Liên gật đầu. Họ hỏi tiếp: "Gia đình đâu? Liên lại im lặng đi về phía tôi. Tôi tỉnh hay mơ đây. Liên đến với tôi thật rồi. Tim tôi càng đập mạnh và trở nên bối rối. Đúng thật, duyên số không thể tránh được. Thế là tôi với Liên đã xây dựng gia đình trong trại cấm.

Sống trong trại cấm một thời gian, chúng tôi được ra Hồng Kông sống tự do. Chờ phái đoàn đến tiếp kiến đi định cư nước thứ ba. Những ngày sống ở Hồng Kông, chúng tôi đã sinh được một cháu gái rất kháu khỉnh. Nó giống mẹ như đúc. Đôi mắt mở to, thao láo như mắt nai. Tôi lăn lộn xoay xở đủ các nghề để kiếm sống, cố gắng vun xới, xây đắp cho cái tổ ấm nhỏ bé này. Gia đình tôi được gọi đi tiếp kiến phái đoàn Canada và đi định cư ở thành phố

Vancouver âm áp, xinh đẹp và thơ mộng. Nổi tiếng trong ngành du lịch, thương mại thế giới. Phong cảnh hữu tình. Khí hậu ẩm áp, mát mẻ, tránh sao khỏi những đêm ân ái "động trời". Thế là chúng tôi lại "sản xuất" thêm một công dân nữa. "Sản phẩm" ngoại quốc hẳn hoi. Một thằng cu nữa ra đời. Như vậy là có nếp, có tẻ. "Lò sản xuất công dân" của chúng tôi tạm thời Stop để có thời gian làm việc, học hành, chăm sóc con cái. Ngoài ra còn giành thời gian đi du lịch nữa. Chúng tôi cũng đã sang Mỹ. Ở sát cạnh "ông anh" mà không sang thăm hỏi, chơi bời, có phần bất nhả chăng. Cuộc sống ở Mỹ rất ồn ào, náo nhiệt, xô bồ, gấp gáp. Kiểu Mỹ mà. Chóng mặt luôn. Do lối sống Mỹ nên con người ở đây cũng buộc phải đuổi theo cuộc sống như một cái máy. Sống ở Vancouver tôi thật sự yên tâm hơn bất cứ nơi nào. Tôi có ý định làm giấy bảo lãnh cho mẹ tôi sang chơi để biết đó, biết đây.

Năm ngoái, vợ chồng tôi và hai cháu có về thăm quê hương, sau những năm dài xa cách. Thấy vợ chồng, con cái tôi bỗng bế nhau trở về, mẹ tôi khóc sưng cả mắt. Bỏ tôi vẫn ít nói, trầm tính như xưa. Tôi đến bên bàn trà bố tôi, có tìm lại kỷ niệm một thời thơ ấu. Bố tôi ôn tồn, thông thả từng câu một: "Có phúc thì có phận, con ạ. Bố chỉ mong sao con giữ cho cái tâm nó được sang". Anh tôi cười rười, không nói gì. Chắc anh vẫn còn giận tôi. Vì tôi bỏ nhà ra đi đã vô tình "đá" vào cái "chân ghế" của anh, khiến nó lung lay. Anh bị kiểm điểm lên, kiểm điểm xuống cũng chỉ tại thằng em "phản động". Ấy thế mà Kiều có đem nhiều đồ la về thì lại báo là "yêu nước". Nghe thật khôi hài. Thời kỳ "mở cửa" rồi mà anh tôi vẫn không chịu tỉnh táo để nhìn ra thế giới. Cứ "độc lập", "tự cường", ca mãi cái điệp khúc muôn thuở, cũ rích. Đã vậy lại có tính bảo thủ và sĩ diện hão nữa. Anh tôi vẫn cứ cho mình là đúng, khi anh làm bất cứ việc gì. Anh coi trời bằng vung, coi thiên hạ dưới tầm con mắt. Tôi sợ một ngày nào đó, anh dầm quả trứng trong bát mắm, lại tưởng mình đang xoay quả cầu. Căn bệnh đó mới nguy hiểm. Thằng em tôi, thực tế hơn. Nó vẫn nói sau lưng anh tôi: "Lương tâm không bằng lương thực". Nó vẫn đều đặn viết thư sang Canada thăm tôi. Nhưng lá thư nào cũng thế, ở dòng tái bút bao giờ cũng có một câu ngắn gọn: "Anh chị thông cảm, cho em xin ít tiền". Khổ quá! Nó tưởng Kiều ở bên này hái ra tiền chắc. Đúng thật. Tiền là lá mà. Có nhiều lá thì có nhiều tiền. Nhưng nó có biết đâu rằng, trong từng cái lá ấy đã thấm máu và nước mắt của tôi!

Đời con người dài lắm, nhưng cũng rất ngắn ngủi. Phải biết kính trọng và thương yêu nhau. Ai cũng cần tiền. Nhiều tiền chưa chắc đã có hạnh phúc.

Khi tôi ngồi viết những dòng tản mạn này, tôi nghiệm ra một điều: Muốn có hạnh phúc và bảo vệ hạnh phúc thì phải có niềm tin. Đừng bao giờ đánh mất nhân cách của mình



và nói một câu mà người tìm đến không chờ nghe.

"Tôi không rõ. Tôi chỉ biết tên ông ta là Tôn Yên. Còn Tôn Yên là Tàu, Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam và gì gì đi nữa thì chỉ ông ta, họ hàng, bạn bè ông ấy và trời biết thôi."

Dần dà, mọi người cũng đến lúc chán lão, không quan tâm sự có mặt của lão nữa. Hình ảnh lão nhạt nhòa dần trong sinh hoạt hàng ngày của họ.

Đúng vậy. Trên con phố nhỏ này, chỉ có lão và trời biết lão là người Việt Nam, một người Việt Nam duy nhất cư ngụ ở đây. Chưa hề có ai nhìn thấy bất cứ bóng dáng nào đến thăm lão cả. Điều đó có nghĩa là lão hoàn toàn cô độc. Cái cô độc đang lo ngại dưới hàng cây phong trơ trụi lá run rẩy hứng cơn gió lạnh loài ẩm ướt, trong buổi sáng cuối thu như sáng nay.

Sáng nay, như mọi sáng, đúng bảy giờ. Bất kể xuân, hạ, thu, đông, chỉ trừ ngày mưa bão lớn. Lão xuất hiện trên hè phố. Với cái dáng đi cố hữu, lê lét đôi giày vệt đế, đầu cúi gập xuống, miệng lấp bắp. Ngôn ngữ khản khứa của lão là một chuỗi âm thanh

lục đục dồn ứ ở cổ họng, dường như chúng chưa từng được thoát qua hai hàm răng vàng khè, xin xin. Lão đang tâm sự với chính lão.

"Thời buổi sao mà đốn vậy. Loạn rồi. Nhiều nhưng quá chứ gì nữa.

À này, sáng nay lúc sáu giờ, nghe loáng thoáng bản tin từ radio, nói về vụ cướp giạt xảy ra trong ngày hôm qua đấy. Lũ nhóc con khốn nạn đến thế là cùng, chỉ vì vài đồng đô mà nỡ đánh bà lão đến bị thương ngay trên đường phố. Hừm... Ai dạy chúng nó làm vậy nhỉ? À... phải rồi, xã hội, nhà trường, gia đình chúng dạy chúng là cái chắc. Ờ... ờ, cũng khối người lớn làm gương cho chúng nó theo kiểu này chứ lì. Thảo nào. Hồng, hồng."

Lão mím môi, lặng lẽ bước lệt xệt như vậy rất lâu. Lão đang trầm tư mặc tưởng về xã hội, về con người và thời thế.

Sáng nay không mưa, nhưng bầu trời đầy mây xám xịt. Những mảng mây uống no nước đang lặc lè đè xuống lớp không khí trên mặt đất làm cho cảnh vật như lùn đi, bè ra và lòng người thấy nặng nề hơn, ảo não hơn. Lão lắc lư cất từng bước. Ai vội gì thì vội, chứ lão ấy à. Lão chẳng có gì để mà vội. Bất chợt lão ngồi thụp xuống, chăm chú lấy ngón tay gạt mấy chiếc lá vàng rụng đã lâu, dầm nước mưa từ mấy ngày trước để nhặt một vật gì nho nhỏ, dẹt dẹt, tròn tròn. Lão đặt vật đó vào lòng bàn tay và thận trọng dùng ngón tay cái của bàn tay kia miết nhẹ lên bề mặt nó. Lão vui hẳn lên. Mép lão khẽ héch lên nụ cười thoả mãn. Lão nắm chặt lấy nó và lại thận trọng dút cả bàn tay vào túi áo khoác đã sờn rách.

"Hà, hà! Đồng xu thứ 527 đây rồi. Sao người ở đây phí phạm thế nhỉ?" Lão lại bắt đầu lẩm bẩm.

"Họ vất những đồng xu đi không hề thương tiếc. Họ làm như họ hào phóng lắm. Họ sỉ diện hão. Họ tỏ vẻ hào phóng trước mặt nhau. Nhưng sau lưng, họ lại tìm mọi cách để bới xấu nhau. Không khéo những đồng một xu chẳng là những điều xấu xa, nếu kẻ nào trong số họ cứ khư khư giữ chúng. Phải vất chúng đi. Thật là xấu hổ, khi mua bán mà cứ phải chia ra những đồng xu đỏ ối ấy để đếm trả cho nhân viên bán hàng. Chẳng may bắt gặp người quen, chỉ có nước chui xuống đất. Họ không muốn mang tiếng là đồ kiết xác."

Lão dừng lại để ho khùng khục, khạc thật mạnh. Một búng đờm từ trong cổ họng lão bay ra, dính bệt ngay xuống mặt đất. Lão khẽ lắc đầu và nối tiếp câu chuyện lão đang tâm sự dở.

"Đó là một lũ ngu, lũ ấy chẳng hiểu gì sất. Đồng một xu tuy nhỏ nhoi, xấu xí. Nhưng giá trị của nó là giữ được sự nguyên vẹn của những đồng tiền khác. Không có nó, sự nguyên vẹn kia bị phá vỡ tan tác. Hềm... ví dụ à ? Được, này nhé. Khi ta mua một món hàng, trị giá món hàng đó là một đô và một xu. Nếu ta có sẵn trong túi một xu thì ta không phải phá lẻ đồng một đô khác, hoặc hai đô, năm đô v.v...thậm chí một trăm đô. Thấy chưa? đơn giản như vậy đấy." Lão khoái quá cười hưng hức. Kể cả lúc cười lão cũng không ngẩng đầu lên. Người lão chỉ đung đưa mạnh hơn.

"Ấy, tin hay không thì tùy. Ta nói cho biết thêm một điều này nữa nhé. Những đồng một xu không chỉ giữ sự nguyên vẹn những đồng tiền đô, mà giá trị của nó còn có thể bảo vệ sự nguyên vẹn một nền văn hoá hay, một đạo đức tốt, một thuần phong mỹ tục của một dân tộc." Nói đến đây, lão chợt dừng lại, trầm ngâm. Đôi mắt lão vẫn lên những tia buồn xa xăm. Lão thở dài. "Nó còn bảo vệ sự nguyên vẹn của một mái ấm gia đình nữa." Lão thì thầm như rên rĩ.

Năm 1934, Tôn Yên được sinh ra trong một gia đình còn mang nặng nề nếp nho giáo ở làng Vân vùng Kinh Bắc. Bố anh là một người có vốn nho học cơ bản, đồng thời ông có bằng trung học Pháp Việt. Ông từng làm thầy ký cho một cơ sở buôn bán lâm thổ sản ở phủ Từ Sơn. Ông rất có cảm tình với những người Việt minh chống Pháp. Ông ngầm ngầm hoạt động cho họ. Không bao lâu, ông bị Pháp bắt. Sau đó chúng thả ông ra vì không có đủ chứng cứ để buộc tội ông. Cũng từ đây ông bị mất việc. Trở về quê sống với vợ con, ông trở thành một người thất chí. Nhà ông thuộc loại trung lưu ở nông thôn, có vài mẫu ruộng cho tá điền trong làng cày cấy mướn. Mẹ Tôn Yên là một người đàn bà không hề biết việc đồng áng.

Từ ngày chồng thất nghiệp, bà tần tảo chạy chợ từ sáng đến chiều tối mới về đến nhà. Bà nấu chè, đồ xôi, gói ít bánh giò đem ra chợ bán. Bà thương yêu

chồng con rất mực. Bà chỉ cần nhìn vào đôi mắt của chồng là bà thấu hiểu nỗi băn khoăn, day dứt của người đàn ông thất chí. Bà thường an ủi ông bằng những cử chỉ âu yếm, nhẹ nhàng mà tha thiết. Bà rất tần tiện. Thời bấy giờ một hào chỉ cũng đã là to. Bà chạy chợ cả ngày may lắm cũng lời được một hào.

Những đồng hào, xu được buộc thật kỹ trong cái bao tượng quấn chặt quanh bụng bà. Chiều nào cũng vậy, khi đã bán hết hàng, bà cẩn thận lần cỏi bao tượng để nhặt vài đồng xu, tính mua cho ông một chai rượu nhỏ được nút bằng lá chuối khô (rượu làng Vân có tiếng là ngon), vài bìa đậu phụ rán vàng, hoặc có hôm là một gói lòng lợn, gan lợn luộc. Bà cũng không quên mua mấy cái bánh đa vùng ròn tan, vài cái kẹo lạc, kẹo vùng cho lũ trẻ. Bà thận trọng treo chai rượu ở đầu đòn gánh, xếp món nhắm của chồng, quả bánh của con vào cái thúng không. Niềm vui của bà nhẹ nhàng mà lớn lắm. Bà lằng lằng, xốn xang theo từng nhịp bước, tưởng tượng lũ trẻ ùa ra đầu ngõ đón bà ồn ào, náo nức. Chúng hí hửng biết bao khi nhận phần quà từ tay bà. Chúng nháy tung tăng, đem quả khoe nhau, dú nhau, rồi cãi nhau ỏm tỏi, chí choé. Còn chồng bà sẽ tủm tủm cười, mắt hấp háy khi nhìn thấy chai rượu toong teng ở đầu đòn gánh. Bà nhìn thấy rõ sự thích thú của ông khi ngòi vào mâm cơm, tay cầm chai rượu một cách trịnh trọng, khe khẽ rót vào cái chén con, không để rơi ra một giọt nào. Ông tộp một hớp nhỏ, rồi khà một tiếng khoái trá. Tay nhẹ nâng đôi đũa, gắp một miếng lòng lợn hoặc gan lợn, có lúc là miếng đậu rán chấm mắm, ông từ từ đưa lên miệng nhai khê khàng, từ tốn để thưởng thức hết cái ngon, bùi, ngọt của nó. Ông vừa nhắm, vừa ăn và vừa nhìn bà trìu mến. Bao nhiêu cực nhọc ban ngày tiêu tan hết, bà thực sự sung sướng trong cái giản đơn mà sâu đậm tình nghĩa vợ chồng, cha mẹ và con cái.

Tôn Yên có người chị cả, hai anh trai và cô em út. Gia đình anh tuy không giàu, nhưng bố mẹ anh lo cho con cái đều được học hành.

Hạnh phúc đơn sơ, nhỏ nhoi đó tưởng như sẽ được lâu dài. Cho đến một ngày đầu đông năm 1942, bố anh đi biệt tích. Hai năm sau, có người đưa tin rằng bố anh đã chết bởi bệnh sốt rét rừng sau nhiều ngày lặn lội hoạt động chống Pháp cùng với các đồng chí Việt minh của ông. Mẹ anh quá đau đớn, khóc không thành tiếng, không đêm nào bà có thể chợp mắt được. Nhưng bà không muốn các con bà nhìn thấy nỗi đau tột cùng của bà. Bà vẫn dậy rất sớm như thường lệ, sắp xếp hàng vào hai chiếc thúng, lặng lẽ đẩy cửa bước ra khỏi nhà khi màn đêm vẫn còn phủ kín xóm nhỏ. Những cái bánh đa, kẹo lạc, kẹo vùng vẫn được bà mua về cho các con. Năm anh chị em Tôn Yên vẫn cắp sách đến trường hàng ngày. Họ lớn lên trong sự biến động của đất nước. Tháng tám 1945, cách mạng tháng tám bùng nổ. Chị và hai anh của Tôn Yên bỏ học, theo tiếng gọi của Việt minh. Họ tham gia đoàn thanh thiếu niên



cứu quốc. Đầu năm 1946 hai người anh gia nhập vệ quốc đoàn rồi Nam tiến. Tôn Yên và em gái ở nhà với mẹ, vẫn chịu khó học hành. Anh rất thông minh học giỏi, luôn đứng đầu lớp. Hết bậc tiểu học, anh được mẹ gửi ra Hà nội học. Năm 1953 anh tốt nghiệp trung học Pháp Việt ở Hà nội. Chính năm đó, phong trào cải cách ruộng đất xảy ra khốc liệt tại quê anh. Mẹ anh vì vài mẫu ruộng mà trở thành địa chủ bóc lột. Tá điền lôi bà ra giữa đình làng đấu tố. Nhưng điều đau đớn nhất cho bà là người con gái lớn của bà chỉ vào mặt bà nhiếc móc, chửi bới thậm tệ. Đứa con gái ấy đã từ bỏ tình mẫu tử, không nhận bà là mẹ của nó nữa. Quá uất, bà lâm bệnh. Mấy tuần sau bà mất, để lại đứa con gái út không nơi nương tựa. Tôn Yên được tin dữ, anh như điên như dại. Anh lồng lên muốn lao về ngay quê. Mấy người bạn thân của anh phải vất vả lắm mới giữ được anh lại. Bởi vì lúc bấy giờ, đường về quê anh rất nguy hiểm. Thời gian hồ hững trôi, Tôn Yên thương em mà không làm sao được. Anh làm gia sư cho một số gia đình giàu để kiếm sống. Tháng mười 1954, quân đội Việt minh tiếp quản Hà nội. Anh vội vàng trở lại làng Vân đón ngay em gái về Hà nội. Tiền anh kiếm được bằng nghề dạy học tư không đủ hai anh em sống. Không lâu sau, em gái anh cũng kiếm được một chân con sen trong một gia đình khá giả. Đầu năm 1955, gia đình kia dọn xuống Hải phòng, em gái anh theo họ. Mấy tháng sau anh nghe tin em anh di cư vào Nam cùng với gia đình đó. Nỗi buồn lại gậm nhấm tim anh. Anh trở thành một con người trầm lặng, tránh gặp bạn bè. Hoặc có gặp, anh cũng rất ít thổ lộ riêng tư. Đến năm 1957, anh được tuyển vào khoa lý trường đại học Tổng hợp Hà nội.

Mấy năm đầu mới tiếp quản thủ đô, chính phủ Việt minh không đủ con em thành phần công nông cốt cán tốt nghiệp trung học phổ thông. Bởi vậy ban tuyển sinh mới phải mớ tới con em thành phần tư sản dân tộc, địa chủ yêu nước vào học ở các trường đại học chuyên nghiệp. Tôn Yên có hai người anh hi sinh ở chiến trường Nam bộ, bố anh lại là người theo Việt minh hoạt động chống Pháp trước kia. Bởi vậy anh được tuyển vào đại học là một điều không lấy gì ngạc nhiên lắm. Trong năm năm học, anh tỏ ra là một sinh viên xuất sắc. Tính anh hiền lành nên được thầy yêu, bạn mến.

Đời sinh viên quá nghèo, tiền trợ cấp học bổng không đủ ăn, chứ đừng nói đến tiền thuốc men khi đau yếu. Cho nên ốm đau là tối kỵ. Không may cho anh, một lần anh bị viêm bàng quang, bác sĩ cho biết anh phải tiêm thuốc kháng sinh. Nhưng tiền đâu, thuốc lại quá đắt. Từ phòng khám bệnh đi ra, anh rầu rĩ ôm bụng. Chợt mắt anh sáng lên khi nhìn thấy người chị cả của anh sánh vai cùng một người đàn ông mặc quân phục quân đội nhân dân Việt nam. Anh lớn tiếng gọi. Chị anh và người đàn ông quay đầu lại. Chị nhận ra anh, miễn cưỡng kéo theo người đàn ông đi về phía anh đang đứng chờ.

Chị giới thiệu người đàn ông với anh. Qua đây anh mới biết chị giờ là cán bộ phụ nữ huyện Từ Sơn. Còn người đàn ông là thiếu tá cục hậu cần, chồng chị. Khi biết anh nghĩ ý muốn vay ít tiền chữa bệnh, chị lạnh lùng nói lảng sang chuyện khác và kéo theo chồng vội vã từ biệt. Anh nhìn theo vừa ngạc nhiên, vừa xót xa cho thân phận mình. Năm 1962, anh tốt nghiệp loại ưu và được phân công tác về bộ môn vật lý thuộc cơ quan nghiên cứu khoa học nhà nước (sau này là viện Vật lý thuộc Ủy ban khoa học nhà nước). Trong quá trình công tác, anh là một nhân viên cần mẫn, giỏi chuyên môn.

Nhưng tên anh không bao giờ được nằm trong danh sách nghiên cứu sinh sang Liên xô học ở Viện hạt nhân nổi tiếng Đúpna. Sau này anh mới rõ nguyên nhân sâu xa là lý lịch của anh không hề đề cập đến số phận của người em gái, một dấu hỏi đã được tô đậm trong hồ sơ cá nhân anh nằm ở bộ công an. Là một nhà vật lý lý thuyết mà bị hạn chế trong lĩnh vực nghiên cứu vật lý hạt nhân, anh vô cùng thất vọng. Vì yêu nghề, anh vươn lên bằng cách tự nghiên cứu.

Chuyên đề anh đặt ra là "lực hấp dẫn giữa các hạt cơ bản trong hạt nhân nguyên tử". Và anh đã trở thành tác giả của một phương trình tích phân mười lăm lớp. Anh mừng rỡ. Nhưng công trình của anh bị lãnh đạo và đồng nghiệp vất xó và lãng quên dần. Quá chán nản, anh buộc phải gửi đăng trên một tạp chí nguyên tử của Liên xô. Mấy tháng sau ở Liên xô, người ta biết đến anh như một giáo sư Việt nam giỏi về ngành vật lý nguyên tử. Trở trêu thay, vì bài báo khoa học ấy, anh đã bị phê bình kỷ luật vì đã tiết lộ tài liệu khoa học bí mật của nhà nước. Anh bị thải hồi khỏi viện Vật lý và chuyển công tác về giảng dạy vật lý ở trường đại học tại chức Hải phòng. Mười năm sau, anh kết hôn với một cô giáo trẻ cùng trường. Họ có với nhau một đứa con trai kháu khỉnh. Hạnh phúc đến với anh to lớn quá sức tưởng tượng và mong ước của anh làm cho anh choáng ngợp. Anh tạm quên sự bất công mà xã hội dành cho anh trong một thời gian dài. Tháng tư năm 1975 chiến tranh kết thúc, đất nước thống nhất. Anh xin phép nhà trường và chính quyền địa phương vào miền Nam để tìm gặp lại người em gái sau nhiều năm xa cách. Đơn xin của anh bị họ khước từ. Vì lòng thương nhớ em, anh đi vào Nam bằng giấy tờ giả. Đất lạ, người lạ, địa chỉ của em gái do anh nghe mong manh mà có, cho nên không chính xác. Mấy tháng trời lang thang nơi phù hoa đô hội, số tiền dành dụm bao năm anh tiêu hết mà tin em gái vẫn biệt tăm. May mắn anh gặp lại người bạn cũ thời ở Hà nội trước năm Việt minh tiếp quản thủ đô. Người bạn cũng không biết gì về em gái anh, nhưng ít ra anh ta cũng giúp anh một số tiền khá để anh trở về Bắc. Về đến nhà, anh mới biết nhà trường đã thi hành kỷ luật vắng mặt anh về tội trốn vào Nam mà không được phép của chính

quyền và nhà trường. Anh bị đuổi việc. Kinh tế gia đình trở nên túng quẫn, đồng lương ít ỏi của vợ không đáng sống nổi sinh hoạt hàng ngày. Anh quyết định dùng số tiền bạn giúp còn lại để vào Nam mua hàng ra Bắc bán, đồng thời có cơ hội tìm em gái. Được vài chuyến thu nhập cũng khá. Những đợt bỏ nước ra đi bắt đầu được tổ chức vào năm 1978 ở Nam, và người Hoa ở Bắc ò ạt về Trung quốc vì sự hục hặc chính trị giữa hai nước Việt nam, Trung quốc. Một số người Hoa trong Nam tìm đường ra Bắc để vượt biên qua ngả Trung hoa. Được sự ủy thác của bạn cũ trong Nam, Tôn Yên dẫn đường một số người Hoa ra Bắc. Việc làm này trót lọt và anh được trả công xứng đáng. Nhưng đợt chuyển người ra Bắc kế tiếp anh bị bắt. Bạn anh chạy chọt, hối lộ để bảo lãnh anh ra. Nhân cơ hội này, anh trốn về Bắc. Đầu năm 1979 chiến tranh biên giới Hoa-Việt bùng nổ, người Hoa ở Bắc cũng như Nam ùn ùn ra biển. Ở Bắc họ đi sang Hương cảng, ở Nam họ đi tới Thái lan, Mã lai, Nam dương, Tân gia ba. Nhân cơ hội này, anh mang theo vợ con vượt biển tới Hương cảng. Cuối năm 1979, gia đình anh được định cư ở thành phố Vancouver Canada. Anh đã tìm thấy tự do ở một đất nước tươi đẹp, đây ấp nhân đạo, cư mang gia đình anh và rất nhiều gia đình Việt nam khác. Anh tâm niệm sẽ mang hết khả năng, vốn học thức về vật lý lý thuyết của mình cống hiến cho mảnh đất lành, chim đậu này. Anh miệt mài trau dồi Anh ngữ với tấm lòng hồ hởi. Khi Anh văn đã khá, anh tự tin vào sức mình, lao đi tìm về với ước mơ ngày ngất. Nhưng hình như ở đây, không ai quan tâm đến bầu nhiệt huyết của Tôn Yên cả. Họ thờ ơ với kiến thức của anh đến kỳ lạ.

Lão miên man nhớ lại quãng đời thăng trầm xưa mà quên mất lão đã vòng đi vòng lại cái phố nhỏ này biết bao nhiêu lần. Lão lại thở dài thườn thượt, con người lão như teo tóp hơn một chút, dáng đi của lão như lệch lạc hơn, khuôn mặt lão như méo mó hơn, dị dạng khó coi hơn. Cuốn phim đời lão vẫn cứ chạy rền rẹt trong hộp sọ lão.

Trong lúc Tôn Yên đang chán cho cái sự đời, một vị người Canada gốc Anh quốc là một thành viên trong nhóm bảo trợ gia đình anh, giới thiệu anh với một vị giáo sư vật lý của trường đại học UBC.

Trao đổi với anh vài giờ, vị giáo sư nhìn nhận học thức uyên bác của anh và ông ngỏ ý muốn anh giúp việc cho ông ở phòng thí nghiệm vật lý của trường. Anh mừng lắm. Đã có cái điểm khởi đầu, sau này chắc cũng ổn thôi, chịu khó nghiên cứu thêm để bắt kịp kiến thức hiện đại. Thế là anh đã có việc làm, tuy không đúng nghề lắm, nhưng ít ra cũng là một cơ hội, đồng thời gia đình anh đang cần tiền để sinh sống. Vừa làm, anh vừa tranh thủ thời gian rồi đến thư viện nhà trường đọc thêm sách. Lúc nào anh cũng có một quyển sổ tay bên người, chi chút những phương trình toán học hình cổ ngỗng. Lương

nhà trường trả anh cũng khá. Cuộc sống gia đình đã ổn định. Hàng xóm tây, tàu mừng thay cho gia đình anh. Một số người Việt định cư quanh đấy cũng vui vẻ chúc tụng anh. Họ quý mến lẫn cảm phục anh nữa. Hai năm trôi qua thật nhanh. Anh bổ sung thêm vào chuyên đề anh đã từng theo đuổi ở Việt nam. Anh viết công trình đó bằng vốn Anh ngữ của mình. Anh say mê đến độ có thể nổi cuồng lên mỗi khi anh phát hiện ra một điều mới mẻ, lý thú đến cùng cực. Anh hãnh diện trao bản thuyết minh công trình vào tận tay vị giáo sư khả kính. Thương thay cho một tài năng đất Việt, một con chiên ngoan đạo của một tôn giáo vật lý lý thuyết, anh đâu có thể ngờ rằng công trình đầy khát vọng của anh vĩnh viễn nằm trong góc tối nào đó và mục nát dần trong tầng hầm của ngôi nhà bề thế. Chị vợ trẻ của anh giờ trở nên vênh váo với mọi người xung quanh. Chị khẳng định vị trí của chồng chị hiện nay là một trong những nhà vật lý lý thuyết hàng đầu của hoàn vũ. Vợ anh đang kiêu căng trên nỗi đau của một nhân viên chuyên xếp đặt những thiết bị thí nghiệm vật lý cho sinh viên thực tập ở một trường đại học. Anh đã hiểu anh đang là một kẻ hoàn toàn thất bại. Nhưng anh chuyển hy vọng theo một ngã khác. Anh lao động cần cù hơn nữa, cuộc sống giản dị hơn nữa. Anh chất chiu dành dụm cho tương lai của đứa con trai. Đối với anh, kể cả những đồng xu nhỏ nhất cũng sẽ rất tuyệt vời khi chúng biết đóng góp vào cái tương mục mà anh đã dành riêng cho con. Vâng, thằng nhỏ, cái thằng Ân ấy mà, nó cực kỳ thông minh, nhất định nó sẽ là một con người xuất chúng. Nó sẽ đạt được niềm vinh quang mà cả một đời bố nó say mê kiếm tìm mà không bao giờ có. Anh thâm nhủ như vậy.

Vì thái độ vênh vênh của vợ anh, nên có hai người đồng hương với anh đã ghét cay ghét đắng và đố kỵ anh. Họ chỉ là những người thợ bình dị với kiến thức khiêm nhường. Họ chẳng cần biết vật lý lý thuyết với cái gọi là lực hấp dẫn giữa các hạt cơ bản trong hạt nhân nguyên tử là quái gì. Họ cũng chẳng để tâm vào ý nghĩa của những phép tính vi phân, tích phân loằng ngoằng cổ ngỗng. Họ chỉ biết định giá kiến thức bằng tiền lương. Khi đồng lương của anh cao hơn họ, họ ngấm ngấm ganh đua. Họ sẵn sàng làm đến hai phần việc trong một ngày. Họ thường thì thầm với nhau và không quên lườm sang nhà anh bằng những con mắt ngái ngủ ngầu đỏ.

Thêm hai năm nữa ở xứ người. Một ngày đầu hạ. Từ trường, anh trở về nhà với vẻ mặt ủ rũ để báo cho vợ con hay anh đã thất nghiệp.

Về mặt thất thần, chị vợ lặng tâm trong vài phút, rồi như một người phát rồ, chị vừa khóc vừa lu loa "Anh là một thằng vô tích sự, bất tài, không bằng thằng thợ lắp ráp xe đạp, thằng làm nghề phân phối tạp chí khiêu dâm ở nhà bên kia". Anh ghen ngào cổ gắng giải thích cho chị hiểu sự cật giám ngân

sách chi tiêu của nhà trường dẫn đến việc cắt giảm nhân viên, và hậu quả của nó là anh khỏi phải đi làm bắt đầu từ tuần sau. Chị vợ gầm lên, chị chẳng cần phải hiểu chuyện đó. Chị chỉ cần biết lấy tiền ở đâu ra để thanh toán cho thầy dạy khiêu vũ và vài cái bill trả visa card, master card cho đợt sắm nước hoa, phấn son tháng trước. Thì ra bao lâu nay, người vợ yêu quý của anh đang ném tiền vào chỗ ăn chơi của đám người chưa là trưởng giả đã học làm sang. Đám người ấy luôn đam mê ở những tiệc tùng thâu đêm suốt sáng. Họ cuồn cuộn quay trong những buổi dạ vũ thác loạn. Trẻ chẳng nói làm gì, ngay cả những lão chết vợ, những mù mắt chồng đều ở tuổi làm ông bà nội ngoại mà vẫn cặp kè diu dặt, ngoáy mộng, uốn éo cho chán rồi ôm nhau ngủ, bất kể lũ con cháu đang giương mắt ếch nhìn. Họ chạy theo những món tiền to, coi khinh những đồng tiền bé nhỏ. Dù chúng cũng là kết quả được tạo bởi mồ hôi, nước mắt của chính họ hay của người khác. Để chứng tỏ cho nhau biết mình là kẻ lăm bạc nhiều tiền, họ vất những đồng xu đi không hề suy nghĩ. Họ còn đem hàng vốc xu thì nhau ném vào mấy cái bể nước ở những công trình công cộng để cầu phúc đức. Ai ném nhiều thì phúc đức nhiều. Xung quanh nhà họ, ngay nơi cổng rãnh ngoài đường, người ta cũng có thể dễ dàng nhặt được vài đồng xu bị thất sủng một cách oan uổng.

Trái đất như vỡ làm đôi. Bao tố số phận ầm ầm đổ tới, xé nát con thuyền đời Tôn Yên ra từng mảnh. Anh chệnh chao, ngắc ngứ, vật vã, chơi vơi, hươu đôi bàn tay khẳng khiu, cố gắng tìm một chỗ để bám víu. Anh hụt hẫng, xung quanh anh là chỗ không cùng. Chợt hình ảnh người mẹ hiền đang lần giở cái bao tượng để tìm vài đồng xu mua quà bánh cho chồng con, hiện rõ trước mắt Tôn Yên. Anh chạy nhanh về phía bà và cất tiếng gọi "Mẹ ơi!". Người mẹ buồn rầu, lặng lẽ nhìn anh không nói. Tay bà cầm chiếc bánh da vùng đưa cho anh. Chiếc bánh da vỡ tan bởi những đồng xu do ai ném tới, tiếng cười ré lên diên đại. Bà giật mình vội vàng biến mất. Anh hốt hoảng lao về phía trước và anh ngã khụy xuống. Lúc Tôn Yên tỉnh lại, anh nhận thấy mình đang nằm ở bệnh viện. Bác sĩ cho anh biết anh chớm bị bệnh tim và thần kinh suy nhược. Anh nằm bệnh viện hai ngày. Trong hai ngày đó, vợ con anh không hề đến thăm anh. Anh buồn tủi cho số phận mình. Khi xuất viện, anh nhìn quanh quất, chẳng một ai đến đón anh cả. Anh tấp tễnh mò ra bến xe buýt. Về đến nhà, anh ngơ ngác chưa kịp hiểu chuyện gì đã xảy ra. Trước mắt anh là căn nhà trống huếch, trống hoác. Cái tivi, cái video đã biến mất, cái tủ quần áo bị lục tung. Quần áo của anh bị vất bừa bãi. Còn quần áo của vợ con, đồ trang sức của cô ấy và quyển sổ ngân hàng mang tên con anh thì không cánh mà bay. Sau vài phút, anh chợt hiểu tất cả. Anh thực sự đã ngã ngựa rồi. Anh không còn đủ sức leo lên lưng ngựa nữa. Anh nhận rõ mình đã già. Tuổi già đến với

anh lúc nào mà anh không hay."Không!Không!Minh phải tìm con về,mình không thể mất niềm an ủi,niềm hy vọng duy nhất,mình vẫn phải lo cho tương lai nó kia mà". Anh chạy như ma đuổi trên đường phố. Hai người láng giềng đồng hương hếch mũi lên,khinh khỉnh nhìn theo anh và họ nhún vai.

Mười mấy năm qua,kể từ ngày bất hạnh đó,cuốn phim đời lão được chiếu đi chiếu lại không biết bao nhiêu lần với một khán giả duy nhất là lão. Nhưng cứ đến đoạn này là lão không thể thưởng thức tiếp,bởi hai mắt lão đã nhòa lệ.Lão đang khóc cho nhân vật Tôn Yên,cho những con người chưa đánh mất hình ảnh người mẹ như người mẹ làng Vân vùng Kinh bắc ấy.Lão lút cút đi không ra đi, lết không ra lết.Ở tuổi sáu lăm mà tóc lão bạc trắng cả.Tóc lão bạc nhanh chắc có lẽ cũng bởi người đời đổ lên đầu lão tất cả sự bạc bẽo mà họ có.Một chiếc lá vàng quăn queo,khô khốc rơi xuống tóc lão.Không biết đây có phải là chiếc lá cuối cùng không?Nó chắc đã vàng từ lâu,nhưng cứ cố bám vào cái cành khẳng khô để luyến tiếc một thời.Hôm nay không hiểu sao lão đi lâu hơn mọi bữa.lần thần thể nào mà lão bước ra đến tận đường phố lớn, nơi mà hơn một năm nay,lão hầu như chưa đặt chân đến.Ở ngay cái góc ngã tư bên kia đường,có một liên siêu thị nho nhỏ với một hiệu ăn, một hiệu uốn tóc,một hiệu tạp hoá và một cửa hàng rau quả.Nhưng tất cả đối với lão,chúng chẳng là cái gì hết.Vì lão có ngẩng đầu lên đầu mà nhìn cơ chứ.

" Ha!Ha!lại một đồng xu nữa kìa.Đồng thứ bao nhiêu rồi nhỉ?quên mất rồi.Lại phải đếm từ đầu.Ồ...ờ đồng thứ nhất."Lão khoái quá, cười ngất.Lần này lão ngẩng mặt lên mà cười.Chợt tiếng cười của lão tắt lịm ngay ở cuống họng.Đồng xu quý hóa của lão tuột khỏi tay lão,lăn thẳng ra giữa đường cái.Sau một phút đứng ngây như trời trồng,lão lao theo đồng xu,hướng về phía người đàn bà đi cùng một thanh niên cỡ ngoài hai mươi tuổi ở phía bên kia đường.

" Đúng rồi.Đúng cô ấy rồi.Vậy thằng kia là thằng Ân rồi.Trời ơi!

Ân ơi!Con ơi!...ơ!" Lão gào lên như con chó già mắc cơn hen.

Một tiếng rít kết lên khùng khiếp.Chiếc xe hơi chạy tốc độ nhanh đang cố gắng phanh gấp lại,nhưng nó vẫn trườn tới.Mùi nhựa đường cháy bốc lên khét lẹt.

Lão Tôn Yên nằm sấp bất động,đầy máu.Hai cánh tay lão đang vươn tới phía trước như cố nắm bắt ai đó.Một bàn tay thâm đen với năm ngón tay co quắp của lão chạm vào đồng một xu nâu xỉn dính máu,ngay giữa tim đường.Tiếng còi xe cứu thương oe oé từ xa vọng tới

□

TÁC PHẨM TRONG NƯỚC

SÔNG LẤP

□ Truyện ngắn của NGUYỄN BẢN

Mã rẽ vào thăm con. Bé Lưu cũng ngả vào lòng bố. Nhưng nó vẫn gọi bằng chú, thói quen từ khi biết nói, mặc dầu tôi vẫn mắng nó, hôm nay vẫn mắng:

- Bố đẻ của con, con phải gọi bằng bố!

Con bé oà khóc, vùng chạy úp mặt vào cánh cửa. Tôi nao lòng.

Nghe anh nói, tôi càng nao lòng. Người tôi nổi gai. Tôi cũng vẫn thế, hông đổi được ư? Mỗi tình đầu tôi đã liệm và mai táng nó. Tôi đã đoạn tang. Cũng đã hết cả lòng căm giận. Có thật tôi đã nguội lạnh rồi không?

- Anh dỗ nó đi, em đi giặt.

Thực ra tôi chạy trốn. Tôi chỉ tìm nỗi nước mắt ra tới bờ sông.

Con sông trôi bao kỷ niệm êm đềm, cũng là con sông mấy lần tôi định đâm đầu xuống, sau những lần nghỉ phép, vay phép, lách thếch bé con xuống Hải Phòng, rồi lại lách thếch bé con về, mỗi lần một cay đắng hơn.

Tôi vẫn nghĩ lái xe máy ai không bò bịch, nhưng rồi sẽ chán, vì chẳng có ai có thể yêu Mãi bằng mình. Năm năm chờ đợi, lúc Mãi còn tại ngũ ở Tây Nam, đi làm, dành được đồng nào, lại vào thăm cho đỡ nhớ nhung. Bố tôi chửi bảo Mãi mắt trắng, môi thâm, không tin được. Tôi lại thấy mắt đen, môi đỏ.

- Con chỉ cần sống với anh ấy một ngày, cũng sướng một đời!

Ô hay, cầu một ngày, được những hai năm, cho tới khi bé Lưu bập bẹ, còn khóc nỗi gì.

Đoan lau nước mắt cho tôi. Đoan cũng lính biên giới, nhưng phía Bắc về, thợ điện cơ quan. Được, đã thế, đây cũng bò bịch. Tôi nghĩ vậy, bất cần đời, đơn giản, vì Đoan trai tân, kém tôi hai tuổi, thiếu gì gái mười chín, đôi mươi. Trước đó, vẫn mày tao. "Đoan, chữa cho tao cái cầu dao". "Ăn kem, chị cho một cái". "Xi, chị tao á?"...và Đoan cười, hàm răng đều nhỏ, có lẽ đến già trông vẫn trẻ con. Ngờ đâu, Đoan yêu tôi thật, yêu bằng mắt và tình yêu bé Lưu. Con bé suốt ngày quấn lấy Đoan. Dư luận âm ỉ, trai tơ, gái nạ dòng, chồng bỏ rơi. Ông phó giám đốc, chú ruột Đoan, lộn ruột, tát vào mặt cháu ngay tại phòng tôi. Bé Lưu ôm chân Đoan nức nở.

Tôi càng rối bời, khi mẹ chồng lên khuyên tôi nghỉ không lương mấy tháng, xuống Hải Phòng dọn hàng giải khát, nhà bà mặt đường, bên sông Lấp, gần nhau, mọi chuyện sẽ êm dần.

Nhưng hai tháng, sáu mươi đêm, đêm nào cũng giống đêm nào, một hai giờ sáng, Mão mới về, hơi bia nồng nặc, dội nước ồm ồm, rồi vào nằm cạnh tôi, như con trâu mộng bên cái xác ve, quay mặt, ngáy liên một mạch tới sáng.

Ô giá một đêm, Mão thức giấc, nắm bàn tay tôi (bàn tay thôi), tôi sẽ òa khóc:

- Tắm nữa đi, tắm bằng nước mắt của em cho tỉnh lại, cái đồ lú lẫn, cái đồ phụ bạc mắt trắng môi thâm.

Mão nói toẹt ra đã yêu người khác:

- Sự thể như thế, ở được với nhau thì ở.

- Em không thể ở như thế được.

Vậy làm đơn đi, anh ký.

Đơn viết bằng nước mắt, nước mắt nuốt vào quánh đen thành mực, cần gì Mão ký.

Đoan không giận tôi:

- Thôi cứ thế cho hết nhẽ, có điều mấy tháng anh nhớ con bé quá.

Đơn mình tôi ký, trở thành bên nguyên.

Hai năm bướm hoa đã chán, Mão đến chỗ tôi nhiều lần, tha thiết chuộc lại lỗi lầm.

- Nhưng thiếu bố Đoan, con bé buồn chết mất!

- Con anh, chỉ anh mới là bố nó.

Vậy anh thử xem, em sợ nay mới là bố thì hơi muộn.

Và chiều nay, Mão thử. Bé Lưu khóc. Mão rầu rĩ:

- Thôi cứ để nó gọi anh bằng chú, còn hơn bằng bố mà quay mặt đi sùi sụt thế kia.

Tôi lại rơi nước mắt ở bờ sông.

Tối, nằm bên Đoan, tôi hỏi:

- Sông có linh hồn không anh?

- Có chứ.

- Khi nó bị lấp, hồn nó còn không?

Trời ơi, sao mãi tôi vẫn chưa yêu Đoan bằng trước đây yêu Mão, mặc dầu tôi đã cố rất nhiều.

Đừng giận em, nhé. Có phải em không muốn yêu anh gấp mấy thế đâu.

Tôi đã cùng Đoan bơi trên dòng sông khác.

Thế mà chiều nay nước mắt vẫn rơi. Có phải những giọt cuối cùng của con sông xưa đã thành sông Lấp hay không?

Hôn mày đấy ư, sông Lấp ơi!

NB



TÀU ĐI HÒN GAI

□ Truyện ngắn của NGUYỄN QUANG THÂN

Tàu của những người nghèo.

Những tâm trạng và nỗi buồn không có cách gột bỏ nào rẻ tiền và dễ dàng hơn là rải nó dọc một tuyến đường biển dài, khi tiếng xế-díp lục đục đẩy anh xê dịch chỉ bốn hải lý một giờ đi sâu mãi vào cái hư ảo Hạ Long.

Ngồi đối diện với tôi là người đàn ông luống tuổi, tóc bạc một cách cục cằn. Những đường nhăn không quy luật, khó đoán định kẻ lên bộ mặt xám đen vì nắng gió. Ông bảo ra Trà Cổ "tìm thằng con bất hiếu". Nó về xin ông chia gia tài để cấp vốn cho con vợ đi buôn hàng Trung Quốc. Ông từ chối. Nó đào trộm nền nhà cuốn sạch của ông số vàng dương lão. "Năm cây vàng của tôi chứ có ít ỏi gì" - Ông nói.

Bên cạnh tôi là một bà mù, đi với đứa con út đang ngủ gà, ngủ gật. Bà

còn trẻ, mắt mở to như mắt người sáng, nét mặt không một nếp nhăn và bình thản. Không thể tưởng tượng được đôi mắt ấy không còn nhận ra được ánh sáng và mặt biển chiều rực rỡ trên vịnh Hạ Long đối với bà chỉ là đêm tối mênh mông. Bà chăm chú nghe chuyện của chúng tôi theo cung cách và điệu bộ của người mù, sự chăm chú của toàn bộ cơ thể. Bà nói: "Thưa các ông, mỗi cây một hoa mới gọi là đời. Tôi xin kể các ông nghe một chuyện mắt thấy tai nghe từ thời tôi còn nhỏ... - Bà hướng về người đàn ông - Xin ông đừng buồn, thiên hạ còn có người bất hiếu hơn thằng con ông". Câu nói như an ủi được phần nào người cha đau khổ, ông nghiêng người ra phía trước, lắng nghe. Người đàn bà mù kể:

- Hồi lên mười, mắt tôi còn sáng. Căn nhà tôi có một bà cụ mù. Bà góa chồng lúc còn trẻ nhưng ở vậy nuôi con. Rồi bị một cơn thiên đầu thống thế là mù hẳn. Anh con trai cưới vợ. Cả xóm nghèo ai cũng có tiền mừng, mọi người tự đặt vào bàn tay bà cụ. Ở chỗ tôi những người sáng mắt cũng còn chật vật lắm mới kiếm được miếng ăn, huống gì bà. Cưới được nàng dâu tốt



Khách sạn Mini Hà Nội . ở Trĩ Cỏ?

Ảnh : Trịnh Đ.

nết, chắc đời bà đỡ khổ. Nhưng có ai ngờ anh con! Sau ngày anh có vợ, người ta đã xâm xì về anh những chuyện tày trời. Thế rồi một hôm, sang nhà con bạn chơi, tôi thấy nó đang cúi mũi vào một lỗ thủng trên vách đất, nhìn sang gian nhà của bà cụ mù. Nó vậy tôi lại. Các chú ông có biết tôi nhìn thấy chuyện gì không? Cả nhà bà cụ đang ngồi bên mâm cơm.

Trên mâm có một đĩa rau luộc, một đĩa thịt kho vàng. Bà cụ ngồi nhai cơm. Anh con trai đang bặm môi dùng hai chiếc đũa đẩy đĩa thịt về phía vợ. Còn chị con dâu, mặt đỏ bừng vì xấu hổ, chống lại chồng bằng cách lấy đũa đẩy cái đĩa sang phía mẹ chồng. Cả hai dằng co nhau trên cái mâm, trong im lặng. Chỉ còn nghe thấy tiếng nhai trệu trạo của bà mẹ. Lúc đó tôi nghĩ là bà không biết gì. Trước mắt bà chỉ là đêm tối, như trước mắt tôi bây giờ cũng chỉ là đêm tối... Cầu trời cho các chú ông đừng bao giờ phải nhìn thấy cái cảnh tôi nhìn thấy đó. Hai năm sau bà mẹ treo cổ tự vẫn ngay trong nhà, chị con dâu đẻ được một đứa con trai thì ôm con về nhà mẹ. Nhưng anh con trai lại làm ăn tấn tới, mua được nhà khác và dọn đi. Giờ đây, khi đã bị mù, tôi mới biết là mình đã nhầm. Người mù nhìn thấy mọi thứ trong bóng đêm!

Người đàn ông nấc lên một tiếng. Mặt ông tái xám đi trong nắng chiều. Tôi nghĩ là câu chuyện đau buồn kia đã chạm đến vết thương lòng của ông. Tôi đưa ông lọ dầu gió: "Bác khó ở?...". Ông xua tay rồi đứng dậy, bước tới phía mũi tàu. Đôi vai to bè oằn xuống trên tấm lưng mềm nhũn như không còn cột sống chống đỡ. Tôi bỗng nghĩ đến cái chết của bà mẹ mù làm tôi run cả người lên. Đàn ông cũng chẳng cứng rắn gì hơn đàn bà. Trên đường ra vịnh đã có bao nhiêu cuộc đời tìm cách tự giải thoát vào làn nước xanh thẳm này. Tôi quả quyết đứng dậy, đi theo người đàn ông. Ông đã ngồi xuống đồng dây chèo trên lỗ neo. Tôi bước lại gần, cố nghĩ cách làm ông khuây khỏa: "Ngày mai mới có tàu ra Trà Cổ. Nhà tôi ở gần núi Bài Thơ, nếu tiện xin mời bác...".

Người bạn đường nhìn tôi với đôi mắt biết ơn. Nhưng một khoảng trống mênh mông hiện ra trong mắt ông, trong cái nhìn mà tôi không thể nào mô tả nổi, một nỗi xót xa, ân hận hay thứ tình cảm gì gần như thể đang làm đôi đồng tử mắt ông to ra như ông đang hấp hối. Linh tính mách bảo tôi một điều: người đàn ông này phải nói câu gì đó với tôi hay với bất kỳ ai khác. Nếu không ông sẽ gục xuống. Tôi đã không nhầm. Ông nói:

- Cảm ơn ông. Nhưng tôi không ra Trà Cổ làm gì nữa. Tôi thế là đáng đời. Ông biết không, tôi đã nhận ra bà mù ấy. Bốn mươi năm trước bà ta là cô bé hàng xóm của hai mẹ con tôi



CÂY NHANG

□ Truyện ngắn của NGUYỄN NGỌC MỘC

Bé Ly nhìn anh nó, mặt xị ra, nước mắt rơm rớm chân mi:

- Em đói quá trời, sao cây nhang cháy hoài hồng tàn anh?

Cu Thắng nhìn em, nó cũng ứa nước mắt nhìn cây nhang vẫn đỏ lập lờ như con mắt đang giỡn với cái đói của anh em nó.

Hồi chiều, má nấu xôi đặt lên trang thờ rồi vội đi công chuyện, chỉ kịp dặn anh em nó coi nhà, lấy xôi, chuối xuống ăn, khỏi cơm nước gì. Bữa nay là sinh nhật ba nó. Đáng lẽ má cúng ngày ba bị tai nạn ô tô chết nhưng má thương ba, nên sinh nhật cũng thấp nhang để vong hồn ba đỡ tủi.

Hồi ba nó còn sống, mỗi lần nhà có giỗ, cúng cụ, ba đặt đồ cúng lên trang thờ, chấp tay nghiêm trang khấn rì rầm rồi thấp ba nén nhang. Hương thơm tỏa ngào ngạt, thêm mùi vị cho các món ăn. Ba nó dạy rằng cúng các cụ, khi nào tàn nhang là các cụ đã hưởng hương hoa, cho phép con cháu được ăn. Cu Thắng vẫn nhớ lời ba. Nó nhìn lên trang thờ, cây nhang vẫn lập lờ. Đói quá, nó rì rầm cầu cho cây nhang mau tàn.

Bé Ly nhìn mưa giăng kín trời, mếu máo:

- Mưa rồi, hồng biết má Thái có kịp về ăn xôi?

*

Trong căn phòng máy lạnh, má Thái cười rúc rích, nâng ly bia đầy tràn:

- Em uống ly này nữa thôi anh Sáu, em phải về coi hai đứa nhỏ ăn uống sao.

Sáu Hoàng mặt vẫn tái tái, dù đã uống mười lon "333".

Cục cụng yên tâm đi, hồi chiều đến đón em, anh thấy đĩa xôi tổ chẳng, lo chi hai đứa nhỏ đói. Trời mưa, tối nay chơi với anh tới mười giờ nghe cục.

Hai ly bia sủi bọt, tràn vào nhau...

*

Có tiếng chuột cắn nhau chí chóc trên trang thờ.

Cu Thắng và bé Ly gục đầu xuống ghế ngủ. Hai đứa không thể chờ tàn cây nhang để lấy xôi cúng xuống ăn. Má Thái quên dặn hai con, bà đã thấp nhang điện

□

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Đứa con của Đê-dirê



□ Truyện ngắn của CA TỐ CHÔ PIN (Mỹ)

Vào một ngày đẹp trời, Van-mông-đê đến La-bơ-ri thăm Đê-di-rê và cháu. Ý nghĩ về Đê-di-rê cùng với đứa con khiến bà mỉm cười vì dường như mới hôm qua chính Đê-di-rê còn bé hơn cả đứa trẻ. Một quý ông cưỡi ngựa qua cổng nhà Van-mông-đê đã nhìn thấy cô bé đang ngủ dưới bóng một cột đá lớn.

Cô bé tỉnh ngủ trên cánh tay ông và bắt đầu gọi "bô,bô!". Đó là hành động duy nhất mà cô có thể biểu thị vào lúc này. Một số người cho là cô bị lạc tới đây vì cô đang biết đi chập chững. Nhưng cũng có tin đồn là một toán người Tê-xăng cố ý để cô lại. Giờ thì đã quá muộn. Đoàn xe ngựa phủ vải bạt của chúng đã qua phà do Cơ-tơn Mai-sơ quản lý ở phía bên dưới đôn điền. Khi bà Van-mông-đê thôi không suy đoán nữa thì quý ông đó thấy bà không có con đã gửi Đê-di-rê đến cho bà nuôi nấng theo ý Chúa. Cô bé lớn lên xinh đẹp, duyên dáng, trù mển và chân thật. Cô trở thành thần tượng của gia đình Van-mông-đê.

Một hôm, Ác-man-dơ Ô-bic-ni cưỡi ngựa qua nhìn thấy Đê-di-rê đang đứng dựa cột đá mà cách đây 18 năm cô đã ngủ ngon lành dưới bóng của nó, và chàng đã yêu nàng. Chẳng có gì ngạc nhiên. Đó là thứ tình yêu sét đánh theo kiểu của mọi người trong gia đình Ô-bic-ni. Điều bất khoản là trước kia chàng không yêu nàng. Ác-man-dơ biết cô bé từ ngày chàng được cha đưa từ Pa-ri về nhà sau khi mẹ chàng chết ở đó. Bấy giờ chàng là cậu bé tám tuổi. Ngay giây phút nhìn thấy nàng ở cổng, niềm đam mê trời dấy trong chàng lan ra như một trận tuyết lở, hoặc ví như một đồng cỏ bị đốt cháy, hay như thể con thiêu thân lao thẳng vào ngọn lửa.

Ngài Van-mông-đê là một người thực tế. Ông muốn mọi việc được cân nhắc một cách kỹ càng. Ông nói về nguồn gốc không rõ ràng của Đê-di-rê. Ác-man-dơ nhìn vào mắt nàng và không quan tâm đến điều đó. Chàng được nhắc nhở rằng nàng không có họ. Không có vấn đề gì một khi chàng có thể cho nàng mang một cái họ lâu đời nhất, kiêu hãnh nhất ở bang Lui-dia-nơ. Chàng đặt quà cưới từ Pa-ri. Chàng giữ mình một cách kiên trì như chàng có thể đến tận khi họ cưới nhau.

Đã bốn tuần Van-mông-đê không đến thăm các con. Khi bà đến La-bơ-ri, như mọi khi, cảnh tượng đầu tiên khiến bà rùng mình. Đó là một nơi trông buồn tẻ, bao nhiêu năm trời không biết tới sự có mặt của quý bà. Ngài Ô-bic-ni quá cố đã cưới và chôn cất vợ ở Pháp. Bà ta yêu mảnh đất quê hương tới mức mà bà không bao giờ muốn xa nó. Mái nhà xệ xuống, bậc lên xuống đen sì như cái chụp ống khói, lao hẳn ra ngoài hành lang rộng bao quanh ngôi nhà mới sơn màu vàng, gần đó có những cây sồi to tướng trang nghiêm. Những tán lá dày của chúng vươn xa, bao trùm ngôi nhà như một tấm màn. Chàng Ô-bic-ni trẻ cai quản trang trại rất nghiêm khắc. Dưới quyền của chàng, những người da đen làm thuê quên mất thế nào là vui vẻ như khi họ sống với ông chủ quá cố dễ tính và tốt bụng. Người mẹ trẻ đang dần dần bình phục. Nàng nằm trên chiếc tràng kỷ phủ vải Mu-xơ-lin diềm đăng ten trắng mịn. Đứa con nằm bên cạnh, gối đầu lên cánh tay, ép ngực vào người mẹ ngủ. Chị vú nuôi người da vàng, ngồi bên cạnh cửa sổ đang phe phẩy cái quạt.

Bà Van-mông-đê cúi tấm thân đầy đà xuống Đê-di-rê để hôn nàng, rồi ôm nhẹ nhàng trong giây lát. Đoạn bà chuyển sang đứa cháu.

"Đây không phải là cháu tôi!", bà hốt hoảng kêu lên. Gia đình Van-mông-đê nói tiếng Pháp trong thời gian đó.

"Con biết mẹ sẽ ngạc nhiên". Đê-di-rê cười. "Rồi nó sẽ lớn. Nó đáng yêu làm sao! Mẹ hãy nhìn vào chân, tay và móng tay của nó - những móng tay trắng hồng. Chị Dan-dơ-rin mới cắt sáng nay. Có phải không chị Dan-dơ-rin?"

Chị vú nuôi cúi đầu đội khăn xếp ngay ngắn, nói: "Vâng thưa bà".

Đê-di-rê nói tiếp: "Nó khóc nghe inh cả tai. Hôm nọ, từ xa, khoảng từ túp lều của chị La-bơ-lăng-sơ đến đây anh Ác-man-dơ cũng nghe thấy tiếng khóc của nó".

Bà Van-mông-đê không rời mắt khỏi đứa cháu. Bà bế nó đi ra chỗ sáng hắt bên cửa sổ. Bà nhìn sát vào nó. Xong bà đưa mắt tìm chị Dan-dơ-rin đang dăm chiêu nhìn ra cánh đồng.

"Phải, thằng bé lớn lên sẽ thay đổi", bà Van-mông-đê nói chậm rãi trong khi đặt nó nằm cạnh mẹ: "Ác-man-dơ có nói gì không con?"

Khuôn mặt Đê-di-rê rạng lên niềm hạnh phúc.

"Ôi, anh Ác-man-dơ là người cha kiêu hãnh nhất xứ đạo, con tin như vậy, cơ bản vì nó là con trai, mang họ bố. Mặc dù anh không nói ra điều đó mà nói con gái anh cũng thích. Con hiểu anh nói thế để làm vừa lòng anh". À, mẹ này - nàng nói thêm, kéo đầu bà Van-mông-đê xuống, nàng thì thầm: "Anh ấy không phạt ai trong số họ, không một ai từ khi con trai ra đời. Thậm chí Nê-gơ-ri-lon định làm bỏng chân để được nghỉ việc mà anh chỉ cười và nói rằng cậu bé quá ranh mãnh. Ôi, mẹ ơi! Con thật hạnh phúc. Điều đó khiến con sợ".

Đê-di-rê nói đúng. Lấy vợ, và tiếp theo là đứa con trai đã làm giảm đi rất nhiều bản tính hách dịch và hay yêu sách của chàng. Sự thay đổi này đem lại hạnh phúc tràn đầy cho nàng Đê-di-rê dịu hiền, bởi lẽ nàng yêu chàng một cách vô điều kiện. Khi chàng cau mày, nàng run như cây sậy, nhưng vẫn rất yêu. Khi chàng cười, nàng cầu xin một chút phước lành của Chúa. Từ ngày yêu nàng, khuôn mặt đẹp trai của Ác-man-dơ không còn biến dạng đi do hay cau có. Bỗng một hôm, khi đứa con khoảng ba tháng, Đê-di-rê linh cảm có một cái gì đó trong bầu không khí gia đình đang đe dọa sự bình yên ở nàng. Thoạt đầu phải thật tinh mới cảm nhận được. đấy chớm là tí chút băn khoăn, một thái độ bí ẩn trong số những người da đen, cuộc thăm viếng không mời của những người láng giềng. Tiếp theo là sự biến động lạ lùng, khủng khiếp trong cách cư xử của chồng mà nàng không yêu cầu giải thích. Khi nói với nàng, chàng nhìn đi chỗ khác. Từ khóe mắt ngọn lửa tình xưa đã lụi, Ác-man-dơ thường xuyên vắng nhà. Lúc ở nhà chàng lẩn tránh sự hiện diện của vợ con mà không hề xin lỗi. Và bỗng nhiên, linh hồn của quý sa tăng dường như sai khiến chàng trong cách cư xử với những người nô lệ. Đê-di-rê đủ đau đớn để chết.

Vào một chiều nóng nực, nàng ngồi trong phòng mặc chiếc váy áo dài, lơ đãng lấy ngón tay nối các sợi tóc dài màu nâu mượt óng ả rủ xuống bờ vai. Đứa con - nửa để trần nằm trên cái giường to của nàng là bằng cây gỗ dái ngựa có trướng bằng sa tanh rủ xuống nửa chừng. Một cậu bé con của chị lai da đen La-bơ-lăng-sơ và bố là người da trắng - cũng để trần, đứng phẩy nhẹ cái quạt bằng lông công cho cháu bé. Đôi mắt của Đê-di-rê dừng lại trên mặt con một cách hững hờ, buồn bã. Trong khi đó nàng ra sức dấm mình vào đám sương mù đang đe dọa nàng và nàng cảm thấy nó đang nhích lại gần. Nàng hết nhìn con lại nhìn cậu bé đứng bên cạnh. Nàng nhìn đi nhìn lại. "Ôi!", tiếng khóc nàng không kịp được bật ra một cách vô thức. Máu như đóng băng trong động mạch của nàng, và mồ hôi xâm xấp tứa ra trên mặt.

Nàng cố nói điều gì đó với cậu bé con lai, nhưng thoạt đầu không có âm thanh nào thoát ra nổi. Khi nghe thấy tên mình, cậu nhìn lên. Bà chủ đang chỉ tay ra phía cửa. Cậu đặt cái quạt to, nhẹ xuống, rồi ngoan ngoãn chuồn đi bằng đầu ngón chân để trần trên nền nhà bóng láng.

Đê-di-rê đứng im, nhìn dán vào mắt con. Nỗi sợ hãi hiện lên mặt nàng.

Ngay lúc ấy, người chồng bước vào phòng. Không để ý đến vợ, chàng đi đến một cái bàn, và bắt đầu tìm kiếm trong số giấy tờ để trên đó.

"Anh Ác-man-dơ!", nàng gọi chồng bằng một giọng sắc lạnh chẳng khác gì nhát dao găm nếu như chàng còn chút tình người. Nhưng chàng lờ đi. "Anh Ác-man-dơ!", nàng lại gọi rồi nàng lão đảo đi về phía chồng. "Anh Ác-man-dơ!", nàng hỗn hển gọi một lần nữa. "Anh hãy nhìn con của chúng mình. Điều đó nghĩa là thế nào? Anh nói đi!".

Chàng lạnh lùng, nhưng nhẹ nhàng nói những ngón tay của vợ khỏi cánh tay mình, rồi đẩy tay nàng ra. "Hãy nói cho em nghe! chuyện gì thế anh?". Nàng khóc tuyệt vọng.

"Vấn đề là con của chúng ta không phải da trắng. Điều đó có nghĩa là em không phải người da trắng".

Ý thức rất nhanh tất cả những lời buộc tội đã kích động lòng dũng cảm hiếm thấy ở nàng để phủ nhận "Điều nhảm nhí! Đấy không phải là sự thật, em là người da trắng. Nhìn em này! Tóc em màu nâu, mắt em màu xám, và da em màu trắng". Nàng nắm lấy cổ tay chồng. "Hãy nhìn tay em! Chúng trắng hơn tay anh, anh Ác-man-dơ". Nàng cười điên dại.

"Trắng như chị La-bơ-lăng-sơ", chàng quay lại nói cay nghiệt. Đoạn chàng bỏ đi để lại nàng một mình với đứa con.

Đến khi chán tởn lại nàng viết một lá thư cho bà Van-mông-đê.

"Thưa mẹ! Họ nói với con rằng con không phải người da trắng. Anh Ác-man-dơ cũng nói thế. Vì Chúa mẹ hãy nói với họ đó là điều vu khống. Mẹ phải biết con là người da trắng. Con chết mất. Con phải chết. Con không thể bất hạnh và sống như vậy được".

Lá thư trả lời ngắn gọn:

"Con Đê-di-rê của mẹ! Hãy đến Van-mông-đê, hãy về với người mẹ yêu thương con tha thiết. Mang thằng bé đi cùng!".

Nhận được lá thư của mẹ, Đê-di-rê cầm nó đến phòng làm việc của chồng, đặt lên bàn trước mặt chàng. Xong nàng đứng im như pho tượng đá nhợt nhạt bất động.

Không nói một lời, chàng lướt ánh mắt lạnh lùng trên các dòng chữ. "Em đi được chứ, anh Ác-man-dơ?", nàng hỏi bằng giọng sắc lạnh trong trạng thái hồi hộp cực độ.

"Ừ, đi thì đi".

"Anh muốn em đi thật à?".

"Ừ, anh muốn".

Chàng nghĩ Thượng Đế có quyền lực tối cao đã quá phũ phàng và bất công với mình. Dù sao chàng cũng ngẫm hiểu rằng chàng ăn miếng sẽ bị trả miếng một khi đã làm cho tâm hồn của vợ bị tổn thương đến nhường ấy. Và

lại, chàng không yêu nàng nữa, bởi vì nàng đã bỏ gia đình và tên tuổi chàng bằng một vết nhơ vô thức.

Bị sốc trước câu trả lời của chồng, nàng quay đi ngay, nàng bước chậm chạp ra khỏi cửa hi vọng chàng sẽ gọi lại.

"Tạm...biệt, anh Ác-man-dơ!", nàng rầu rĩ.

Chàng không trả lời vợ. Đó là cú đánh cuối cùng của định mệnh.

Đê-di-rê tìm con. Chị Đan-dơ-rin đang bế nó đi ở hành lang tối tăm. Không một lời giải thích, nàng bế thốc đứa con ra khỏi tay người vú nuôi. Nàng bước xuống bậc thềm, và ra đi giữa những tán lá xào xạc.

Đó là một buổi chiều tháng mười. Mặt trời đang lặn. Ngoài cánh đồng những người da đen đang hái bông.

Đê-di-rê không thay chiếc váy áo dài màu hồng và đôi dép lê đi trong nhà. Đầu nàng để trần, ánh nắng mặt trời rơi vào mái tóc màu nâu óng ả tạo nên những tia sáng vàng le lói. Nàng không đi theo con đường rộng dẫn tới trang trại Van-mông-đê phía xa xa. Nàng đi qua cánh đồng hoang vắng. Những gốc cỏ làm bầm tím đôi chân mảnh mai của nàng vì đôi dép mỏng. Chiếc váy áo dài bị toạc rách tả tơi.

Nàng biến vào đám cây sậy, cây liễu mọc rậm rì trên trảng cát của con lạch sâu nước chảy lờ lờ: và nàng không trở lại.

Vài tuần sau, có một cảnh tượng khá hiếm kỳ diễn ra ở La-bơ-ri, ở giữa sân sau được quét sạch sẽ có một đồng lửa đốt rác. Ác-man-dơ Ô-bic-ni ngồi ở tiền sảnh rộng và nhìn bao quát quang cảnh. Chàng đích thân phân phát các thứ có thể đốt được cho nửa tá người da đen để giữ cho ngọn lửa cháy bùng.

Một cái nôi bằng gỗ liễu nhỏ xinh cùng đồ đánh bóng đang cháy. Đồng lửa đã thiêu thành than cả một mớ biết bao nhiêu quần áo tả lốt của trẻ. Sau đó đến những chiếc váy áo dài bằng lụa sa tanh, rồi đến những tấm khăn ten, tấm ren, mũ bonê, găng tay bị quăng vào lửa. Bởi vì chúng là món quà cưới giá trị hiếm có.

Vật cuối cùng là bó thư. Những dòng chữ nhỏ nguệch ngoạc thơ ngây mà Đê-di-rê gửi cho chàng trong những ngày họ mới yêu nhau. Còn sót lại một mẫu thư trong ngăn kéo. Nhưng không phải của Đê-di-rê, mà là một phần lá thư của mẹ chàng gửi cho chàng trước đây. Chàng đọc. Bà cảm ơn Thượng Đế vì niềm hạnh phúc do tình yêu của chồng đem lại. "Nhưng trên hết, bà viết, đêm cũng như ngày, em cầu mong lòng đức độ của Chúa thu xếp cuộc sống của chúng ta sao cho Ác-man-dơ yêu quý không bao giờ biết được là mẹ của nó, người thương yêu nó vô cùng, thuộc tộc người đang khổ sở vì là một hạng của kiếp nô lệ"

□

Nguyễn Thị Hiền

(Dịch từ nguyên bản tiếng Anh)

TRAO ĐỔI - LÝ LUẬN

NHỮNG “VÌ SAO?”

□ ĐỖ QUYÊN

Lời dẫn của người viết:

Không ngoài mong muốn để bài viết có không khí trao đổi như lúc hình thành, bài đã được giữ nguyên văn như lúc nó hoàn thành mà gửi cho Việt. Ở đây, chỉ xin có các chú thích phụ: 1-Việt là tạp chí sáng tác, phê bình & lý luận văn học xuất bản tại Úc, Chủ bút: Nguyễn Hưng Quốc; 2- Các bài của Mai Ngữ và Nguyễn Khải (mà Nguyễn Hưng Quốc dẫn lại trong thư mời góp bài) là từ tuần báo Văn Nghệ (phát hành tại Hà Nội) trong số 36 ra ngày 5.9.1998 và số 35 ra ngày 29.8.1998;



Đọc xong thư mời góp câu trả lời cho tạp chí *Việt*, tôi toan trách: ‘Mãi tới nay, sau hai bài của Mai Ngữ và Nguyễn Khải mà Nguyễn Hưng Quốc mới ‘sực nhớ một điều là: ở hải ngoại, anh em cầm bút chúng ta ít khi bàn về chuyện văn chương với nhau’, thì kể cũng... khi chậm!’ Nhưng tôi đã rút lại lời trách cứ. Lẽ đầu tiên, có thể khi ở phần vụ chăm sóc bài vở cho một tạp chí chuyên về văn nghệ là *Việt* anh ấy mới *sực* nhớ chăng? Lẽ nữa, chính những ngạc nhiên- những ‘Vì sao?’- mà vẻ ngoài của chúng là ‘con trẻ’ với những bậc ‘người lớn’ đã làm nên Cái Mới ở mọi hoạt động sáng tạo, trong đó có văn chương. Cuối cùng vì, nhiều diễn đàn văn nghệ hải ngoại đã hơn rất nhiều một lần có câu hỏi tương tự, song tôi để ý hình như hỏi cho bỏ... ngựa bút, có nghĩa *hỏi mà không tức là trả lời*. Nay *Việt* đưa lên bàn mổ con bệnh ấy ở nghiệp văn chương, đó là cách góp phần tạo hình hài mới cho văn học Việt Nam hải ngoại - một vùng của văn học Việt Nam.

Trong vòm trời - không thể được coi là vời vợi - của văn chương Việt Nam lúc này, người trần mắt thịt cũng thấy nhiều... ‘Vì sao?’ lắm! Cái tôi nhắm trong bài trao đổi này chỉ là, như anh Chủ bút đã gài: Vì sao lâu nay giới cầm bút hải ngoại chúng ta ít bàn chuyện văn chương với nhau?

Dù theo dõi còn hạn hẹp, vị thế chẳng tới đâu, tôi những muốn được bọc lộ cùng *Việt* rằng, với vấn nạn trên, có bốn lý do sau:

1- Không có giới phê bình-lý luận, văn học Việt Nam hải ngoại chỉ có

những nhà phê bình riêng lẻ với lượng rất ít ỏi (còn về phẩm của bộ môn phê bình-lý luận của văn học hải ngoại thì chưa diễn đàn nào bàn tới một cách bài bản thì phải? Cũng dễ hiểu, do chúng ta thiếu hẳn những người chịu làm thứ công việc công kênh và phiên toái nhất: *phê bình của phê bình*).

Điều này đã được nhiều ý kiến cảnh báo, và là một vấn đề không hẳn *bất* nhưng cũng khó mà *khả kháng* của văn nghệ Việt Nam hải ngoại.

Giới phê bình thì giàu lý lẽ cùng đa mưu lăm sự, giao dịch thường bất thiệp, quan hệ lại quảng bá, tâm trí được tiếng là sắc sảo đến độ rành rẽ tòng tòng ai là ai trong làng văn. Họ - gần như người *manager* ở các công ty, hãng xưởng - biết được trong xu hướng sinh hoạt văn nghệ đang thiếu thừa những gì; còn dân sáng tác - như người thợ, chuyên viên - chỉ biết chúm mũi vào tác phẩm của mình: không cho nhân vật này ly dị nhân vật nọ thì cũng chọn chữ ấy hợp với câu thơ kia... Xưa nay việc '*bàn chuyện văn chương*', tức là những trao đổi, tranh luận xung quanh nghiệp vụ làm văn nghệ, kinh nghiệm chữ nghĩa, viết lách v.v... đa phần do giới sáng tác góp bài, song cái thúc dít khởi đầu là từ giới phê bình hoặc từ vài nhà văn, nhà thơ có uy tín trong cả hai giới. (Câu chuyện hôm nay có được hẳn cũng nhờ anh Chủ bút *Việt* là dân phê bình-lý luận đã ra cái roi định hướng!)

Khi việc phê bình-lý luận là của cả một *giới* thì các vấn đề tinh tế trong nghề văn nghiệp bút mới được định hướng sao cho hòa hợp các thúc dục nội tâm của các tác giả với khao khát tìm hiểu của tầng lớp độc giả.

2- *Hầu như thiếu vắng lớp độc-giả-thuần-túy*, trong sinh hoạt sách báo văn chương Việt Nam hải ngoại chỉ có: hoặc là những độc-giả-cưỡng-bức (mua, đọc sách, báo chí văn nghệ để thỏa chiều quan hệ nào đó của họ với giới cầm bút), hoặc là những độc giả có lý do đặc biệt mà thiết tha với những gì dính dáng đến tiếng Việt nơi đất khách quê người, và hoặc là những độc giả lại chính là những người cầm bút. (Mà lớp bạn đọc thứ ba kiểu '*toa* thì ra báo *moa* thì đọc' này lại là linh hồn trong lượng bạn đọc dài hạn và ít ỏi) *)

Lớp bạn-đọc-thuần-túy, tức là đọc chỉ để đọc, đã làm nên 'chuyện con cá cái nước' của các hình thức báo chí độc lập. Vô tư và tự nhiên, họ mới là nguồn nuôi sống tờ báo về vật chất lẫn tinh thần. Những chuyện nghề trong làng báo chí, văn chương có nghịch lý riêng của nó; khác với - ví dụ- các chuyện nghề y, nghề kinh doanh trong các tập san của giới y sĩ, giới kinh doanh. Về hình thức, tiếng là chuyện nghề, là sự nghiệp đấy; tiếng là trao đổi, là luận bàn giữa những tao nhân mặc khách đấy; song các sự, các chuyện đó lại có ma lực trong dư luận ngoại đạo, trong các tầng lớp độc giả. Việc thì riêng, khi đã được chính thức viết lên bằng văn, tâm sự ra thành chuyện

chúng hóa thành của chung, của toàn xã hội. Được dư luận nâng niu, truyền tụng. Người trẻ coi như cấm nang, dấu kỷ trong hành trang đường đời ('Biết đâu có một ngày mình thành thi sĩ?!'), kẻ hết còn trẻ thì sưu tập các giai thoại văn học để 'dạy dỗ cho con cháu nên người'. Các lý luận gia ưa kêu văn học có tính đại chúng, thì điều ta đang nói đã dự phần nho nhỏ. Thật ra, trong giới viết lách chuyện nghề văn cũng hợp hờn người trong cuộc đại diện qua các cậu mợ lính mới; mà nói cho ngay thì kẻ thu lợi hơn cả trong vụ này không ai khác chính là dân phê bình: ngồi một chỗ bổng chốc có được cả kho tư liệu sống về đám sáng tác. Rất ít khi các tâm huyết, kinh nghiệm đau đời của một nhà văn thứ thiệt nào đó sẽ trở thành kim chỉ nam, tấm gương cho các nhà văn thứ thiệt khác. Một tác giả, dù lớn dẫu bé, miễn là họ bị/được đóng đinh cây viết vào trang (bản thảo) thánh giá, thì với họ không những *văn mình* là nhất mà kinh nghiệm đời văn của mình cũng nhất luôn!

Các độc-giả-chỉ-có-biết-đọc đó thường không gần gũi giới văn nghệ, chuyện bếp núc làng văn trước con mắt họ như những giai thoại có thật. Các văn sĩ mà họ từng yêu chuộng qua những áng thơ, những pho tiểu thuyết nay sẽ lấp lánh hơn theo những tình tiết riêng tư liên quan đến sự hình thành các tác phẩm. Đam mê, tín ngưỡng nào cũng khởi nguồn từ các huyền thoại; mà các huyền thoại tao đàn trong xã hội nào cũng không có tuổi. Văn học Việt Nam hải ngoại chỉ trần trụi trực với các nguồn độc-giả-người-nhà như thế thì chuyện bếp núc về chữ nghĩa của các văn sĩ trở nên hết thiêng! Đôi khi cũng có đấy, mà ít. Những nhà văn tâm huyết với nghiệp văn, với nghề chữ khi sắp làm các cuộc trao đổi tương tự hẳn phải chùng bứt, hỏi: Ta tâm sự với ai đây? - Với các bạn văn thân thuộc (ba bảy hai mươi mốt vị!): *Biết rồi nói mãi*; - Với những kẻ cầm bút thuộc 'hệ phái' khác: *Mình viết chắc gì chúng đọc*; - Với các độc giả ngoại đạo: 23 năm qua, số lượng ít ỏi này cứ giảm đi, riết rồi cũng tù đọng thành người... có đạo!

Ắt phải dừng cảm bơn cho mình ý định trao đổi chuyện văn chương trong mục đích 'để đời' thì, với lý do thứ hai này, giới cầm bút hải ngoại may ra mới có được các đối thoại nghề nghiệp nghiêm túc?

3- *Ít có các điều kiện hậu thuẫn vật chất và tinh thần để việc làm báo, viết văn tiếng Việt ở hải ngoại được coi như một nghề.* (Điều này cũng được kêu la thẳng thốt, phân tích hết nguồn cơn trên khắp các nơi cùng chốn hoạt động văn nghệ của chúng ta; như một cái lưng lừa để chất lên đó mọi yếu kém của văn nghệ hải ngoại).

Không bột sao gột nên hồ: Chẳng có nghề-văn-ở-hải-ngoại, lấy đâu ra nổi những chuyện-ngề-văn-ở-hải-ngoại cho ra hồn? Vả, có chăng thì cũng

‘vui là vui gương kéo là’ mà thôi!

Hai bài của Mai Ngũ và Nguyễn Khải xét về nội dung quá ‘có nhiều điểm đáng bàn lại’; nhưng về tinh thần, với bài của Nguyễn Khải, ta cũng có thể làm đồng tác giả nếu ta cũng đang ở trong nước! Trong bối cảnh coi viết văn như một thứ nghề, tôi thấy cách đặt vấn đề của hai vị ở hai bài trao đổi ngắn đó không có gì mới mẻ.

Lí do thứ ba này đã khiến hiếm ai trong chúng ta dám nói mạnh như các đồng nghiệp trong nước khi bàn về những trò chữ nghĩa. Ở hải ngoại, một Me-xư văn sĩ nào đó, nhân ngày thất nghiệp nằm xuống, bỗng sùng sục viết toáng lên (như Nguyễn Khải, ở Việt Nam, vừa viết) *‘Phải nuôi sống mình bằng nghề văn, chỉ biết có nó, tận tụy với nó, vì viết tức là tồn tại, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, dầu nghề viết, như mọi người đều biết, nuôi người rất dở, nuôi người rất dối. Dối thì dối nhất quyết không nên bỏ nó để làm nghề khác, hoặc nghề khác một nửa, viết văn một nửa.’*; chưa hết, Me-xư đó lại còn đe: *‘Lúc trẻ viết không đủ ăn thì nhờ vợ gánh vác giùm. Về già thì nhờ con chu cấp thêm.’* ... Nào, chúng ta hãy cùng nhau soạn sẵn lời ai điều cho hạnh phúc gia cảnh Me-xư đi là vừa! Trong các giai thoại sống ký gởi văn chương chết theo về chữ nghĩa, văn học hải ngoại chắc chỉ có đầu số là Mai Thảo cô đơn vĩnh viễn trong cái danh sách đó?

Khi nói coi viết lách như một thứ nghề, một cái nghiệp thì ngoài ý nghĩa nó nuôi sống mình, mình chết cùng nó - ý quen thuộc như Nguyễn Khải nhấn mạnh, ta có thể hiểu ở ý khác: đã là nghề anh dính vào, dầu ngoại cảnh ra sao anh vẫn cứ hành nghề đó; đã là nghiệp buộc lấy chị, môi trường nào chị cũng tu với nó. Không xuất phát từ ý nghĩa như thế, một số bộ phận quan trọng của văn học hải ngoại đã được tạo nên từ một lớp những văn nghệ sĩ, những người cầm bút mới trong thời 1975-1990 ở Bắc Mỹ và châu Âu, thời 1990-1996 ở Đông Âu. Với các tác giả này, giả sử không ra hải ngoại, nếu là chưa thì họ có thể không phải/được cuốn vào vòng quay của cây bút; nếu là đã thì sự hệ lụy cũng sẽ khác. Viết đối với họ là một cách giải tỏa quá khứ vừa chối bỏ và như thế, dù muốn dù không, viết để thể hiện - mạnh thì là - nỗi thù hận, - nhẹ thì là - cái bức bối về chính trị, về thời cuộc. Xét trong giới hạn ở đây, sự trao đổi chuyện văn chương từ các bộ phận văn học hải ngoại đó, trên thực tế, đã xảy ra. Song, dường như, đó không phải là điều mà tạp chí *Việt* gởi ý để hôm nay thảo luận?

4- *Giới cầm bút Việt Nam hải ngoại chúng ta, nhìn chung, thiếu một phương cách ứng xử văn nghệ với nhau.*

Cả trong điều này, tôi càng không phải là Christophe Colomb! Nhưng, trong cái nhìn của tôi, đây là duyên cớ ảnh hưởng nhất đến câu hỏi ‘*Vì sao*

lâu nay giới cầm bút hải ngoại chúng ta ít bàn chuyện văn chương với nhau? Và, như trong các trường hợp tẻ nhị tương tự: một khi đã muốn viết cho trung thực và khách quan, thì đâu khôn đâu khéo thế nào, bài viết này cũng không tránh khỏi những cơn giận dữ dễ hiểu từ một số độc giả, một số đồng nghiệp... Người viết xin được nhận về hai chữ đại xá thật to ngay từ đây!

Liệu có cần day dứt lại điều ('biết rồi khổ lắm nói mãi') là 'Vì sao giới cầm bút hải ngoại chúng ta, nhìn chung, thiếu một phương-cách-ứng-xử-văn-ngệ với nhau?'? Tôi nghĩ là cần, một khi đã muốn '*tạo chút sinh khí cho sinh hoạt văn học hải ngoại*' - như nguyện vọng của anh Chủ bút. Từ lâu từng có nhiều giải đáp trên các diễn đàn báo chí văn nghệ cũng như ngoài văn nghệ; còn theo tôi là vì:

4-1. *Văn chương Việt Nam hải ngoại, vì lý do chấp nhận được về mặt lịch sử, đã bị chính trị hóa cao tới độ... ngut trời xanh!*

Nói cho gọn, đề tài 'Quan hệ văn chương-chính trị' vừa nóng vừa nguội, muôn thuở và thời sự. Ở Việt Nam, tự cổ chí kim, lửa thời cuộc đã thử thách vàng văn chương, đặc biệt hơn cả là trong thời kỳ mà các tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản nương theo một số thực tế để được thể hiện dữ dội nhất 1945-1990 (mộc là Đại chiến thế giới II và Bức tường Berlin sụp đổ). Với văn học Việt Nam hải ngoại, quan hệ đó là một tất yếu lịch sử.

Xin khất đề tài này sang một diễn đàn khác (nếu có cơ hội), ở đây chỉ tạm bàn tới một hệ quả tồi của nó xảy ra với văn nghệ Việt Nam; đó là: Không phải các tiêu chuẩn văn nghệ mà chính là thước đo chính trị đã phân vùng, chia xứ từ những hình thức sinh hoạt cộng đồng như viết sách, ra mắt sách, làm-viết báo chí, hội thảo chuyên đề, triển lãm nghệ thuật, văn hóa lễ Tết... cho đến các mối quan hệ riêng tư, bằng hữu giữa những người cầm bút hải ngoại. Một cách bất thành văn nói chung và trong vài trường hợp đã thành văn, thái độ chính trị trở thành tiêu chí Số Một cho những người làm văn học sử Việt Nam hải ngoại không chỉ để phân dòng các tác phẩm, định danh các tác giả, mà còn để vạch bán kính hoạt động của các tác giả, tác phẩm đó giữa các nhóm phái, băng bè văn nghệ... Tồn thất này to lớn vô ngần! Trở trêu: điều đó có thể đúng về chính trị và chắc chắn chưa đúng về nghệ thuật, có thể đúng ở trách nhiệm người dân (đi ty-nạn-chính-trị) và chắc chắn chưa đúng trong chức phận nghệ sĩ. (Bạn Tây hóa đây mình đành ngửa cổ mà than '*C'est la... văn nghệ Việt Nam hải ngoại!*' Tôi thời Nguyễn Vũ một chút kêu toáng lên '*Nhà văn An Nam hải ngoại nhục như chó!*')

Trong thế thời đó anh em người cầm bút chúng ta, ở hang cùng ngõ hẻm khắp giang sơn Việt Nam hải ngoại rộng lượng và bao dung, dường như nhất loạt và đồng thanh hành xử với nhau bằng các phương cách nhỏ nhen, hạn

hẹp: nếu không sức mùi chính trị thì cũng thoang thoảng tính chính trị hóa, khi không bị chính trị hóa thì cũng... chả còn chất văn nghệ! (Tôi dám mong mỗi một người viết chúng ta - nếu đã thương, nếu còn yêu nền-văn-nghệ-khốn-khổ-khốn-nạn của nước nhà - thì một khi nào đó và bằng cách nào ấy, hãy can đảm để *một phút mặc niệm* cho cái-chết-của-tinh-thần-văn-nghệ mà đúng ra mỗi một người cần có bốn phần nuôi sống nó trong 23 năm qua! Nhờ đó, may ra, nó phục sinh, như một điều kỳ diệu trong nghệ thuật.) Khi, mà chỉ khi, hồi sinh nổi tinh thần văn nghệ thì giữa chúng ta mới có được các ứng xử sao cho văn nghệ. Rồi, không khó khăn gì: *Việc bàn về chuyện văn chương* sẽ là đứa con đầu lòng của những quan hệ văn hữu chân chính vừa được sống lại. Như mọi sắc thái sinh hoạt văn học lành mạnh khác trong những môi trường mà chữ nghĩa không bị cấm cản bởi bất kỳ thứ loại chế ngự nào...

Trong lòng mình và trên trang giấy, tôi dư khoảng trống cho những hướng suy tư khác. Sống trong các quốc gia có tự do ngôn luận-tự do tư tưởng, con người ta có quyền mặc áo chính trị cho những đứa con tinh thần của mình, nhất là khi mà nơi nước nhà cố quận các quyền tự do nói trên vẫn chưa có, và nhất nữa là khi người ta vẫn còn không muốn chấp nhận thể chế chính trị đang điều khiển nước nhà. Song, đó là một chủ đề khác so với trang báo hôm nay! Hướng suy tư này có thể có tình lẫn lý, có thể không; tùy tác giả nào, tác phẩm nào đó... Rồi, tôi cũng không loại trừ khả năng nữa: thể hệ cầm bút chúng ta không khi nào hạ nổi dấu chấm hết cho câu chuyện văn đàn oán hận chính trường. Chả sao! Chính trị ăn mặn thì văn nghệ khát nước. Ráng chịu! Chỉ có điều, nếu vậy, chúng ta hãy cứ thủ... bút với nhau, như đã từng. Chính kiến ai nấy giữ; Giang san đâu văn hùng đấy. *‘Ai tri âm đó mặn mà với ai?’* Các chữ ‘văn hữu’ vẫn cứ lạm phát ở mỗi trang thư-báo, vô hồn trên các cú *phone* hay chông chờ theo từng đợt *Email*... Tạp chí *Việt* rồi lại đầu quân vào đội ngũ hùng hậu của báo giới Việt Nam hải ngoại có công xông vào cổng thành đã ngỡ ‘Vì sao giới cầm bút Việt Nam hải ngoại chúng ta, nhìn chung, thiếu một phương cách ứng xử văn nghệ với nhau?’, ‘Vì sao lâu nay giới cầm bút hải ngoại chúng ta ít bàn chuyện văn chương với nhau?’, và những ‘Vì sao’ khác!

Lê Đạt là một trong các thí dụ lớn về cái bi hùng của hệ lụy văn đàn với quyền thế. Trong năm 1998, lần đầu đời ‘được đi Tây’, tới Paris, ở bài phỏng vấn do Phan Tam Khê thực hiện, tới câu hỏi chốt ‘*Anh còn muốn nhắn nhủ gì với anh em bên này* (cũng có thể hiểu là với cả giới văn nghệ Việt Nam hải ngoại nói chung - ĐQ) *không?*’ ‘Thí dụ lớn’ của văn phạm Việt Nam đáp, như sau: ‘ (...) và tôi chỉ mong ở anh em Việt Kiều Paris làm sao đối với nhau một cách ấm áp hơn nữa, độ lượng hơn nữa và bạn bè hơn nữa. Bởi vì trong một thành phố rộng lớn như Paris, mà chúng ta có rất ít người thì nhiệm vụ của

*chúng ta là phải yêu quý nhau hơn. Và tôi mong ước là lần sau khi đến Paris, tôi có thể ở bất cứ nhà người nào mà không làm phiền người khác.’***)*

4-2. Với di sản là nền văn nghệ miền Nam Việt Nam trước 1975, văn nghệ Việt Nam hải ngoại mang trong mình các tiêu biểu - cả tốt lẫn xấu - của nền văn nghệ đó, mà một trong những cái tiêu biểu xấu là tính-bè-phái-phi-văn-nghệ/phản-văn-nghệ-trong-hoạt-động-văn-nghệ.

Là người em kế của nền chính trị dân-chủ-nhất (dù chưa phải là dân-chủ-thực-sự) trong số các thể chế chính trị Việt Nam đương đại, nền văn nghệ miền Nam Việt Nam thời 1954-1975 với các điều kiện thế sự quá éo le của mình đã sản sinh ra cả thiên thần lẫn... quỷ sứ! Trong khi hân hưởng một chính thể dân chủ còn non sượng với quyền tự do tư tưởng- tự do ngôn luận không hoàn chỉnh, giới văn học-nghệ thuật ở miền Nam Việt Nam 1954-1975 đã, vô tình hay hữu ý, lạm dụng các hình thức trường phái trong sinh hoạt nghệ thuật. Cái chất-quỷ-sứ trong tính bè-phái-phi/phản-văn-nghệ của làng văn miền Nam Việt Nam 1954-1975 là chưa thể có trước đó ở thời văn nghệ thuộc địa trên cả nước 1920-1945, ở vùng tạm chiếm 1945-1954 và không thể có được trong nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa ở cả nước trong các thời 1945-1954, 1975-đến nay, ở miền Bắc Việt Nam 1954-1975. (Cũng bởi chịu lấy chế độ kiểm duyệt sắt đá của hệ thống văn hóa-tư tưởng vô sản mà các mâu thuẫn cá nhân, các ý đồ cá nhân, những mưu toan khoan nhượng chia vùng, lập bè tích phái phi văn nghệ, phản văn nghệ của giới văn nghệ sĩ miền Bắc Việt Nam hầu như không có dịp xuất hiện với độc giả mắt trần. Phương thức toàn trị của đảng Cộng sản đã khai thác kiệt cùng những quan hệ phi/phản văn nghệ ở giới văn nghệ của chế độ, và tất cả chỉ có thể được thấy đằng sau các trang sách, mặt báo. Giữa hai hàng chữ cũng không! Nó đã khiến bạn đọc bình thường giữ được cái nhìn ‘lạnh lùng’ về những người viết lách vô sản, và chỉ ít nó cũng bắt các cây viết vô sản phải giữ mình hơn trong các bút chiến không đậm tính văn nghệ. Ồ, thì trong cái rủi cũng có cái may là vậy!) Tôi thấy, dù đây là một đề tài khá rắc rối song cũng nên được xem là cần thiết cho các nhà văn học sử Việt Nam đương đại: chuyện hậu trường sẽ tạo các nguồn ánh sáng riêng soi rọi chuyện nơi sân khấu!****)

Mang vác ‘gia tài’ không lành mạnh đó, lại được ngộp trong các Đệ tam quốc gia ngáp các quyền tự do cho người dân nói chung và cho người cầm bút nói riêng, giới văn sĩ Việt Nam hải ngoại chúng ta buông thả quỷ sứ (trong tính bè-phái-phi/phản-văn-nghệ), cho nó mặc sức chạy rong trên tất cả các diễn đàn. Trong cái may vẫn có cái rủi là thế!

4-3. Không ít người viết chúng ta hoặc là chưa hiểu, hoặc là hiểu thì lạm

dụng cách thức xài món đồ tự do báo chí-tự do xuất bản. Quan hệ không từ tế trên văn đàn hiện hiện kiểu giấy trắng mực đen giữa giới cầm bút Việt Nam (nói chung) là một trong các hậu quả đương nhiên của việc xài chưa đúng đó. Vi phạm *Đệ tứ quyền* theo cung cách này, nó mặc nhiên trở thành một thứ ‘*Đệ ngũ quyền*’ của giới làm văn viết báo Việt Nam hải ngoại: Thể hiện trên sách báo sự yêu-ghét tác phẩm, tác giả bất kể các quy ước nghệ thuật thông lệ!

Nói một cách ráo rớt và cần trọng, Tự Do - đó chính là Nhà Tù thoải mái nhất của nhân loại đa đoan. Trong sáng tạo nghệ thuật, tự-kiểm-duyet chính tác phẩm của mình là sự chế ngự và giới hạn đầu tiên, và cũng là cuối cùng, quyền tự-do-sáng-tạo nơi nghệ sĩ. Để bốn Nhân quyền căn bản có được những con-người-tự-do phải đấu tranh trước các kẻ đối lập với họ; đến lượt mình, để duy trì và sử dụng các quyền đó những con-người-tự-do phải tự đối lập với chính họ trong cuộc đấu chỉ có thể chiến bại. (Phải chăng *cái tể* đó của Tự Do đã tạo ra lưỡng tính sùng-khổ phân biệt loài người giữa muôn loài?)

Đệ tứ quyền, trên danh nghĩa, có ở Việt Nam theo hai sự kiện: tờ báo quốc ngữ đầu tiên là *Gia Định báo* xuất bản năm 1865 và tờ báo quốc ngữ tư nhân đầu tiên là *Thông loại khóa trình* ra đời năm 1888 sau đạo luật về báo chí của Nhà nước Pháp ban hành tại thuộc địa Nam Kỳ ngày 22.09.1881 - (theo Bằng Giang). Nhưng thực sự trên khắp đất nước Việt Nam của mỗi chúng ta chưa một giây phút nào, từ đó, có những chính thể mang nền dân chủ chân chính để tương quan tác giả-độc giả (chính quyền là một loại độc giả khó chịu!) cùng nhau học cách xài các quyền tự do báo chí-tự do xuất bản. Với cánh viết lách *trong trại* hiện thực xã hội chủ nghĩa: tạm... đi chơi chỗ khác trong vụ này; chỉ có thể nói về dân viết lách ở miền Nam Việt Nam 1954-1975 và hải ngoại sau 1975, những kẻ đã sạch nước cần trong bàn cờ thế một bên là người-nghệ-sĩ-tự-do một bên là quyền-tự-do-báo-chí. Đúng ra, họ (trong đó có chúng ta hôm nay) cần biết xây dựng *khuôn viên cho sự Tự Do* tương ứng mỗi hình thái hoạt động nghệ thuật của mình. Nhưng không! Khi họ thấy các đồng nghiệp ở bên kia dòng Bến Hải (gần đây là bên kia đại dương) phản kháng hay chấp nhận, bẻ bút hay gập bút trước các văn lệnh ‘Tự do sáng tác trong khuôn khổ’, ‘Vì một nền văn hóa-văn nghệ dân chủ có tập trung (gần đây là ‘có định hướng’)’ v.v... thì họ chỉ khoái trá mà tận hưởng Đệ tứ quyền kỳ thiêng. Vô tư rồi gây sai lầm, riết thành cố ý mà tạo tội lỗi. Như dân nghèo lành bỗng có bửa bói túi Tiên, họ dường như chỉ nhớ niềm kỳ thú và muốn quên chất linh thiêng của cái quyền đó.

Để xã hội không có quyền tự do báo chí-tự do xuất bản vẫn tồn tại được qua dòng văn học chính thống của xã hội đó, lỗi ở nhờ các nhà văn *hèn* ****). Với xã hội có quyền tự do báo chí-tự do xuất bản mà quyền đó bị lạm

dụng về phía tác giả (trong tương quan tác giả-độc giả), lỗi ở các nhà văn *bản*. (Xin lỗi khi tôi phải dùng cái chữ không sạch sẽ đó). Chữ nghĩa trong các xứ sở độc tài thì có cái gọi là ‘phạm hủý’ - hủý phong kiến, hủý hiện đại... ‘*Quan trên trông xuống, người ta trông vào*’. Ở nơi chốn có tự do tư tưởng-tự do ngôn luận sao lại không có cái hủý riêng của nó! Dư Luận và - hơn cả Dư Luận đó là - ‘Ông vua’, ‘Trưởng ban văn hóa-tư tưởng’ mang tên Thời Gian đã tạo ra các khuôn viên cho các quyền tự do trong sinh hoạt nghệ thuật. Nghệ sĩ Việt Nam như thể đều sinh ra dưới ngôi sao mang chữ ‘Tôi’ thì phải? Bị động chạm cá nhân chút đỉnh là đã lồng bút lộn mực liền! ‘Này nhá! Bảo cho mà biết: bố mày mà diên tiết là bố mày cứ tương cả lên sách báo mà chửi, mà rủa! Chủ báo là bố mày, chủ nhà xuất bản là vợ thằng bạn bố mày, mặc xác cả Dư Luận lẫn Thời Gian!’

Nói ‘quyền tự do báo chí’ ở một phía cũng là việc thất ở phía khác (một tạng ‘trói-thả gà văn nghệ sĩ’ kiểu N.V.L. ở trong nước thời 1988-1989): Ở hải ngoại chúng ta, bất luận nội dung sách báo ra sao, hạ hồi cũng chẳng buồn phân giải, nếu chỉ về mặt cá nhân ông chủ báo, bà viết sách mà chống Cộng ‘chưa đủ đồ’, mà quan hệ với băng nọ phái kia, mà liên đới chuyện này vị nọ, mà vân vân và vân vân... thì sách báo của họ khó được chào đời và sinh sống suôn sẻ. Không phải vô cớ, nhiều người chúng ta, trong và ngoài giới, từng bảo: Việt Nam hải ngoại thật ra đâu đã có tự-do-báo-chí, tự-do-xuất-bản mà chỉ có tự-do-*làm*-báo-chí, tự-do-*in*-sách!

‘Rút dây động rừng’. Trong kiểu bài trao đổi bỏ túi này, thật khó nói cho ra lẽ một khi đã động chạm đến khái niệm tự do báo chí-tự do xuất bản đối với người Việt Nam và nói chung là đối với những dân tộc có, hay từng có, văn hóa Khổng-Nho - khu vực văn hóa mà ở đó có ý niệm ‘cái chữ là của Thánh Hiền’. Từ các bàn tay chữ nghĩa được sinh hạ đến những bàn tay đón nhận chữ nghĩa, tất cả chỉ có thể phải sạch trở lên mà thôi! Người Á Đông thương nhau, hại nhau bằng con chữ, cái nghĩa. ‘*Bút sa gà chết*’, khiến người cũng di tong theo! Người phương Tây thường không bị chữ nghĩa ràng buộc theo kiểu ‘Một bài viết tựa nhát dao/Thề cùng đảng ấy: có tao không mày!’, họ không văn nghệ hóa đời thường cao độ đến mức đem các hận hờn trong văn đàn ra tỷ thí nơi thường nhật như dân Á Đông ta. Vâng, tôi đang lái bài viết không lạng sang một đề tài thời sự và muôn thuở: văn hóa Tây và Đông. Song cần nêu lại rằng, về mặt hình thức và về mặt kỹ thuật, bốn thứ Nhân quyền nói chung, Đệ tứ quyền nói riêng, là sản phẩm cụ thể mang bằng hiệu của văn minh Tây phương cận đại với các cách cuộc cách mạng tư sản-dân quyền ở châu Âu, ở Mỹ... từ hơn hai thế kỷ trước. Người Việt Nam hiện đại tranh đấu vì tự do-dân chủ để giành các nhân quyền trong khi còn biết bao tư mồi với chế độ phong kiến cả ngàn năm tồn tại mà chỉ chính thức ra đi trên danh nghĩa hơn nửa thế kỷ nay. Lại nữa, hưởng các nền cộng hòa ngoại bang

áp đặt ít hoặc nhiều, người Việt chúng ta thực sự khó có điều kiện hiểu hết bằng xương thịt mình cái giá phải trả và các chân giá trị của những nền-dân-chủ-Tây-phương mà họ phân phát cho ta duy trì và sử dụng chúng ở Việt Nam; và nay trên xứ người. Trở lại câu chuyện Đệ tứ quyền bị lạm dụng ở hải ngoại: không thể không có một trong các lý do là quan hệ người viết-người đọc Việt Nam chưa thoát khỏi hệ lụy ‘cái chữ là đồng cân’. Hay như Đỗ Kh. nhấn rõ trong một bài trả lời phỏng vấn nọ: ‘*Chữ là để phán chứ không để chơi!*’ (Gió Đông, số 2/1997).

‘*Nhất biên đảo*’. Theo hướng ngược hẳn, nhà văn Việt Nam hải ngoại chỉ có thể co cụm lại bảo vệ vành đai văn hữu mà anh ta may mắn đan dệt được. Dễ hiểu: Trong môi trường xứ người đất khách đây thách đố cho chuyện giá áo túi cơm, lượng những người còn tha thiết với nghiệp viết lách ngày một tong teo, thêm một tá lý do rắc rối như vừa nêu; nên đã có không ít những văn-sĩ-máu-lạnh của chúng ta, một mặt, giữ thế thủ với các văn hữu nghịch bâng, khác chiều; mặt khác, dùng ‘Đệ ngũ quyền’ đồn sang các bờ văn bạn vàng (cùng những tác phẩm ‘vàng’ của họ) niềm thương mến vô bờ bến. Tình trạng ‘Mèo khen mèo dài đuôi’ đó quả là đã bảo vệ và kéo dài được một số khu vùng trong hoạt động văn học-ngệ thuật hải ngoại, nhưng chỉ trong ngắn hạn; về lâu dài nó cũng hủy hoại chẳng thua là bao so với tình trạng ‘Chó chê mèo lắm lông’, khiến cả hải ngoại Việt Nam không còn có được một thực thể văn nghệ bình thường theo các tiêu chí cần có. Lại cũng Đỗ Kh. ‘tự thú’, trong tài liệu đã dẫn: ‘*Văn học Việt Nam hải ngoại chật hẹp quá, như những người sống chung trong một căn hộ phải nhường nhịn nhau nếu còn muốn giữ quan hệ*’. Cần tìm cách sớm đi ra ngoài căn hộ giao tình - đây là một hướng đầu tiên trong tầm tay của mỗi người cầm bút nghiêm túc hôm nay! Nếu chúng ta thực tâm muốn cải thiện lối sinh hoạt sách-báo cho người Việt hải ngoại...

4-4. *Quan hệ con người trong cộng đồng người Việt hải ngoại nói chung, do tình thế quá ư là phức hợp, đã chồng chất ra nhiều vấn nạn mà văn nghệ hải ngoại chỉ là một. Cuối cùng, cao xa hơn, là bởi tự thân người Việt Nam nhiều đời nay vẫn mang tính thiếu khách quan*****) khi đối nhân xử thế: Đối nhân thì hoặc là thương nhau cho lắm, hoặc là căn nhau rõ đau; Xử thế thì lẫn lộn riêng-chung!*

Nêu ra đây một trong những thói hư tật xấu đó ở người-Việt-đáng-yêu ầu là để nhận thấy cái giới hạn trên - trên tận cùng - của mối quan hệ chưa tử tế giữa cánh văn nghệ sĩ chúng ta.

... Lần ấy, cả đám bạn bè chúng tôi đang chuyện gẫu, chợt nhắc đến ảnh

hướng của văn minh Trung Hoa, anh K.- không rõ đọc đâu, nghe ai hay tự nghĩ - nói một lèo: *‘Dân tộc Việt tồn tại được là nhờ các tính xấu của mình.’* Điều đó đúng-sai mức nào xin dành cho các nhà Việt học. Phần tôi, tôi chỉ dám bảo rằng sự suy diễn sau đây (theo đà đó, nếu có) thì sẽ là sai: Văn học Việt Nam hải ngoại sống lại rồi được là do giới cầm bút thiếu một phương cách ứng xử văn nghệ với nhau. Rất sai là đằng khác... □

Mississauga, Cuối 1998- Đầu 1999

Đỗ Quyên

**) Theo Khánh Trường, gom danh sách độc giả của cả ba tờ Văn, Văn Học và Hợp Lưu thì có thể tìm ra con số khá chính xác về lớp bạn đọc báo chí văn chương Việt Nam hải ngoại: không vượt quá 1,200 người (kể chung độc giả dài hạn và mua lẻ tại các tiệm sách).*

***) Trong bản in của bài phỏng vấn trên nguyệt san ‘Diễn Đàn-Forum’ (Paris - số 77, tháng 9/98), câu cuối cùng, ở đoạn vừa trích, được ‘người đánh máy mạn phép in đậm’! Như thế bộc lộ hết mình nỗi khoái khổ của một kẻ trong cuộc...*

****) Theo ý kiến của anh K.: nếu chưa kể đến ảnh hưởng của sức ép chính trị mà chỉ xét về khía cạnh địa phương tính, thì trên bề mặt sách báo phát hành ở phần Bắc Việt Nam các bê-bối-ngoài-văn-chương-trong-giới-văn-chương đã không thể hiện mạnh bạo như trên các ấn phẩm ở phần Nam Việt Nam; đó là vì dân Bắc sinh sĩ diện, ngại điều tiếng trong khi người Nam thẳng thắn, bất cần. (Chứ còn ở ngoài các trang báo- sách thì đâu nào cũng rửa cả: Bắc hay Nam, Đông hay Tây - văn sĩ ở đâu cũng là một loài hoặc là sinh chuyện với chữ nghĩa hoặc là sinh chuyện với nhau!)*

Và, như nhiều người dân khác ngoài Bắc khi vô đất Nam định cư - đâu vì lý do nào, ở thời đại nào - các văn nghệ sĩ cũng mang trong mình ít nhiều sự bất tuân địa phương tính đó khi dự phần quan trọng vào các cuộc biến đổi văn hóa-văn nghệ ở phần phía Nam Việt Nam. Ra hải ngoại, ở các nước Âu - Mỹ, cái đức thẳng tính không nề nang như thế càng có nhiều thuận lợi để thể hiện.

*****) Vâng, thì sang hèn cũng có năm bảy đường: ‘hèn đại nhân’ cũng có đấy dung mà hèn tiểu nhân nó là đa phần, và văn chương thì lại tắc tử bởi lũ sang tiểu nhân, đám thừa Lê Đạt đại nhân!*

******) Có phải vì thiếu-văng-tính-khách-quan mà xưa nay văn học-nghệ thuật Việt Nam không sản sinh được các văn nghệ sĩ với các tác phẩm mang tầm nhân loại?*

TRUYỆN NGẮN LÀ GÌ?

□ NGUYỄN HOÀNG ĐỨC

Một truyện ngắn hay thì phải đem lại một giá trị nào đó lớn hơn là cái việc chọc cười bạn đọc. Nó phải thường xuyên đưa ra sự cảm nhận mau lẹ, trong đó nhân vật khi hành động hoặc diễn tả lại một diện mạo bất thường của đời sống cho bạn đọc. Một số truyện chú trọng tới việc tường thuật sống động các hành động, số truyện khác thì lại để tâm đến việc thiết định một hình thái hay ghi dấu một ấn tượng cảm xúc sâu sắc, và số truyện khác thì chỉ nhằm vào những sự kiện bình nhật nhưng chớ mang ý nghĩ thâm sâu.

Một cây bút truyện ngắn thường tìm kiếm chất liệu trong đời sống hàng ngày. Anh tập hợp những cuộc xung đột cãi cọ và đôi khi cả những điểm dăm dớ trong cuộc sống thành những bức tranh ngôn từ có trình tự và khả tri. Tác giả có thể đề cập đến những sự kiện có thực còn thô ráp của đời sống, nhưng một tác giả sành sỏi sẽ tạo các câu chuyện của mình thành một nghệ phẩm.

Những yếu tố thực chất của đời sống (True-to-life) có thể sử lý bằng nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn trong những câu chuyện mô-típ cổ: Chàng gặp nàng, chàng giã biệt nàng, và chàng tái ngộ nàng. Nó gần như được phổ diễn như một bi kịch của chiến tranh: Ái tình - Biệt ly và hạnh ngộ. Trong những vở hài kịch sủi tăm. Tiếng cười của lớp hoa niên Mỹ, chàng và nàng có thể đã quá chín chắn, hoặc có thể là một anh chàng góa vợ, một thiếu phụ góa chồng thập thò ăm ớ ở trước ngưỡng cửa tái hôn "nong nia cạp lại". Dù sử lý thế nào mặc lòng người viết truyện ngắn phải bám sát cứ điểm của mình. Trái lại, tiểu thuyết gia không cần bám sát lẽ một con đường quá hẹp và thẳng băng như vậy. Anh có thể lang bang chỗ này chỗ kia. Cây bút truyện

ngắn không có đủ thời gian và không gian để trôi dạt khỏi cứ điểm của mình. Như Egard Allal Poe nói "trong tất cả cấu trúc, không có một từ nào bị cuốn vào mạch dù là trực tiếp hay gián tiếp cái mạch văn đã dùng đến một lần".

Cây bút truyện ngắn của quá khứ thường bám sát vào diễn biến. Anh muốn lấp đầy các hành động theo sự kiện và đi tới một kết cục xác định. Như vậy anh viết một truyện ngắn với nhất cốt đầu tiên rõ ràng, nhất chung kết mạch lạc và nhất kết cục phân minh. Cây bút hiện đại thì ít quan tâm tới vấn đề và giải pháp. Anh chú trọng nhiều đến tâm trạng và diễn biến của đời sống tình cảm.

Cây bút hôm qua rõ ràng là những nhà nhiếp ảnh. Cây bút hôm nay là những họa sĩ phác thảo. Trong đó hầu hết những chi tiết hoặc là bị bỏ rơi, hoặc chỉ hoàn toàn gọi cảm. Như vậy, mặc dù chứa đựng ít tình tiết và kết cục, cây bút truyện ngắn hiện đại vẫn nhằm vào một hiệu quả duy nhất độc tôn với hy vọng để lại cho bạn đọc một cảm kích biến thiên theo dòng chảy mà tác giả đã khơi nguồn. LỊCH SỬ TRUYỆN NGẮN.

Truyện ngắn mới đầu được khai lên từ những đồng lúa trại, người ta quay quần kể lại những chuyện ngoài lề khác hẳn những thông tin thuần túy sản bản trong ngày hoặc những cuộc chiến đấu. Văn chương khởi đầu bằng những chuyện kể, và nhiều chuyện cho đến ngày nay vẫn giữ nguyên được vẻ cuồn say. Trong kinh Cựu ước, chương viết về Job có thể được coi như một trong những truyện ngắn hay nhất từng biết đến. Nó chứa đựng một tình tiết bi thảm và một điểm son cực kỳ hữu hiệu.

Năm tháng qua đi, dần dần những cây bút đã sáng tác truyện ngắn. Vào thế kỷ XIV, Giôvani Boccaccio viết "Thập ác" để lại cho các nhà văn ở thế hệ sau nhiều tình tiết chú ý về dáng điệu của một chủ nhà. Vào thế kỷ thứ XVIII, Voltaire viết theo thể thức sắp xếp những câu chuyện cùng đặc tính với nhau thành một chuỗi truyện: Candide. Lối kể chuyện lớp lang này dẫn đến một khuynh hướng trong tiểu thuyết hiện đại và một khuynh hướng khác trong truyện ngắn hiện đại.

Sự phát triển của mô-típ truyện ngắn hiện đại Mỹ bắt đầu từ vào thập kỷ sớm hơn thời gian xảy ra nội chiến. Với Wash-ington Ivring, Nathaniel Hanthome và Herman Merville đã khởi đầu viết lối phác họa và chuyện kể ngắn theo lối điển hình đến mức chúng dường như trở thành bản mẫu từ điển cho truyện ngắn. Poe đã viết truyện ngắn đầu tiên mà cho đến nay nó vẫn được xếp vào hàng những truyện ngắn hay nhất. Ông còn được ưu ái với truyện trinh thám đầu tiên "Những vụ ám sát ở phố Móc-Gờ".

Sau cuộc nội chiến nhiều cây bút nổi tiếng xuất hiện, bao gồm: Mark,

Twain, William Deam Howell, Stephen, Crane, Jack London, O.Henry... Những bạn đọc trong giới trẻ vẫn còn sùng ái O.Henry với truyện "Món quà của Ma-Gi" và J.London với truyện "Hãy chất lửa lên".

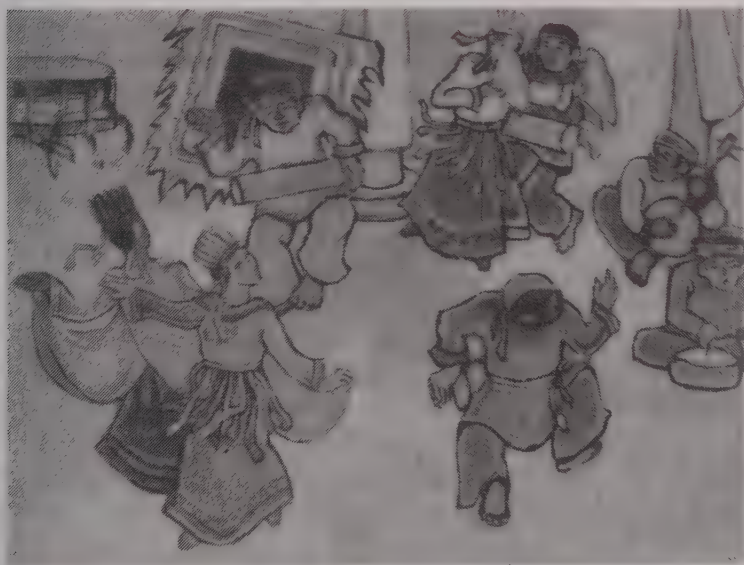
Cùng thời gian đó ở Anh quốc, R.Louis Stevenson, Joseph Conrad, Rud Yard Kipling với truyện "Quả là những câu chuyện" và Doyle với "Slóc-Hôm" một trường thiên trình thám nổi danh nhất được biết đến ở mọi nơi. Ở Pháp có Guy De Maupassant và ở Nga có Antôn Sê-khốp đã viết những truyện ngắn để lại nhiều lưu luyến.

Trong số những nhà văn Mỹ, một số nhà văn ở các thế hệ trước được đón đọc rộng rãi như: S.Anderson, Dorothy Parker, Stephen Vincent Benet, Thomas Wolf...Ngày nay những nhà văn được công chúng đón đọc như: E.Hemingway, William Saroyal, James Thurber, và William Faulkner. Người đọc đương thời vẫn còn chào đón John Oh'ara, Mary McCarthy, Irwin Shaw, Ray Bradbury, Endora Welfy...và J.D.Salinger

□

NHĐ

(Theo bách khoa toàn thư Comptons của Mỹ)



Ngày hội truân thổng.

Tranh của: Minh Thịnh

VÀI NÉT VỀ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI NGA TRONG THẬP NIÊN 90

□ THIÊN GIANG *Lược thuật*

Cũng như tình hình kinh tế-xã hội Nga diễn ra trong thập niên cuối của thế kỷ XX, nền văn học Nga hiện đại rơi vào tình trạng khủng hoảng: văn học “nghiêm túc” (“serious literature”) ở tình trạng dường như không có lối thoát, rất khó tìm ra độc giả. Nền kinh tế thị trường chỉ ra những quy luật của nó, tạo cho con người những thị hiếu mới. Cộng thêm với sự tràn vào ồ ạt các sản phẩm “văn hóa quần chúng” (“mass culture”) phương Tây, trước hết của Mỹ (phim ảnh, sách truyện, sản phẩm video...)

Theo nghiên cứu so sánh năm 1997 giữa các nước Nga, Mỹ, Cazaxtan, Tiệp, Balan và Hungari, nếu như trong nhóm các nước này trước đây Nga là nước đứng đầu về đọc sách thì bây giờ đứng cuối về và đứng đầu về xem tivi. Tình trạng đọc sách ít hôm nay do hai nguyên nhân chính gây ra: sự tích cực đọc sách của các thành phần có học trong xã hội giảm và thị hiếu của họ thay đổi. Hoặc họ không đọc gì, hoặc có sở thích khác ngoài đọc sách. Mối quan tâm tới văn học hiện đại mất đi. Một vấn đề rất quan trọng nữa cũng ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của văn học Nga nói chung - đó là sự thay đổi vai trò của các thành phần có trình độ trong xã hội. Có nghĩa là giá trị và sự hấp dẫn của những tư tưởng và quan niệm gắn liền với giai cấp trí thức bị xuống dốc. Hiện nay, xã hội Nga có sự chia rẽ gay gắt trong việc hấp thụ những sản phẩm văn học theo giới tính. Tồn tại và phát triển mạnh chiều hướng văn học cho người thường mà có thể gọi đó là “văn học quần chúng”: các kiểu tiểu thuyết đánh nhau, truyện viễn tưởng và các thiên tình truyện tràn đầy lệ và đau khổ. Trong điều kiện chính trị, xã hội và kinh tế hiện nay chính vô tuyến truyền hình, quảng cáo và văn học quần chúng xác định đề tài hiện đại cho văn học. Ông B. Đubín, chuyên gia Viện Trung cầu Dân ý toàn Nga, nhấn mạnh rằng có một điều đặc biệt là sự công nhận của quần chúng trước văn học quần

chúng được hình thành không phụ thuộc vào việc giáo dục trong các trường học, và không cần tới quảng cáo trên báo chí. Những nghiên cứu xã hội học trong năm 1997 cho biết là khi trả lời câu hỏi “Hãy nêu tên các nhà văn yêu thích nhất của bạn?”, độc giả đã kể tên các nhà văn cổ điển thế giới như Lev Tolstoi, Puskin, Chekhov, Dostoievski, Điuma và... *Alexandra Marinina* - nhà văn Nga thuộc loại “mass literature” nổi tiếng hiện nay.

Vấn đề sách bán chạy nhất (bestseller) ở Nga cũng có nhiều khía cạnh lý thú và hoàn toàn khác với phương Tây. Bestseller ở Nga hiện nay do báo chí xác định hơn là do bán chạy thật hay không. Rất khó để biết được quyển sách nào bán chạy nhất ở Nga, vì theo các nhà xã hội học cho tới nay Nga vẫn chưa có một hệ thống thông tin chính xác về số lượng sách bán cụ thể, và không có cả sự tin tưởng đối với những thống kê được đăng!

Chính trong văn học quần chúng hiện nay những vấn đề nóng hổi nhất của hiện thực được phơi trần một cách rõ rệt. Cùng với tính cách hoang đường của cốt truyện, các tác phẩm văn học quần chúng hiện nay hướng tới sự thật, dựa trên những sự kiện và hiện thực của xã hội hiện tại mà tất cả mọi người dân đều biết và tồn tại trong tiềm thức của họ. Tiểu thuyết văn học quần chúng gây sự tò mò cho độc giả, cuốn hút họ vào cốt truyện. Văn học “cao cấp” hay “nghiêm túc” của Nga hiện tại đang thiếu cái đó và phải cần học hỏi trong văn học quần chúng ở tính cốt truyện, tính sự kiện, sự tiến triển hài hòa và chất đàm thoại.

Nói đến văn học Nga của những năm 90 không thể không kể đến một xu hướng mà trước đây văn học Xô- viết không có: “văn học phụ nữ” hay nói cụ thể hơn là tiểu thuyết tình phụ nữ. Hai nhà văn nữ viết tiểu thuyết tình nổi tiếng nhất bây giờ là bà Lidia Charskaya và Anatasia Verbiskaya. Các tác phẩm của hai bà bị giới phê bình chê rất nhiều trong khi đó người đọc lại say mê. Trong thời đại Xô- viết tiểu thuyết nữ không được phát triển. Nó chỉ mới bắt đầu có may mắn ra hoa kết trái trong những năm 1995 - 1996. Nhưng vào năm 1997 thì thể loại văn học này lại bị xuống dốc: các nhà xuất bản từ chối in chuyện tình nữ, nhuận bút thấp dần đối với nhiều tác giả. Vì vậy, một số tác giả đã chuyển sang thể loại khác cũng không kém phần hấp dẫn: tiểu thuyết trinh thám nữ. Theo bà T. Marozova của tờ báo *Văn học Nga* thì tiểu thuyết tình kiểu phương Tây là thể loại văn học may mắn nhất. Nước Nga không khác gì so với phương Tây: những người mua truyện tình thường là những bà nội trợ, buôn bán nhỏ và thuộc các ngành dịch vụ, nữ sinh viên. Nhưng cách mua sách thì khác nhau tùy theo điều kiện xã hội. Xã hội Nga hiện nay làm con người ít có mơ mộng, nhiều thực tế. Đó cũng là nguyên nhân khiến nền văn học riêng của nữ giới vẫn chưa được hình thành, nói ngắn gọn còn ở phía trước. Thay vào đó, “trinh thám nữ” trở thành một thể loại ăn khách hạng nhất.

Gọi là “trình thám” nhưng thực ra tình cảm ướm át thì nhiều còn trình thám thực sự lại ít.

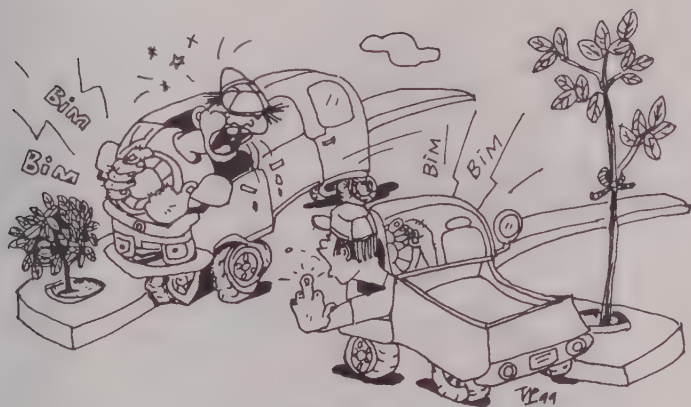
Các tác giả ăn khách nhất của văn học quần chúng hiện đại Nga là A. Buskov, S. Alexeev, A. Kivnov, M. Semenova, A. Marinina. Họ là những ngôi sao thực sự của thể loại văn học “gay cấn” ở Nga hiện nay. Có một điều đặc biệt là những nhà văn này là tác giả thường xuyên của nhà xuất bản “Olma - Press” và nhiều người trong số họ sống ở nông thôn.

Tựu trung, những nét đặc trưng của nền văn học Nga hiện nay là: Văn học nghiêm túc hay cao cấp ở trong tình trạng khủng hoảng, sách không bán chạy, quá ít độc giả, không có sức cuốn hút; Nền văn học quần chúng vừa hoang đường vừa phản ánh được hiện thực cuộc sống cùng các thể loại của nó phát triển mạnh, thu hút được độc giả, sách bán chạy; Thể loại văn học nữ còn đang hình thành trong trứng nước; Thể loại văn học truyện tình trinh thám nữ đang là thể loại ăn khách nhất, các tác giả ở thể loại này đang trở thành những ngôi sao thực thụ trong nền văn học hiện đại Nga những năm 90 thuộc thập niên cuối của thế kỷ XX □



Tình Mẹ Con

anh:Trịnh Độ



Đường hẹp - Gặp nhau Tay bắt Mặt mừng!

Tranh của: Hồ Toàn Phú



KHÔNG LỜI .

Tranh của: Hồ Toàn Phú



'Gi' Gi' Gi' Gi' CAI GI' CUNG CO' !
TRANH: HÀ TOÀN PHÚ



tranh của: Bảo Hư

GÓC

Vua

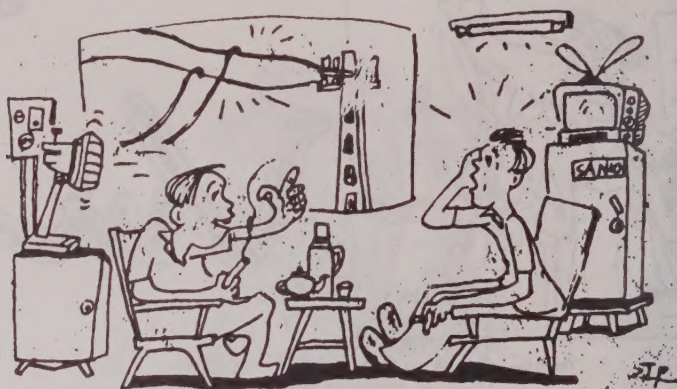
Điện hờn



Tranh của: Bảo Hư



Tranh của: Bảo Hư



"Cả phố mất điện, mình... hê! vẫn thoải mái!!!"



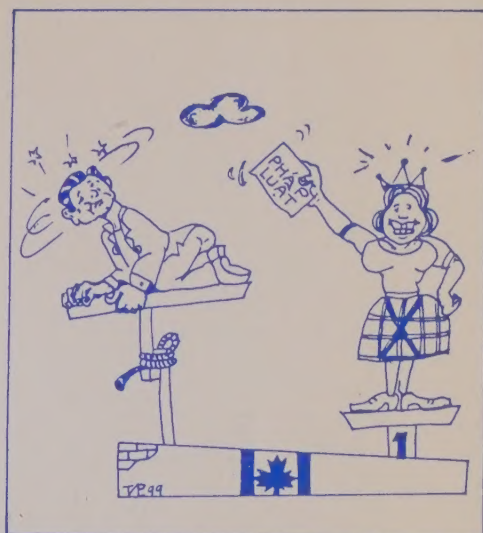
KHÔNG LỜI

Tranh của: Hà Tôn Phú.

Tranh Vui & BIỂM HỌA .



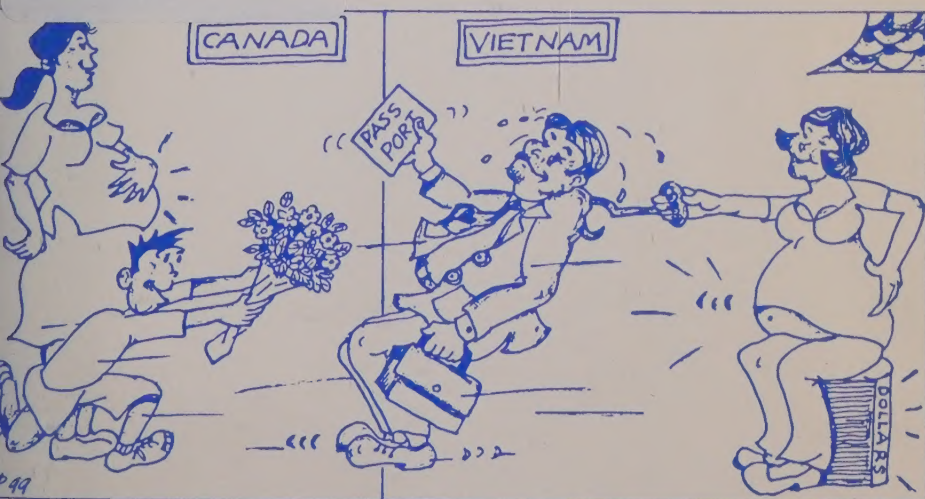
iên



Nam Nữ bình quyền.

Bình

Tranh: Hà Toàn Phú



Người ơi ... người ở đừng về

Tranh: Hà Toàn Phú



Muôn hướng dầu lênh đênh tim vẫn khắc Rừng Tiên nguồn cội Việt
Trăm năm dù lưu lạc, dạ còn mang cảnh sắc đất trời Nam.

Giá: \$10.00